



TẢN ĐÀ



THẠCH - LAM



NGUYỄN BÌNH





TẬP-SAN VĂN-CHƯƠNG TƯ-TƯỜNG NGHỆ-THUẬT

NĂM THỨ BA • SỐ 60 • RA NGÀY 15 THÁNG VI NĂM 1966

đọc trong số này :

● TƯỜNG NIỆM TÂN-ĐÀ :

5. thăm tân-đà lần chót, khởi-hưng & nguyên hoan . & hồn rượu của tân-đà, lưu trọng lư . 11. tình và bạn của tân-đà, khởi hưng . 13. đời làm báo của tân-đà, lâm tuyên khách, nguyên công hoan, phan khôi, tế xuyên, ngô tốt tổ . 31. mấy bài thơ hay của tân-đà .

● TƯỜNG NIỆM THẠCH-LAM :

33. tình cách tạo tác của thạch-lam . 37. hai đoạn thiên hay của thạch-lam.

● TRUY NIỆM NGUYỄN BÌNH :

51. tiểu sử nguyên bình . 52. đề nhớ nguyên bình những ngày ghé bến hà-tiên, mộng-tuyết . 59. vài kỷ niệm về nhà thơ nguyên bình trong thời kháng chiến ở miền nam, sơn-nam . 68. nguyên bình. chín năm đốt đuốc soi rừng, mai thảo . 72. mấy bài thơ tiêu biểu của nguyên bình .

● THƠ VĂN SÁNG TÁC :

2. chữ nở mùa son, thơ, đông hồ . 81. chim cú, truyện, thanh tâm tuyên. 90. thành phố anh đến, thơ, kiệt tón . 92. hãy an nghỉ, abdul rahim, truyện, vũ hồng . 103. viết là gì ? luận, j.-p sartre, nguyên minh hồng dịch . 111. mai sau, truyện, nguyên lân viêm . sa đọa, truyện kể, a. camus, trần thiện đạo dịch . 126. chêm treo ngành, thơ vui, xuân hiến. 128. tin văn văn, thơ trung . 133. giải đáp thắc mắc, lê ngọc trụ.



Tòa-soạn và Trj-sự : 38, Phạm Ngũ Lão, Sài-gòn, B.T. : 23.595

Bán - nguyệt - san Văn - chương Tư - tưởng Nghệ - thuật

- Chi-phiếu, bưu-phiếu để tên ông Nguyễn-đình Vượng (chủ-nhiệm)
- ★ Thư-từ, bản-thảo, ấn-phẩm để tên ở. Trần Phong-Giao (thư-ký tòa-soạn)
- Bán-nguyệt-san xuất-bản do nghị-định số 64/BTT/NĐ, ngày 4/12/1963
- ★ In tại nhà in riêng của báo VĂN. Quản-lý : Nguyễn-đình Vượng



thân gửi bạn đọc,

Thề theo yêu cầu của nhiều bạn đọc, nhân giáp ngày giỗ của thi sĩ Tản-Đà và nhà văn Thạch-Lam, chúng tôi lục đăng một số tài liệu xưa đề bạn đọc dùng làm tài liệu tham khảo. Mong quý bạn coi phần trích văn này như một phụ đính của hai số VĂN 35 và 36.

Cùng trong số này, về Nguyễn Bính, chúng tôi giới thiệu một thiên hồi ký và một bài tùy bút. Chúng tôi rất tiếc đã không thề làm trọn một số đề truy niệm nhà thơ vừa khuất. Rất mong sẽ được bạn đọc « thông cảm ».

Giáp ngày giỗ tất của nhà văn Nhất-Linh, chúng tôi trình bày trong loại « sách hay, in đẹp, bán rẻ » tập hồi ký của bảy tác giả nhan CHÂN - DUNG NHẤT - LINH. Xin đặc biệt lưu ý những bạn đọc không có VĂN số 14 nên tìm trong sách này một số những bài chính trước đã đăng trong số báo nay đã tuyệt bản.

VĂN số 61, xin mời bạn đọc RICHARD WRIGHT, nhà văn da đen Hoa-kỳ lưu vong nổi tiếng khắp hoàn vũ ; thường thức FISHBELLY, tác phẩm mới nhất của ông.



chữ nở mùa son

ĐÔNG - HỒ

Đất nước Miền nam,
Nước lành đất tốt
Nắng thơm mưa ngọt
Vàng Son thay đổi hai mùa

Mùa Vàng tết mùa Dân tộc
Mùa Son mùa tết Học trò

Mùa Vàng hoa mai hoa cúc
Mùa Son hoa phượng hoa vông
Hoa cúc hoa mai vàng rực
Hoa vông hoa phượng đỏ hồng

*

Một mùa Vàng
Một mùa Son
Một mùa giàu
Một mùa sang

Mùa Vàng giàu thực giàu
Mùa Son sang rất sang
Đã [có] mùa Vàng giàu gấm vóc
Còn thêm mùa [Son sang ngọc châu
Gấm vóc cho giàu Dân tộc
Ngọc châu [sang của Học trò

★

Thư sinh giàu vì chữ ngọc
Thư sinh sang bởi lời châu
Giàu sang nền Đại học
Xinh đẹp nếp Văn khoa

Hoa đến mùa hoa
Kỳ hẹn đúng kỳ
Khi son rắc hồng cánh phượng
Rủ nhau đi
Đem châu đem ngọc rắc Trường thi

Rộn rã tình châu
Xôn xao tứ ngọc
Tình châu tứ ngọc kết thành minh

Châu lung linh
Ngọc lung linh
Chữ ngọc giấy pho trang nhã
Lời châu bút nở tinh anh

★

Bạch diện Thư sinh
Hồng nhan Thư sinh
Mùa Sơn Thế hệ bước đăng trình

Son tươi lòng Thế hệ
Son tươi lòng Sử kinh

Một lần phượng nở Lòng Sơn nở
Phượng nở mùa Sơn ngát Tuổi xanh
Chữ nở mùa Sơn hoa bất tuyệt
Mực thơm son thắm Ý Bâng trình.

ĐÔNG-HỒ

(18 — 24.V.1966)

● *tưởng - niệm* Tản - Đà ●

vĩnh quyết Tản - Đà

THĂM TẢN-ĐÀ LẦN CHÓT

Hôm mồng sáu được tin ông Tản-Đà mệt nặng tôi đến Ngã-tư-Sở thăm ông tại nhà riêng.

Một người đàn bà có tuổi ra mở cửa. Bà meo máo bảo tôi :

— Nguy mất rồi, ông ạ.

Tôi cảm động, nghẹn ngào, nhất khi thấy bóng thi sĩ nằm co quắp, trên tấm ghế ngựa quang dầu buông chiếc màn sô trắng, trong gian phòng trống trải, trơ trọi một cái bàn xiêu và hai cái ghế nát.

Bà Tản-Đà ở phòng trong bước ra. Phòng trong nghĩa là nửa gian nhà, cách gian ngoài một bức tường mỏng mảnh và một cái cửa không cánh, không rèm.

Bà vừa mặc áo lương, vừa bảo tôi :

— Hôm qua tưởng đi, ông ạ. Phải tiêm thuốc hồi sinh mới tỉnh.

Rồi bà mở màn, cúi xuống nói với chồng :

— Ông Khái-Hưng đến thăm.

Thi sĩ trừng trừng nhìn tôi, mắt không chớp trong mấy giây.

— Ông Khái-Hưng đấy mà !

Tản-Đà gật. Rồi giơ tay ra hiệu bảo anh người nhà vắt màn lên, anh người nhà hầu chủ từ khi còn nhỏ, và đã khiến nhiều lần tôi tưởng tượng ra chủ tiểu đồng mang bầu rượu túi thơ đi theo sau một thi sĩ trong các bức tranh thủy mặc Tàu.

Tản-Đà vẫn yên lặng nhìn tôi. Tôi hỏi bà Tản-Đà :

— Thưa bà, ông mệt từ hôm nào ?

— Thưa ông đã lâu. Nhà tôi đi ăn gió, rồi bị cảm. Đã khò, rồi lại phải lại.

Anh người nhà nói chen :

— Thưa ông, ông con mệt đã mười bốn hôm. Từ hôm mùng năm, hôm nay mười chín vị chi vừa đúng mười bốn hôm.

Câu nói tỏ hết lòng trung thành của người đầy tớ trung thành. Anh ta đã tính nhầm từng ngày ốm của chủ, và có lẽ đêm nào anh ta cũng thức khuya ngồi túc trực bên giường bệnh.

Tôi đưa tay sờ trán người ốm. Một thứ lạnh ướt làm tôi rùng mình. Tôi như có cảm giác sờ vào cái thầy ma. Nhưng tôi gượng cười bảo thi sĩ :

— Không sao. Thế nào rồi cũng khỏi. Trông sắc mặt bác tươi tắn và nhất là mắt bác còn tinh thần. Thế nào cũng khỏi.

Một nụ cười hé cặp môi nhợt nhạt của nhà văn. Đó là lời cảm ơn lặng lẽ ? Hay đó là một câu thơ trào phúng ?...

Nhưng hi vọng dần dần trở lại trên nét mặt nặng nề. Và cả mắt lẫn miệng thi sĩ nhìn tôi đăm đăm. Tôi đoán đó là một câu hỏi và tôi trả lời :

— Bác đau gan. Trông sắc da vàng đủ hiệu. Bệnh đau gan, ngày nay người ta đã tìm được thuốc chữa rất công hiệu.

Cặp mắt mở to lắng hết tinh thần chăm chú nghe tôi. Rồi thi sĩ thốt ra một câu hỏi khe khẽ, lời nói thứ nhất mà tôi nghe thấy :

— Uống sâm có được không ?

Tôi lắc đầu :

— Không được, bác ạ. Sâm trệt. Vả sâm thực tốt khó mua. Uống sâm giả hiệu thì chỉ thêm nguy hiểm.

Bà Tản-Đà đỡ lời hảo hớn.

— Phải đấy mình ạ. Phần nhiều là sâm xấu.

Thì si lại hỏi :

— Ăn cháo có được không, bác ?

Tôi cảm động, nhận thấy người sắp chết cố nín lấy sống :

— Được chứ ! ăn xúp cũng được.

Rồi tôi giờ tay bắt tay từ biệt, nắm trong mấy giây cái bàn tay ướt lạnh như miếng thịt ướp nước đá.

— Chịu khó ăn cho chóng khỏe nhé. Mà khỏi rồi thì phải uống ít rượu thôi đấy.

Một nụ cười thứ hai lặng lẽ và tươi tắn đáp lại tôi.

Trưa hôm sau tôi đến thăm lần nữa, lần cuối cùng thì Tản-Đà đã mê man sắp từ trần.

KHÁI-HUNG

(Cái duyên của Tản-Đà,

Ngày Nay, số 166)

VĂN

Trong số này, chúng tôi có trích đăng văn của một số tác giả. Chúng tôi đã xin phép được vài vị, nhưng còn nhiều vị khác hiện nay không biết ở đâu, nên chúng tôi rất tiếc không sao liên lạc được.

Vì mục đích giúp cho lớp hậu sinh tìm hiểu người tiền bối, ước mong quý vị cũng thể tình thứ lỗi cho chúng tôi.

Xin chân thành cảm ơn quý vị.

GẶP TẢN-ĐÀ LẦN CHÓT

..... Cái ngày rất gần đấy mà tôi trở lại căn nhà 71, Ngã-tư-Sở, là ngày hai mươi tháng tư, tây lịch là ngày 7 Juin 1939. Tôi trở lại để không bao giờ gặp lại ông Tản-Đà nữa. Tôi, một kẻ ở, đến để ngắm chủ nhân đã là một người về. Lúc bấy giờ quá giờ Ngọ.

Sớm nay (7-6) ở Thư-viện ra, Vũ Bằng rủ tôi đi uống một cốc rượu mạnh. Gióc đường phố hàng Bông, người trưởng nam ông Nguyễn-Khắc-Hiểu mếu máo tin cho tôi biết rằng ông già cậu vừa mất. Thế là từ phút này, làng rượu đất Bắc mất một tửu đồ và tao-đàn mất một vị nguyên soái. Và cái bữa rượu bần chủ tôi uống hôm đầu tháng ở Cầu Mới với ông Tản-Đà là bữa rượu vĩnh biệt một thi nhân mà từ bây giờ chúng ta có quyền gọi sách mé là Tản-Đà, là Nguyễn-Khắc-Hiểu không cần chữ đệm.

Ngồi ở một tửu điểm Bờ Hồ, tôi vừa quẩy cốc rượu Berger cho nổi bọt lên, tôi vừa nghĩ đến một câu mà ông Tản-Đà đã gở miệng nói giữa bữa rượu hôm trước :

« — Nay bác Tuân, làm thế nào mà lúc chết, được đề mả ở chỗ Hàm-Rồng, Thanh-hóa, ngay chỗ bên cầu treo. Ở đấy mát lắm. » (1)

Rồi nghĩ đến cái việc trợ cấp năm trăm bạc chỉ một chút nữa là thành sự thực (2), tôi lại mừng cho cái thơm tho của một thi nhân. Có lẽ ông Trời muốn giữ cho thi nhân được trong sạch nên đã sớm gọi ông Tản-Đà về. Người trích tiên, đánh vỡ cái chén

(1) Ai xui ta nhớ Hàm-Rồng,

Muốn trông chẳng thấy cho lòng khôn khuây... »

(thơ Tản-Đà).

(2) Xem bài « Cái nghèo của thi nhân » đăng VĂN số 35, 1-6-1965.

ngọc ở Tiên-Cung, đã đến lúc mãn hạn đi đây ! « *Cái hạc* » đã « bay lên vút tận trời » ! Năm mươi mốt tuổi đầu, thế cũng là đến cõi. « Cửa trời, tham được có ngần ấy thôi ! » Tôi nâng cốc rượu còn đầy, chỉ định nhớ chứ không thương một thi nhân vừa đặt chân vào cõi Bất-diệt.

Nhưng lúc tôi vào nhà 71 Cầu Mới, lòng tôi thất lại. Ông Tản-Đà còn hấp hối. Và đang thở hắt ra. Cứ đều đều, cứ nhẹ thế cho đến hơi thở cuối cùng. Hai môi mím khít lại, ông Tản-Đà có nét mặt dần dúm của một người chết khó khăn. Phải, chung thân làm một người bất-đắc-chí, sống đã chẳng được toại lòng, người nằm sóng sượt đây khó mà đi cho nó nhẹ nhõm được. Tôi bắt đầu cảm thấy hơi lạnh. Ở đầu giường bệnh, vẫn cái tròng sách cũ nát trên cái ghế một thay làm án thư và bên tròng sách bừa bãi đây đó mấy trang bản thảo. Tập di cảo ! trời ! Và lẻ loi ở góc bàn, vẫn cái hũ rượu cấp giới ngày nọ. Tất cả, chỉ có thế thôi. Với một đoàn thể tử yếu và đuối !

NGUYỄN TUÂN

(Bài Chén rượu vĩnh biệt, Tao-Đàn
số đặc biệt, tr. 36-37)

SÁCH GIAO - ĐIỂM

PHÁT HÀNH THÁNG SÁU, SÁU-MUOI-SÁU :

mười nhà văn

mười truyện thời chiến

TẬP TRUYỆN NGẮN CHỌN LỌC CỦA :

DOÃN QUỐC SỸ. DƯƠNG NGHIÊM MẬU. MAI THẢO.
NGUYỄN MẠNH CÔN. NGUYỄN ĐÌNH TOÀN. SƠN NAM.
THANH TÂM TUYỀN. THẾ UYÊN. VÕ PHIẾN. Y UYÊN.

rượu, tình và bạn của Tản-Đà

BẦU RƯỢU CỦA TẢN-ĐÀ

« ... Sống xa sự phú quý, tiên sinh nhất quyết làm thi sĩ. Tiên sinh là tác giả « *Khối tình con, Giấc mộng con* » v.v., những bài thơ « *Đằm như sương, Sáng như sao, Lạnh như tuyết* » nhưng cũng lại là chủ nhiệm của tờ *An-nam tạp-chí*, một tờ báo cũng lên đên như đời người đã để ra nó. Nếu tiên sinh có lúc được hưởng đôi chút vinh dự thì có lúc — mà nhiều lắm — tiên sinh cũng đã chịu muôn điều khổ nhục. Nếu có lúc tiên sinh đã có cái hào phóng của một thiên sứ, thì có lúc tiên sinh cũng thấy sự cô lạnh của một kẻ đồ lưu. Tiên sinh tưởng như bị đày xuống cõi đời và đề trả cho hết bao nhiêu oan nghiệp vắn vương từ một kiếp trước. Nhưng cũng may, trời đã bắt tiên sinh làm thi nhân, trời còn cho tiên sinh được làm một kẻ tửu đồ. Tản-Đà xuống cõi đời, với một bầu rượu trên vai. Cái bầu rượu ấy, tiên sinh mới chịu gác lại chỉ mới cách đây 15 hôm, trước ngày vĩnh quyết : Cái bệnh đau gan ác hại mới có thể cấm ngăn tiên sinh đừng uống rượu mà thôi. Cái bầu rượu ấy đã cứu cho tiên sinh biết bao điều, mà than ôi, không cứu được cái tính mệnh của tiên sinh. Nó đã cứu tiên-sinh khỏi bao nhiêu sự lo toan, nhọc nhằn, đau khổ, nghèo khó. Nó đã đưa lại cho tiên-sinh bao nhiêu sức mạnh, bao nhiêu can đảm để chống cự

với đời, và nhờ nó, tiên-sinh đã đánh ngã được đời, dầu không thể đánh ngã được cái chết. Thực vậy, tiên-sinh là một kẻ đã chiến thắng, và tiếng kèn đưa tiên-sinh về nơi thiên cổ, có thể là một khúc khải hoàn. Những lúc đau khổ thì tiên-sinh đã say túy lúy và không còn biết trời đất là gì nữa, còn lại những thì giờ nào, thì tiên-sinh chỉ hát nghêu ngao, tìm cái vui thích của mình trong một câu văn, trong một món ăn, trong một điệu múa (vì tiên-sinh cũng là một tay kiếm sĩ) trong một giọng hát (vì tiên-sinh cũng còn là một kịch sĩ). Tiên-sinh là một người hành lạc và đã dạy ta « đạo » hành lạc, không phải là một đạo hành lạc thô bỉ của kẻ tham lam, mà là cái đạo hành lạc thanh khiết, cao thượng của một kẻ tài hoa. Cuộc vi thế đối với tiên-sinh chỉ là một « công trình mỹ thuật ». Mà tiên-sinh chỉ là một « nghệ sĩ », một nghệ sĩ của cuộc đời nhiều hơn là của « Thơ văn ». Viết, làm thơ, đối với tiên-sinh cũng chỉ là một cách hưởng thụ đời, nhưng hưởng thụ một cách... mỹ thuật hơn hết. Cái quan niệm ấy, đã làm cho cuộc đời đối với tiên-sinh không còn là một con ngựa bất kham nữa, vì người vừa xuống ngựa đó, đã là một kẻ khéo giữ giây cương. Tiên-sinh đã san bằng con đường đời, một con đường đầy gai góc. Nhưng con đường dầu dễ đi, con ngựa giang hồ ấy cũng đã đến lúc chồn chân. Thật vậy, dầu nghèo đói, nhà thi sĩ vẫn bình thản đi tìm cái sống, và đón cái chết... »

LƯU TRỌNG LƯ

(Tản-Đà tiên-sinh không còn nữa.

Tao-Đàn, số 8, 16 Juin 1939, tr. 759-760)

TÌNH VÀ BẠN CỦA TẢN-ĐÀ

Rượu, tình, bạn, đó là ba thứ giữ Tản-Đà lại trên cái giốc chán đời.

Nhưng tôi không tin rằng Tản-Đà là người đa tình, là người có tình : ông vẫn chỉ là một người có duyên.

Nhờ cái duyên đậm thắm, ông được người ta yêu. Người ta

Ông thích bạn đáng hơn ông lấy làm bạn. Thơ thái

Đừng đòi ông sâu khờ vì ái tình, đừng bắt ông hy sinh cho ái tình :
Đối với những người yêu ông, ông phải là một ông vua trong đám
cung tần.

Đối với bạn chung tình, ông phải là người chồng được đặc
biệt kính mến trong mấy câu thơ :

*Trăm năm tiếng hạc đã xa
Mười năm tiếng hạc lại qua ở đời
Tình yêu kẻ biết mấy mươi,
Thêu hoa dệt gấm cho người cứu nguy.*

Trời sinh ra ông đề mà được yêu và trời sinh ra đời đề mà
yêu ông.

Người ta sẽ đem ái tình thứ nhất của ông ra đề đánh đố cái
thuyết của tôi. Người ta cho rằng Tản-Đà đã đau đớn vì tình, đã
trở nên thi sĩ vì tình. Nhưng tôi, tôi nhận thấy rõ ràng cái cơ đau
đớn của Tản-Đà. Đó không phải thất vọng vì tình.

Đó chỉ là lòng tự ái, tính tự cao tự đại đem lên đến tột
dịch.

Người yêu phải âm thầm, sâu nảo. Người yêu không thể thố
ra những lời bức tức, oán trách. Người yêu không bao giờ hết
yêu được người mình đã yêu dù người ấy tệ bạc với mình, dù
người ấy không yêu mình. Người yêu không thể tàn nhẫn gửi nhắn
kẻ đã phụ mình câu ca dao :

Mình chê ta khó lấy ai cho giàu

Và Tản-Đà không bao giờ có một người yêu độc nhất. Nay
yêu người này, mai yêu người khác, có khi yêu cả những người
không quen biết. Yêu, nghĩa là đề cho người ta yêu.

Vì một bài ca :

*Muốn ăn rau sắng chùa Hương
Tiền dò ngại lớn, con đường ngại xa
Mình đi ta ở lại nhà
Cái dưa thì khú cái cà thì thâm.*

đăng trong " Khố tình con " mà một cô "cầm" Tản-Đà gửi tặng
rau sắng với một bài thơ họa, cố nhiên.

*Không đi em gửi lại nhà
Tiền đồ khỏi tổn, đường xa hóa gần.*

Thế là bắt đầu cuộc tình ái của Tản-Đà với cô không quen biết, tình ái xa xăm và nhẹ nhẹ. Tản-Đà cho yêu thế là đủ lắm rồi, mê man say sưa mà làm gì? Yêu chỉ có nghĩa là « biết ».

Không phải là tình không có thể to tát. Nhưng to tát thì to tát, chứ đắm say thì không đắm say. Nặng lời thề như *Nước* với *Non* mà tình yêu nhau cũng chỉ thoáng qua.

Bảo cho Non chớ có buồn làm chi.

Sự thực, Non không buồn. Non chỉ đứng sững cho nước chảy lượn quanh.

*Nước đi ra biển lại mưa về nguồn
Nước non hội ngộ còn luôn*

.

*Nước kia dù hãy còn đi,
Hoa tươi cỏ lố, non thì cứ vui.*

Cái tình nước đối với non là cái tình của bạn gái đối với Tản-Đà. Cô này qua thì đã có cô khác tới, trong khi thì sĩ cứ vui với « hoa tươi cỏ tốt » của thi ca.

Tản-Đà không yêu. Nói thế thực tôi không sợ lắm. Hơn thế, Tản-Đà chỉ nhìn thấy gồm có một bọn yêu mình, mà không phân biệt nam, nữ. Một người đàn ông phục mình, yêu mình, Tản-Đà coi không khác một người thiếu nữ xinh tươi nằm nép dưới chân ông.

Tình yêu và tình bạn, đối với Tản-Đà, chỉ là một.

Nhưng trong làng văn nước ta, được nhiều người yêu mến khi còn sống, để mới có Tản-Đà.

KHÁI-HUNG

(Cái duyên của Tản-Đà, Ngày nay,
số 166, 17 Juin 1939. tr. 12. 19.)

đời làm báo của Tản-Đà

MỘT THÁNG VỚI TẢN-ĐÀ

1929. *An-nam tạp-chí* sau bao nhiêu lần đảo ngọn cờ vàng (1), lại ra đời ở số I Francis-Garnier trên một căn gác rộng rãi trông thẳng ra hồ Hoàn-kiểm.

Lần này tiên sinh hợp tác với một ông ấm ở hàng Gai.

Nếu tôi nhớ không lầm thì sở dĩ có sự hợp tác ấy là do một lẽ về tiền tài. Hình như hồi ấy, tiên sinh còn thiếu của ông ấm nói đây một số tiền độ vài trăm đồng chi đó, nên ông này muốn cho *An-nam tạp-chí* lại ra đời để ông có dịp thu lấy nợ. Ông chỉ đứng trông nom về mặt tiền tài, nghĩa là thu nhận tiền mua báo, chi phí việc ấn loát và mọi khoản chi tiêu khác về tòa soạn. Còn Tản-Đà tiên sinh thì chỉ trông nom về văn bài, cho nên trên bìa *An-nam tạp-chí* hồi đó có những danh từ « chủ nhân » và « chủ sự » rất lồi thối.

Tiên sinh chịu để báo *An-nam* lại ra đời với một nội trạng như thế là vì, theo lời nói của một người trong quyển thuộc tiên

(1) Cờ vàng là cờ hiệu của *An-nam tạp chí*. Khi báo bị đình bản lần thứ nhất ở Hàng Lọng. Tản-Đà tiên sinh trước khi vô Nam có than rằng : « Cờ vàng đảo ngọn, nước non thân thể ngậm ngùi ai ! »

sinh, nếu ngày ấy *An-nam tạp-chí* không tái bản thì sẽ bị thu giấy phép.

Sớm có khuynh hướng về văn chương nên năm đó tôi thường có bài lai cáo trong *An-nam tạp-chí*, tuy còn đang đi học ở Hà-thành. Tôi đang ước ao được gặp tiên sinh thì một hôm, bạn tôi, anh Nguyễn-danh-Đăng, cháu gọi tiên sinh bằng chú, đưa tôi đến giới thiệu với tiên sinh.

Tôi không còn nhớ rõ cái cảm giác của tôi lúc ấy như thế nào, nhưng tôi, một người vẫn hâm mộ tiên sinh, mê văn tiên sinh hơn mê gái, lúc được tiên sinh tiếp kiến, hẳn trong lòng phải lấy làm sung sướng, cảm thấy một cách mơ hồ như mình có cái thánh phúc được trông thấy một đấng thiêng liêng mà xưa nay mình vẫn thờ trong tâm tưởng.

Tòa soạn có hai ngăn : trong và ngoài. Ngăn trong rộng hơn là phòng khách. Ngăn ngoài, chỗ tiên sinh kê bàn giấy, có sân gác trông ra hồ. Ở đấy, tiên sinh tiếp tôi rất niềm nở.

— Thưa cụ, tôi nói, vì yêu chuộng quốc văn, hâm mộ văn tài của cụ, nên tôi đến đây với một ý muốn được cụ thu dụng trong tòa soạn, để được luôn luôn trực tiếp với cụ và mong cụ đề tâm rèn luyện cho.

— Tôi rất vui lòng, tiên sinh đáp. Nhưng tôi hỏi thực « cậu đồ » — tiếng của tiên sinh dùng để gọi tôi — cậu đồ có cần phải có một số lương hàng tháng để cấp đỡ gia đình không ? ...

— Thưa cụ, vì yêu mến văn chương mà tới đây hầu cụ, thực không dám có một mảy may ý nghĩ về tiền tài. Vả, tôi thực chưa đến tuổi đi kiếm tiền để nuôi gia đình.

— Nếu vậy hay ! — tiên sinh vừa cười vừa nói. Cậu đồ ạ, lương chủ bút như tôi đây cũng chỉ có mỗi ngày hai bữa rượu mà thôi ! Vậy thì hãy tạm « phong » cho cậu làm thư ký tòa soạn nhé ! « *secrétaire de rédaction* » cậu hiểu chưa ? Cậu đồ ạ, cậu đã yêu mến cái nghề văn tự này, tuy nó là một nghề bạc bẽo nhưng cũng phải thành tâm với nó thì mới được. Có thành tâm với nghề thì mới thành nghề. Nếu bây giờ đi buôn gỗ lải ngay tiền vạ, Hiếu đây cũng không buôn, bỏ đi làm Tổng-dốc lương tháng bốn trăm,

Hiếu đây cũng không làm. Hiếu chỉ phụng sự nghề thơ văn mà thôi...

Sau những lời khích lệ ấy, tiên sinh thu dùng tôi như một tiên ông thu dùng đồ đệ... Thế rồi, với cái tuổi còn non nớt, với cái học lực còn thiển cận, tôi, vì muốn học quốc văn, đã bỏ cái đời học sinh vui thú để làm thư ký riêng cho một ông chủ báo, và hơn nữa, một nhà thi sĩ có danh.

Công việc của tôi cũng không lấy gì làm khó khăn : chỉ phải sao chép những bài tiên sinh đã viết ra, nhận thư từ các nơi gửi đến, trả lời khi độc giả hỏi những việc thường, và nhất là, khi có khách, đem văn của tiên sinh mới viết ra đọc cho khách nghe.

Kể trong mấy trăm lá thư mà tay tôi đã bóc, có một cái khiến tiên sinh, khi nghe tôi đọc phải bồi hồi cảm động. Đó là lá thư của một cô nữ-sinh-viên lớp đệ-tứ-niên (4^e année) trường Đồng-Khánh (Huế) viết cho tiên sinh đề mừng *An-nam tạp-chí* lại ra đời.

Trong thư cô ca tụng cái thi tài của tiên sinh. Thế rồi, ở cuối thư, sau khi hỏi xin tiên sinh một tấm ảnh, cô viết :

« Thưa Tiên-sinh con dám tin rằng tiên sinh cũng như thi hào Victor Hugo nước Pháp; rất có lòng mến yêu con trẻ. Vậy trước khi dùng bút tiên sinh cho phép con được nói thế này : « Je vous embrasse tendrement, mon chéri papa. »

Tiên sinh đọc cho tôi viết trả lời bức thư ấy. Sau khi cảm ơn những mối thiện cảm của cô nữ sinh viên đối với tiên sinh và *An-nam tạp-chí*, tiên sinh nói bình sinh chưa chụp ảnh bao giờ nên không có ảnh để cho cô. Rồi để tạ lại tấm lòng yêu mến của cô đã coi mình như cha, cuối thư tiên sinh bảo viết :

« Je vous embrasse tendrement ma chère enfant. »

Ký tên : *« Papa Tản-Đà. »*

Tiên sinh coi đó cũng là một chuyện rất lý thú trong đời thi sĩ của mình, cũng như câu chuyện rau sắng chùa Hương hồi trước vậy.

Ngày nào nhiều việc, tiên sinh thường giữ tôi lại ăn ngủ ở đấy. Ban ngày tiên sinh không làm việc, chỉ uống rượu, nói chuyện hay

đọc sách. Cứ vào khoảng từ hai ba giờ đêm, lúc ấy là lúc thành phố Hà-nội đã ngủ im, tiên sinh mới trở dậy thắp nến viết văn cho đến sáng.

Một đêm kia, dưới ánh lửa hắt hiu của hai ngọn nến cắm hai đầu bàn, tiên sinh ngồi làm việc lung lăm. Bỗng nhiên tôi bị những tiếng cười ròn rã đánh thức dậy. Qua bức màn thưa, tôi nhìn ra chỉ thấy một mình tiên sinh ngồi đó với tất cả cái vui hồn nhiên của một người.

— Cậu đồ ơi, dậy mà xem này !

Tôi trở dậy, tiên sinh đưa bản thảo cho xem, thì ra tiên sinh vừa viết xong một bài đề đăng vào mục “ xã-hội thiện-đàm ” nói về việc “ ăn thịt chó ” của người An-nam. Tiên sinh đặc ý nhất ở chỗ đã phân biệt được việc ăn “ giả cầy ” làm ba hạng : đệ nhất hạng giả cầy, đệ nhị hạng giả cầy và đệ tam hạng giả cầy. Tôi tiếc rằng không còn bài ấy trong tủ sách để thuật lại đây cho độc giả nghe chơi.

Hai thầy trò cười với nhau cho đến sáng.

Hôm sau hễ có ông khách nào ở làng văn hay làng báo đến chơi, là tiên sinh bảo tôi đem đọc cho khách nghe. Hôm ấy tôi phải đọc có hơn mười lần.

Tuy là một nhà thi sĩ, hơn nữa một thi sĩ luôn bị cái bản bách dầy vò, nhưng tiên sinh rất ghét sự buồn.

Tiên sinh thường nói chỉ có những kẻ vô-ý-thức mới hay buồn.

— Đời đã là một cuộc tranh đấu, tiên sinh thường bảo tôi, hành bại là sự thường, can chi mà buồn. Cậu đồ ạ, ta đã thua đời ở chỗ không được giàu sang, ta phải giữ lấy tinh thần cho cao quý, đừng nên để thua nốt họ về tình cảm. Phải vui vẻ mới được. Vui vẻ có thể là một yếu tố để tạo thành tương lai cho tuổi trẻ, hạnh phúc của trường thành và sự êm đềm cho tuổi già về mai hậu...

Tiên sinh lại hay nghị luận và cũng có khi lại ngụy biện là khác nữa.

Tôi còn nhớ một ông chủ báo — nếu tôi không lầm thì có lẽ là

ông Mai-du-Lân, chủ bút báo *Thực-nghiệp*, mà hồi ấy vì cái thuyết hoài nghi của ông, người ta gọi đùa là Mai-phu-Tử — đến phỏng vấn tiên sinh về việc xin tự do ngôn luận cho các báo ở Bắc-kỳ.

— Bây giờ làng báo ta, lời ông Lân, định xin bỏ tòa kiểm duyệt, tiên sinh nghĩ thế nào?

Tản-Đà tiên sinh đáp :

— Xin bỏ kiểm duyệt à ? Nếu nhà nước chiều lòng các ông mà bãi tòa kiểm thì riêng một mình *An - nam tạp - chí* của tôi xin kiểm duyệt.

Ông Lân ngạc nhiên hết sức, không hiểu có sao tiên sinh là một nhà báo lại không muốn có sự tự do ngôn luận. Ông ngồi ngây ra không nói được nửa lời. Tiên sinh điềm nhiên tiếp :

— Từ Hà-nội sang Gia-lâm, có cái cầu Paul Doumer thì ai đi chẳng được ? Nay bắc một cây tre mà đi được mới tài ! Cho nói thì thẳng nào chẳng nói được ? Cái này, không cho nói mà nói được mới khéo. Đấy rồi ông xem... nếu xin bãi được tòa kiểm duyệt thì rồi chán vạn đưa ngồi tù... »

Rồi tiên sinh cười ha hả.

Rồi ông Lân không biết nói thế nào, cấp mũ đi ra.

Là một tín đồ của học thuyết Lư-thoa (J. J. Rousseau) mà tiên sinh đã thấm thái được qua các văn hào Trung-quốc (như bọn ông Lương-khải-Siêu), tiên sinh không chịu nhìn nhận sự ích lợi của việc tổ chức xã hội, nhất là về phương diện giáo dục. Tiên sinh thường cho các học đường là những cái khuôn nhất định đúc thành một hạng người như nhau tất cả. Thiên tài của người ta không phát triển ra được — hoặc có nhưng số ít — phần thì bị những học quý nghèo ngặt bóp chết, phần thì bị những khuôn sáo cổ truyền làm cho mai một đi. Có lẽ tiên sinh là người Việt - nam đã tôn sùng cái « tiêu dao học phái » (péripatétisme) của Aristote đời Hy-lạp chủ trương. Và thời thường tiên sinh vẫn nói một cách rất tự hào : « Nếu tôi không thi trượt ở trường Nam thì tất nhiên đã bị hút vào cái khuôn khổ của một người tầm thường có lẽ cũng có thể làm nên được một ông quan mà cái tài chỉ rút lại ở chỗ nay

« bầm » mai « sức », cái sự nghiệp một đời chỉ ở chỗ no ấm cho vợ con. »

Những lời nói ấy không lạ ở một nhà thi sĩ có tâm hồn cao thượng như tiên sinh, suốt đời chỉ uống rượu, làm thơ, đề sống ở trong mộng với những người tình nhân không quen biết.

Những tư tưởng ấy cũng không lạ ở một nhà cựu học còn sót lại với một khối óc bảo thủ ở cái xã hội đang náo nức canh tân, cũng như người ta đã không lạ khi thấy tiên sinh gọi ông Phan Khôi là một cái « nạn », rồi « kết án » ông này chỉ vì cái tội đã vạch chỗ sai lầm của Tống-nho. Ấy thế mà, cái công việc « bài trừ nạn Phan Khôi » của tiên sinh còn được một ông Cử ở thành Đông coi như công việc « tịch Dương, Mặc » của Mạnh Kha đời Chiến-quốc. Tôi mong các nhà viết Việt-nam văn-học-sử sau này khi luận về Tản-Đà tiên-sinh nên thận trọng về chỗ đó.

Được gần một tháng. Một buổi sáng kia, theo lệ thường, tôi từ nhà trọ ở hàng Trống đến giúp việc tiên sinh thì trời ơi, một cảnh tượng đã khiến tôi, hồi ấy mới mười bảy tuổi, đã nhận thấy đời thật thực xấu xa, mà ngao ngán cho đời các văn gia, thi sĩ ở cái xã hội Việt-nam thiếu lịch sự và không biết trọng nhân tài này. Tôi vừa leo khỏi bậc thang đã nghe thấy tiếng la hét trộn lẫn trong những câu nói rất tục tằn bỉ ổi của một người đàn bà đang âm ỉ rên toà soạn. Lên tới nơi, tôi thấy một bà to béo, mặt đánh ác, đang nhẩy lên như một người hóa dại mà sủa sói vào trước mặt nhà thi sĩ lúc ấy đang điềm nhiên ngồi trên ghế dựa với một nụ cười khinh bỉ. Người đàn bà ấy là ai, vì trọng danh dự người tôi không muốn nói rõ ra đây, chỉ xin độc giả biết rằng bà ta là một người chủ nợ đã bức hăm tiên sinh để mưu lợi riêng của mình.

Thấy tôi đến, tiên sinh gọi :

— Đi thôi cậu đồ ơi !

Tôi lục trong tủ thấy hai cái tay nải không biết để đấy tự bao giờ. Tôi đem bao nhiêu sách vở — phần nhiều bằng chữ Hán — và quần áo tiên sinh sắp vào đấy, rồi—như một anh hàng tấm gánh hàng

đi chợ — tôi, theo lời tiên sinh dặn, gánh chạy trước ra bến tàu điện Hà-dông. Một khắc sau, tiên sinh áo sa, nón dứa, guốc kinh, ung dung bước lên tàu. Tuy văn chương hạ giới thật có vẻ như bèo, nhưng lần này tôi gánh văn hầu tiên sinh không phải đem lên bán ở chợ trời, nhưng để đi vào làng Văn-quán trong Hà-dông lánh nạn.

Sau tôi được biết rằng sở dĩ có cuộc xô sát của người đàn bà vạm vỡ và bất lịch sự ấy là vì tiên sinh, sau khi đã nhận thấy người ta y vào số nợ, bức hãm mình nghèo, lợi dụng cái tài của mình để kiếm lợi, muốn cùng mấy người bạn thân, trong số đó có ông Kính-Đài Nguyễn Thống, lập lại *Tản-Đà thư-cục*, lấy lại *An-nam tạp-chí* ở trong quyền chi phối của ông ẩm hàng Gai. Miếng mồi ngon nào ai chịu bỏ, nên người ta đã nhẫn tâm phá đám bằng một cách tục tằn đó.

An-nam tạp-chí lại chết.

Tản-Đà thư-cục cũng không thành.

Mà trong "giấc mộng lớn" tiên sinh lại thêm một bước ba đào nữa.

Tiên sinh có gia quyến trong Văn-quán. Tôi ở đấy cùng tiên sinh trong ít hôm.

Rồi một buổi sáng, ở trước ga hàng Cỏ, tiên sinh cầm tay tôi, ngậm ngùi :

— Tôi rất cảm ơn cậu đồ đã thành tâm với tôi từ bấy đến nay. Nhưng bây giờ là lúc thầy trò ta phải tạm biệt nhau trong ít lâu...

Tiên sinh đi Nam... Tôi trở lại hàng Trống để nối lại cái đời học sinh của tôi bị lũng đoạn. Từ ngày ấy tới nay, đã mười năm rồi. Tôi vì bôn ba lợi danh cơm áo, nên ít có thư từ đi lại với tiên sinh.

Đêm nay được tin tiên sinh đã từ trần, tôi đốt nến và thắp hương ngồi viết bài này.

LÂM TUYỀN KHÁCH

Chợ Ngọc 29 Juin 1939

(Ngày Nay, số 171, 22 Juillet 1939, tr. 10-11)

TẢN-ĐÀ LO TÁI BẢN AN-NAM TẠP-CHÍ

... Đêm hôm ấy tôi không chợp mắt tý nào. Mà hai chúng tôi nói chuyện rất nhiều, song có lẽ hai người cùng quên cả câu chuyện chính là việc *An-nam tạp-chí*, nó đã làm cho ông Hiếu về chơi với tôi.

Sáng hôm sau, tôi dắt ông Tản-Đà đến giới thiệu với ông Nguyễn-Trọng-Thuật, ở gần nhà. Rồi khi trở ra về, ông Tản-Đà thốt nhiên bảo :

— Hay là ta đi Hải-dương, nhân tiện đến nhà Trịnh-Đình-Rư nói chuyện thì hơn.

Thế là chúng tôi lại thuê xe ra Hải-dương ngay.

Nhưng đến Hải-dương, chúng tôi cũng chẳng nói chuyện được gì cả. Vì giữa đường, chúng tôi bị xe nồ bóm, phải kéo bộ mất gần năm cây số dưới trời nắng chang chang. Cho nên đều mệt lử, và kiếm chỗ mát để nằm lăn ra ngủ.

Đến chiều, thi sĩ đòi về Hà-nội, và tôi cũng phải về Nam-sách. Khi xe lửa sắp tới, ông Tản-Đà cười :

— Thôi, chuyện mờ báo, đề bao giờ ông lên Hà-nội, tôi mới nói được.

Và nghĩ đến cuộc đi chơi vô ích, ông nói thêm rằng :

— Cái lần thứ nhất tôi vào với ông Diệp-văn-Kỳ cũng vậy, ở từng ấy ngày trong Sài-gòn mà chẳng có lúc nào nói đến chuyện báo với ông Kỳ, đến lúc ra xe về Bắc, tôi vẫn còn say, chỉ dặn ông ta có một câu : Tôi say quá, đề đến kỳ sau tôi vào, tôi sẽ nói chuyện.

NGUYỄN CÔNG HOAN
(*Tao-Đàn*, số đặc-biệt, tr. 94-99)

TẢN-ĐÀ LÀM BÁO Ở HÀ-NỘI

... Bấy giờ báo còn bị kiểm duyệt. Bài thứ nhất tôi viết cho *Hữu-thanh* là bài « Nghĩa làm dân » được ông khen lắm, nhưng bị kiểm duyệt xóa bỏ, không được đăng. Một hôm, giữa bữa rượu, ông nói cùng tôi rằng : « Đó, anh coi, tôi viết bao nhiêu bài không sao, còn anh mới viết một bài đã bị xóa, đủ biết ai có tài đáng làm chủ bút hơn » ; Tôi vẫn biết ông nói chơi, nhưng nói chơi bằng một câu chẳng có ý cao thượng tí nào, làm cho tôi không thích.

... Ông Hiếu làm chủ bút *Hữu-thanh* đâu chừng nửa năm rồi ông từ chức. Sự ông từ chức, tôi cũng cho là phải, dù tôi tôi cũng không làm được, huống hồ là ông ấy !

... Vì hai cái thái-độ không thể dung nhau ấy (1) làm cho hai chúng tôi khi biệt nhau rồi là thôi, không hề có thư từ gì cho nhau cả. Mãi đến sau, khi ông Hiếu vào Sài-gòn thì tôi chưa có ở đó. Kịp lúc tôi ở Sài-gòn, có gặp ông ở Bắc vào một bận, thì hai người vẫn tay bắt mặt mừng như xưa mà tâm tình đã thấy có chỗ cách biệt với nhau rất xa. Đó rồi ông về, lên án đòi chém Phan-Khôi trong *An-nam tạp-chí*.

Tôi biết ông Tản-Đà là người thông minh, có thiên tài, nhưng không chịu học. Ông tự cho ông như thế là đến nơi rồi, không còn tiến bộ gì nữa ; bởi vậy ông thấy đời không được rõ. Biết như thế nên tôi đã thật tình nhận thua ông đi, ông đòi chém tôi mà tôi chẳng hề cãi lại nửa lời.

PHAN KHÔI

(Tôi với thi sĩ Tản-Đà,
Tao-Đàn, số 9-10, tr. 508-810)

(1) Xem bài « Tản-Đà, người hưởng lạc », đoạn cuối ; đăng VĂN số 35, ngày 1-6-1965.

TẢN-ĐÀ LÀM BÁO Ở SÀI-GÒN

Vào Nam « làm báo » nhưng ông Tản-Đà không có gì là cốt cách của một ký giả tân văn như các ông Đào-Trinh-Nhất, Bùi-Thế-Mỹ... Sanh ra là nhà thơ, có tài làm thơ thì vào một tờ nhật báo, ông cũng chỉ là một nhà thơ không hơn không kém.

Ông Diệp-văn-Kỳ rước ông vào tòa soạn cũng chỉ mong báo *Đông-Pháp* được những nét bút tài hoa tô điểm « trương Văn-chương » với hai chữ ký « Tản-Đà » đã lừng danh từ Nam chí Bắc. Với một bài thơ mỗi tuần, còn có ông Tùng-Lâm phụ tá, và cả ông Ngô-Tất-Tố nữa, ông chủ nhiệm *Đông-Pháp thời-báo* dám tổ bụng liên tài, thù lao Tản-Đà mỗi tháng một trăm đồng (bằng lương Chủ-quận; hồi đó một viên thư ký ăn lương có 12 đồng). Ấy vậy mà lắm khi báo sắp lên khuôn, tòa soạn vẫn chưa có thơ Tản-Đà, ông Diệp phải cho tùy phái ba lần, bốn lượt vào tận nhà của thi sĩ ở Xóm Gà (Gia-định) để đốc thúc. Có lần Tản-Đà nổi nóng, đã thốt ra một câu nói lịch sử: « Làm thơ đâu phải bữa cửi mà muốn lúc nào có lúc ấy » !

Mà khổ nỗi trương Văn-chương *Đông-Pháp thời-báo* thiếu thơ Tản-Đà tức là mất hết đặc tính của nó. Tiểu thuyết Phú-Đức đã có phen gây thặng trăm cho mấy tờ báo Sài-gòn cách đây ba mươi năm, thì thơ Tản-Đà cũng gây uy tín cho tờ báo của ông Diệp-văn-Kỳ không kém...

TẾ - XUYÊN

(*Văn-đàn*, số 5, tuần lễ 2-8/7/1960)

VĂN số 61

ĐỌC VĂN RICHARD WRIGHT

Tản-Đà với đất Đồng-nai

TẢN-ĐÀ Ở NAM-KỲ

Từ khi *Tao-Đàn* dự bị ra số đặc biệt về giấc mộng lớn của ông Tản-Đà, các ông tòa soạn có bảo tôi viết một bài, đầu đề mặc tôi lựa chọn.

Cái đó là lẽ tất nhiên.

Đem cái giao tình của tôi với ông Tản-Đà đặt trước cảnh kẻ còn người khuất, nghĩa vụ của tôi đã buộc tôi không thể khiết nhiên với số tạp chí có ý nghĩa ấy. Huống chi lại thêm có lời yêu cầu của anh em.

Chỉ tiếc lâu nay tôi ít gần ông Tản-Đà. Từ ngày ở Nam ra Bắc, thăm thoát đã đúng mười năm, tôi chỉ gặp ông độ bốn, năm lần, mỗi lần chừng nửa giờ hay một giờ. Trong khoảng đó, tính tư tưởng của ông ra sao, tôi không được rõ. Và tôi biết ông cũng lại khi muộn. Cái năm 1925, tôi dịch cuốn *Cầm-hương-đình* bán cho Tản-Đà thư-diểm, bấy giờ mới gặp ông một lần đầu tiên. Trước đó, thân thể ông thế nào tôi cũng không được biết kỹ.

Vậy thì, về ông Tản-Đà, tôi sẽ viết gì. Phê bình văn nghiệp

tán dương nhân phẩm của ông, hẳn là những việc mà một người đã thân với ông như tôi không được phép làm.

Tôi đã nghĩ đi nghĩ lại. Trong cái trang thi sỹ của cuốn Việt-nam Văn-học-sử sau này, dầu sao mặc lòng, ông Tản-Đà vẫn là một người đứng đầu của thời đại này. Thế thì bao nhiêu dật sự của ông, có lẽ đều là tài liệu để cho người sau khảo cứu về ông. Nhưng những dật sự của ông ở Bắc, bà con chắc đã nhiều người biết rồi. Cái mà, ngoài tôi, trong các bạn thân của ông ở đây, ít ai hiểu rõ, có lẽ chỉ là thời kỳ ông ở Nam.

Vì vậy, tôi mới chọn cái đầu đề trên kia. Và tôi sợ dĩ phải nói ra ngoài đề nhiều thế, chỉ cốt đề khỏi có ai phải hỏi tại sao tôi viết về ông Tản-Đà có vậy ?

Ông Tản-Đà vào Nam tất cả ba lần. Lần cuối cùng tôi không được biết. Lần thứ nhất, cái cơ đã đưa ông đi chỉ là sự thất bại của *An-nam tạp-chí*.

Khi ấy *An-nam tạp-chí* ra ở hàng Lọng. Trong tòa soạn có ông và tôi. Cái tài viết báo của ông thế nào, chắc ai cũng đều rõ cả. Còn tôi thì mới bắt đầu bước vào làng báo, sức lực hãy còn non nớt, nhiều bài đến nay nhớ lại mà xấu hổ mướt mồ hôi. Ấy vậy mà *An-nam tạp-chí* vẫn được độc giả hoan nghênh, nhất là độc giả trong Nam. Cái đó hoặc giả cũng là dư trạch của « *Giấc mộng con* » « *Khối tình con* » để lại.

Nguyên nhân làm cho tờ tạp chí ấy phải chết là rượu. Đánh rằng nếu không có rượu, thì ông Tản-Đà sẽ không thành ông Tản-Đà, chính nó cũng là thủ phạm làm cho *An-nam tạp-chí* không có bài đưa nhà in.

Bấy giờ *An-nam tạp-chí* xuất bản mỗi tháng hai kỳ, nhưng mấy tháng sau, nó đã đảo lại : mỗi kỳ hai tháng.

Trong lúc chiếc « *thuyền nan* » đã bị hết sức trèo chở, thì ông Tản-Đà tiếp được bức thư đầy những hứa hẹn của một bạn đọc trong Nam ký tên là Nguyễn-thành-Ưu. Đặt hi vọng chứa chan vào bức thư ấy, ông Tản-Đà mới quyết đi Nam. Khi tới Sài-gòn, cái hi vọng ấy đã bị tiêu tan trong lúc gặp mặt người viết thư, thì ông Tản-Đà lại gặp ông Diệp-Văn-Kỳ.

Với một nghìn đồng bạc của ông Kỳ đưa tặng (1), ông Tản-Đà lại trở về Bắc để trang cái nợ của *An-nam tạp-chí*. Rồi ông lại vào Nam khi số tiền đó không còn đồng nào trong túi. Đó là lần thứ hai.

Lần này, ông có ý muốn « đóng đô » ở Nam, cho nên tới nơi ít lâu, thì ông có thư ra gọi gia quyến và bảo tôi vào để viết *An-nam tạp-chí*.

Chẳng ngờ khi tôi vào đến Sài-gòn, ty kiểm duyệt trong ấy không nhận duyệt bài của một tờ báo ngoài Bắc, *An-nam tạp-chí* không thể ngụ cư ở đó, ông Tản-Đà mới giới thiệu tôi vào viết với ông, cái trang văn chương trong *Đông-Pháp thời-báo* của ông Diệp-Văn-Kỳ.

Ở chỗ này hình như cũng cần phải nói đến tiền. Là vì trong những cái khác người của ông Tản-Đà, đức tiêu tiền cũng nên đề ngang với tài thơ và tài rượu. (2)

Bấy giờ ở *Đông-Pháp thời-báo*, lương của tôi là 80 đồng, của ông Tản-Đà một trăm, và ngoài ra, mỗi tháng ông còn vay riêng của ông Diệp-văn-Kỳ thêm một trăm nữa. Vậy là hàng tháng chúng tôi có tới 280 đồng. Nhưng không tháng nào mà ông Tản-Đà không phải lật đật về chạy tiền nhà.

Cái nhà của chúng tôi kế tiếp với Xóm Gà, nó là một nơi nhà quê thuộc làng Bình-hòa cách Bà-chiều độ 4 cây số và cách Sài-gòn độ 10 cây số. Nhà có 4 gian. Một gia đình ông và tôi thuê một gian thì cũng hơi chật, nếu thuê hai gian thì đủ lắm rồi. Nhưng vì tòa nhà ấy mới làm xong, chúng tôi là khách đến ở đầu tiên, cho nên ông Tản-Đà nhất định thuê cả bốn gian : một gian làm buồng ngủ, một gian làm buồng giấy, một gian làm buồng ăn, còn một gian nữa thì để mắc một cái võng đem ở Bắc vào.

(1) Xem phụ-lục.

(2) Xem : « Ông bảo khi ở Nam-kỳ ông uống toàn cognac thay rượu lậu đến nỗi có vài tháng, nhà ông chất đầy một tường vỏ chai... »

(Nguyễn-Công-Hoan, Tao-Đàn số đặc biệt, trang 97.)

Theo sự xếp đặt ấy, sau khi nhà đã thuê xong, ông Tản-Đà liền đi mượn người phá mấy bức tường ở giữa để lấy đường thông gian nọ sang gian kia và lấy gạch xây cái bệ cạn.

Giá nhà này cũng không lấy gì làm đắt. Tất cả bốn gian, có hai tám đồng. Với số lương của chúng tôi, nó chỉ là một phần mười chứ gì. Thế mà tháng nào cũng phải khát độ vài bốn hẹn.

Tôi còn nhớ, một hôm chủ nhà thúc giục riết quá, ông Tản-Đà sau khi đã ăn cơm tối, phải thân hành lên tận Sài-gòn xoay tiền. Vào khoảng 11 giờ đêm, thì thấy ông về với chai rượu rhum, con vịt quay và vài món khác. Mới thoát vào cửa, ông liền nói với tôi bằng giọng ngạc nhiên :

— Hồng cả ông ạ !

Tôi hỏi cái gì thì ông **thản nhiên** cắt nghĩa :

— Chỉ vay được hai chục đồng, trả tiền nhà cũng thiếu tám đồng, tôi mua ít đồ đánh chén, tất cả hết hơn mười đồng...

Rồi ông gọi cu Vang — một đứa đầy tớ tâm phúc của ông, lúc ấy đã gần ba mươi tuổi — sắp sửa mâm bát và đem con vịt quay ra chặt.

— Chén đã ! Tiền nhà rồi lại xoay !

Dưới ánh trăng vàng vạc của tiết cuối năm, chúng tôi ngất ngêu trên chiếc chõng tre kê ở giữa sân với chai rượu rhum và cái ngông của ông Tản-Đà, tưởng như vũ trụ không lấy gì làm lớn.

Anh em trong Nam hồi ấy hình như đều coi cái ngông của ông là sự đương nhiên, cho nên không ai cưỡng lại.

Có lần ông cử Tùng-Lâm đã bị mắng oan vì nó.

Bấy giờ ông Tản-Đà tuy coi phụ trương văn chương của *Đông-Pháp thời-báo*, nhưng công việc xếp đặt trang báo ấy thì ở ông cử Tùng-Lâm. Một hôm, vì thiếu bài, ông Tùng-Lâm mới phải thêm vào một bài thơ lai cảo. Khi báo ra, ông Tản-Đà hặc ông Tùng-Lâm về sự chuyên quyền ấy. Ông này cãi rằng : Bài thiếu, báo cần lên khuôn, tôi không thể xuống tận Xóm Gà để hỏi bài của ông ! Ông Tản-Đà lấy làm tức giận và mắng thêm :

— Nếu thiếu bài thì bỏ trắng đấy cho tôi. Không xin phép tôi mà cho bài thơ kia vào đấy, thế là ông hỗn.

Ông Tùng-Lâm chỉ cười.

Lại một lần, nhằm ngày mồng một tết âm lịch, anh em tòa soạn *Đông-Pháp thời-báo* đến thăm ông Diệp-văn-Kỳ. Trong khi ông Kỳ mở các thức rượu ra uống, ai nấy đều say loáng choáng, cổ nhiên say nhất thì ông Tản-Đà. Ông Bùi-thế-Mỹ đến sau, liền bị ông Tản-Đà đùa dõn đuổi bắt. Cái gác mà chúng tôi ngồi tuy rộng, nhưng những thống, chèo và các đồ đạc bày ra gần chật. Trong lúc ông Tản-Đà đuổi theo ông Mỹ, ba bốn anh người nhà ông Kỳ cứ phải chạy miết theo chân hai ông để giữ những thứ đồ kia, vì sợ các ông ấy va vào nó. Bà Diệp-văn-Kỳ ngồi trong võ tay cười reo, ông Đào-Trinh-Nhất thì mủm mỉm cười nụ.

Nóng máu là ông Trần-Quì, thấy ông Tản-Đà diễn mãi trò ấy, ông Quì cau mày và gắt :

— Làm cái gì thế ! Người ta coi như cinéma kia kìa.

Ông Tản-Đà vẫn không tha ông Mỹ và trả lời ông Quì thế này :

— Ông phải biết cái thằng trong cinéma nó không biết người ngoài là ai.

Nhất sinh tư tưởng của ông Tản-Đà có thể thu vào câu đó. Chính ông đã tự coi ông là một người bóng trong phim cinéma, quốc dân, xã hội, mà đến cả thế giới nữa, đều là những người ở ngoài. Như thế, đối với ông, sự yêu ghét chê khen chỉ là sự thừa. Vì vậy, tôi cũng không muốn nói nhiều về ông.

NGÔ TẤT TỐ

(*Tao-dàn*, số đặc biệt,

1er Juillet 1939, tr. 102-108)

PHỤ - CHÚ

... Sau khi ông Ngô-Tất-Tố ra Bắc, ông Tản-Đà ở với ông cử Tùng-Lâm và cũng được ông Diệp-văn-Kỳ thuê cho một căn phố ở đường Pierre Flandrin, Sài-gòn (nay là đường Bà huyện Thanh-quan).

Cái tết Đinh-Mão (1926) hai nhà thơ ăn tết ở đó, không phải lo sắm gì vì ông Diệp đã lo liệu đủ cả rượu ngon với những món cao lương mỹ vị, để hai nhà thơ thường xuân ăn tết...

... Sau khi rời Sài-gòn ra đất Bắc, Tản-Đà thường nhớ về trong Nam, Ông sáng tác những bài thơ « Gửi tòa soạn Đông-Pháp Thời-báo », « Gửi bạn độc giả cũ ở Nam » và « Nhớ trong Nam »...

PHỤ - LỤC

Theo nhiều tài liệu khác nữa, ông Diệp-văn-Kỳ vì bụng liên tài, đã giúp cho thi sĩ Tản-Đà một ngàn đồng. Nhưng theo ông Tế-Xuyên thì số tiền đó là hai ngàn. Phụ lục dưới đây trích trong bài « Thi-sĩ Tản-Đà với đất Đông-nai » của ông Tế-Xuyên đăng trong tuần san Văn-đàn số 5, tuần lễ từ 2 đến 8-7-1960, trang 10 :

TẢN-ĐÀ GẶP DIỆP-VĂN-KỲ

... Một hôm vào năm 1930-31, tôi ngồi giải khát với hai ông Diệp-văn-Kỳ, Bùi-thế-Mỹ, và anh bạn Như-Hoa Nguyễn-văn-Đồng người cùng cộng sự trong một tòa soạn với tôi. Đã quen biết trước với Bùi-thế-Mỹ hôm ấy là lần đầu tiên tôi gặp Diệp-quân mà tôi nghe tiếng từ lúc còn ở Hà-nội.

Tánh tò mò là tánh chung của con nhà làm báo, đã thúc tôi moi chuyện ông chủ nhiệm tờ Đông-Pháp thời-báo về sự gặp gỡ giữa ông và ông Tản-Đà Nguyễn-Khắc-Hiếu.

Hồi ấy, tuy báo Thần-Chung đã « qua đời » làm cho ông Diệp-văn-Kỳ gần như muốn... sạt nghiệp, ông vẫn còn tác phong của một kẻ tài hoa phong túng. Ông mỉm cười, nhỏ nhẹ thuật cho tôi nghe câu chuyện cũ :

— « Sự gặp gỡ của chúng tôi thật là chuyện tình cờ, có thể nói là do duyên trời đưa đến. Chiều hôm ấy, vào năm 1926, tôi và một vài bạn làng văn ngồi uống rượu ở nhà hàng Continental, đường Catinat. Chúng tôi ngồi dưới mái hiên, nhìn qua bên kia đường, kẻ đi người lại ; trong đám đông, tôi bỗng để ý đến một

người bạn quốc phục khăn đen, áo dài. Anh cử Tùng - Lâm như liên cảm với tôi, buột miệng nói : Thi-sĩ Tản-Đà đó ! »

« Vốn dĩ yêu thơ Tản-Đà bấy lâu nay, tôi bèn kêu anh bồi bảo chạy theo ông và mời ông đến bàn tôi nói chuyện. »

Bấy lâu mến thi tài của Tản-Đà, nay Diệp - văn - Kỳ mới thấy con người của Tản - Đà « bằng xương bằng thịt ». Hai bên chủ, khách, được ông Tùng-Lâm giới thiệu, rồi ông Diệp - văn - Kỳ mời ông Tản-Đà một ly rượu mạnh. Ông hỏi thăm nhà thơ từ Bắc vào Nam có việc gì ? Trong lúc men rượu đã giúp ông mạnh dạn, ông Tản-Đà dốc bầu tâm sự như nói với một người bạn đã thân thiết : « Tôi nghỉ xuất bản *An-nam tạp-chí* rồi mà còn nợ của ông Bùi - Bồ chừng nghìn rưỡi bạc. Tôi có quen ông Nguyễn-Thành-Út ở Vinh-long, nên vào đây định vay tiền ông ta để trả nợ. Nhưng xuống tới Vinh-long lại không gặp ông ta. Tôi trở lên Sài-gòn thì cũng chẳng nên cơm cháo gì vì ông Út lúc này cũng túng không thể giúp tôi được ».

Ông Diệp - văn - Kỳ bèn nảy ra một sáng kiến : nâng đỡ hơn tài. Ông liền đề nghị với Tản-Đà để ông tặng nhà thơ số tiền trang trải công nợ. Ông yêu cầu Tản-Đà khi hết nợ rồi, vào Nam viết cho tờ *Đông-Pháp thời-báo* (ông chỉ yêu cầu thôi chớ không đặt thành điều kiện). Trong lúc đã cạn ly thứ ba, ông Tản-Đà cao hứng nhận lời ngay. Và ông Diệp-văn-Kỳ mở bóp ra, lấy hai xấp giấy bạc trao vào tay nhà thơ, một cách tự nhiên như hai bạn đã quen biết nhau từ lâu. Ông Tản-Đà cầm lấy, cũng không cần ngạc nhiên gì hết. Các văn hữu cùng ngồi uống rượu không cho là việc lạ vì ai cũng biết tánh phóng khoáng của ông chủ nhiệm *Đông-Pháp thời-báo* trong sự đối xử với bạn làng văn.

Hai ngàn bạc hồi 35 năm về trước, khi mà tách cà-phê đen giá có một xu, là một số tiền rất lớn, vậy mà ông Kỳ trao thẳng tay ông Tản-Đà, không một điều kiện, không một biên lai.

Sau đó, ông Tản-Đà, đứng dậy cáo từ người bạn mới và hẹn khi ra Bắc thu xếp xong công việc ông sẽ vào liền. . .

MÁY BÀI THƠ HAY CỦA TẢN-ĐÀ

tổng biệt

Lá đào rơi rắc lối Thiên-thai,
Sớm tiền, canh đưa, những ngậm ngùi.
Nửa năm tiên cảnh,
Một bước trần ai.
Ước cũ duyên thừa có thể thôi.
Đá mòn, rêu nhạt,
Nước chảy huê trôi,
Cái hạc bay lên vút tận trời !
Trời đất từ nay xa cách mãi.
Cửa động,
Đầu non,
Đường lối cũ,
Nghìn năm thơ thần bóng trắng chơi.

thề non nước

— Nước non nặng một lời thề,
Nước đi, đi mãi, không về cùng non.
Nhớ lời « nguyên nước thề non ».
Nước đi chưa lại, non còn đứng không.
— Non cao những ngóng cùng trông,
Suối tuôn dòng lệ chờ mong tháng ngày,
Xương mai một năm hao gầy,
Tóc mây một mái đã đầy tuyết sương.
Trời tây chiếu bóng tà dương,
Càng phơi vẻ ngọc nét vàng phai pha.
Non cao tuổi vẫn chưa già,
Non thời nhớ nước, nước mà quên non.
Dù như sông cạn đá mòn,
Còn non, còn nước, hãy còn thề xưa.
— Non xanh đã biết hay chưa ?
Nước đi ra bể lại mưa về nguồn.
Nước non hội ngộ còn luôn,
Bảo cho non nhớ có buồn làm chi.
Nước kia dù hãy còn đi,
Ngàn dâu xanh tốt non thì cứ vui.
— Nghìn năm giao ước kết đôi,
Non non nước nước không nguôi lời thề.

● *tưởng-niệm* **Thạch-Lam** ●

tính cách tạo tác của Thạch-Lam

Nhân ngày giỗ thứ hai-mươi-bốn nhà văn Thạch-Lam, một kiện tướng trong Tự-lực văn-đoàn, chúng tôi xin lược đăng một bài báo xưa viết nhân ngày giỗ đầu của ông.

Mong bạn đọc coi bài trích đăng dưới đây như một phụ đính của VĂN số 36.

Ngày tháng không làm người được nhớ tiếc trong lòng các bạn hữu Thạch-Lam. Sự thương đau bột động ban đầu chìm lặng đi để thành thấm thía mãi mãi càng ngày càng đậm thêm, sâu thêm. Thạch-Lam vẫn hiện hoạt trong tâm tưởng của chúng tôi, trong câu chuyện khi chúng tôi có dịp gặp nhau bất cứ lúc nào, và trong bất cứ dịp hội họp nào cũng có một lời nói làm cho Thạch-Lam như « có mặt » ở đó. Ở ngoài số người thân mật, vây quanh mình Thạch-Lam hồi anh còn sống một tình yêu trong chân thành, và khi mất anh thêm khăng khít với nhau vì có chung nhiều kỷ niệm quý báu, tôi thường được yên ủi vì những lời mến mộ của nhiều bạn

văn khác khi nhắc đến cái tài rõ rệt, mạnh mẽ, chắc chắn trong sự ít ỏi của việc trước tác, và bền vững vì chỉ là tình túy là tình cảm thực diễn thành văn...

★

Nay nhân ngày giỗ đầu Thạch-Lam tôi xin nhắc lại một vài kỷ niệm để các bạn đọc chú ý đến tính cách tạo tác của nhà văn sĩ.

Thạch-Lam thuộc vào số nghệ sĩ không cần sửa soạn công phu trước khi khởi công. Anh ít khi phải làm lại những đoạn đã thành hình và không bao giờ đặt khuôn khổ nền móng cho một chuyện, một đoạn thiên hay một tiểu thuyết. Vậy mà Thạch-Lam là nhà văn rất thận trọng : tìm lối diễn thuật thích đáng, về lời, về thể, về âm hưởng của Việt-ngữ nữa bao giờ cũng là sự quan tâm tha thiết và có khi đau đớn của nhà văn sĩ này. Nhưng Thạch-Lam là người trầm lặng, bao nhiêu băn khoăn về nghệ thuật, bao nhiêu tư tưởng, cũng như bao nhiêu tình cảm, rung động, lúc nào cũng chứa chất dồi dào trong tâm trí : cái kho tàng cuộc sống bên trong ấy rất sẵn châu báu mà chỉ cầm đến bút Thạch-Lam đã thấy dàn xếp theo hình thể của lời.

Thạch-Lam không bao giờ phải tìm « đầu đề », phải tìm « câu chuyện ». Một ý chợt đến, một việc chợt xảy ra, một hình sắc chợt đề mắt tới, một hương vị thoáng qua, thế là cả một đoạn đời sống súc tích rung động và nổi dậy. Về dịp mát của màu xanh cây một buổi chiều nhìn ra ngoài đường nắng đưa trí nghĩ tới vườn lá của một đoạn tuổi thơ quê nhà. Tôi được nghe Thạch-Lam gợi lên những kỷ niệm ngày còn nhỏ của anh trước mấy ngày anh viết bài « Trở về » trong đó ta thấy sáng gay gắt làm âm thầm thêm bóng cây lá. Khái-hưng trong bài tựa « Gió Đầu Mùa » nhận thấy rõ những duyên do xúc động của Thạch-Lam trong nhiều đoạn ở tập sách này. Chính Thạch-Lam cũng thường nói riêng tôi rằng

cái « *Lòng Quê hương* » là niềm nhớ quá vắng vẫn mãi mãi sống cùng hiện tại ở trong anh. Đó là lời thú thực của một người nặng tình có nhiều lúc muốn thoát khỏi những giây vướng. Không có một sáng tác nào của Thạch-Lam mà không có rất nhiều Thạch-Lam trong đó. Gió bụi xa xưa, hương ruộng lúa, mùi rạ phơi, tiếng lá tre reo rét, thứ bóng tối uất ức nhả nực của đời thôn quê dưới mái lá nát, hay những đêm sâu đêm trắng huyện, những buổi sáng trắng dặt dìu, từ sự thực lầm lụi đến cảnh êm dịu mơ màng, không một tình nào trạng nào ta thấy ở những trang châu báu còn lại cho chúng ta kia, không làm cho Thạch-Lam cảm động để mà từ bao nhiêu tháng năm trước. Cả đến những « truyện ngắn » viết nên vì phải có cho một kỳ báo, cả đến những văn phẩm mà người ta gọi là gương ép, ở Thạch-Lam cũng là một công trình dồn hậu dãi dào. Trong những dịp làm việc chung với nhau, nhiều lần tôi được thấy Thạch-Lam túng bắn trước cái hạn 12 giờ phải đưa truyện ngắn cho báo. Gặp những lúc vội vàng ấy tôi ở địa vị anh tất lo sợ đề rồi sau cùng quyết định sai hẹn. Thạch-Lam thì không. Cái người tôi hôm trước trả lời tôi rằng chưa biết viết gì, sáng hôm sau đã cho tôi cảm động vì một tập truyện viết đều hàng, nét chữ nhỏ và nhanh, câu văn thấm đẫm những cảnh tình thấm thiết bày dãi trên trang hoặc đỉnh đặc ung dung, hoặc say mê ảo não. Những giòng ít đập xóa ấy có những đoạn khuôn mẫu cho cách hành văn. Đôi khi Thạch-Lam phàn nàn rằng « chưa biết viết gì » đề một người bạn kể một chuyện nào đó. Thạch-Lam viết. Không ai dám bảo — cả chúng tôi cũng vậy — rằng không phải chính Thạch-Lam nghĩ ra. Tôi được thấy cái chuyện người thiếu niên về nghỉ ngơi ít ngày trong lạng lẽ của quê nhà dưới sự thương yêu thông thả mát mẻ của bà tổ mẫu mà tôi thuật cho Thạch-Lam nghe chỉ mấy ngày sau thành thiên « *Dưới bóng hoàng lan* », một tác phẩm nhân từ như một lời yên ủi. Họa sĩ Nguyễn Gia Trí có lẽ không ngờ có lần nhân kể một chuyện ly biệt khác hẳn, đã nhắc khiêu quan sát lạ lùng và rất cảm động của Thạch-Lam viết được

câu truyện « Người đằm » vẫn vút một tình thương cùng với một ý mỉa mai rất nhẹ nhàng. Đỗ Đức Thu kể lại một « nỗi niềm » của tâm lý : « Sợi tóc » với những đoạn suy nghĩ khắc nghiệt chi li đã thành công rực rỡ theo sự phong phú của Thạch-Lam. Cái bản năng văn nhân là một sự sáng suốt dị kỳ, phong phú dồi dào thêm nhờ cái vốn tâm trí của một trăm năm ở đời người ở trong một người chỉ sống ba mươi ba tuổi. Thạch-Lam sống hết cả từng ý « văn » từng câu văn anh đã viết trên giấy và văn chương ở Thạch-Lam đẹp để một dáng đáng trọng đáng yêu khác thường. Trong đời ngắn ngủi và rất từng trải — tôi nói đời bên trong — của Thạch-Lam, nhà văn sĩ này tự ác nghiệt với mình để giữ những tình ý « thực », để chỉ diễn những tình ý đó, những trạng huống đó. Sự thực của tâm hồn mà Thạch-Lam diễn trong lời của văn chương phức tạp nhiều hình nhiều vẻ, nhưng bao giờ cũng đằm thắm, cũng nhân hậu, cũng nghẹn ngào một chút lệ thầm kín của tình thương. Nếu Thạch-Lam theo một chủ ý nào trong công việc viết văn của anh thì chủ ý ấy là diễn ra và gọi lên sự Thương Xót.

(Thanh-Nghị, số 39, 16-6-1943
tr. tr. 10 và 27)

ĐÃ PHÁT HÀNH :

tượng đá sừng non
tập truyện của Y-UYÊN

THỜI MỚI xuất bản

giá 52 đồng

MỘT ĐOẠN THIÊN HAY CỦA THẠCH - LAM

S Ợ I T Ó C

SỢI TÓC là một trong năm truyện được chọn làm nhan chung cho toàn tập, tác phẩm chót của Thạch-Lam.

Phê bình *SỢI TÓC*, trong *NHÀ VĂN HIỆN ĐẠI*, Vũ Ngọc Phan cho là bốn trong năm truyện của tác phẩm này, « đều là những đoạn thiên hay nhất trong văn chương Việt-nam ».

Cái hay của văn Thạch-Lam ở hai đặc tính : tỉ mỉ và sâu sắc — những đặc tính mà người đọc có thể thấy rất rõ ràng trong đoạn thiên dưới đây.

Anh Thành nhồm dậy, nghiêng mình chống khuỷu tay xuống giường rồi bắt đầu nói với một giọng trầm và thông thả khiến người nghe hiểu được hết các ý tứ của câu chuyện :

Tôi có một người anh họ rất giàu và rất ngốc (có lẽ mình cho anh ta là ngốc, bởi vì hắn không xử sự như mình, không có những quan niệm về cuộc đời như mình ; nhưng thật ra biết đâu cách ăn ở của anh ta lại không khôn ngoan hơn, bởi vì anh ta đã giàu và sung sướng ?). Tên anh ta là Bân. Bân rất phục tôi, coi tôi là một người sành sỏi, thạo đời, và nhất là thạo các ngón ăn chơi. Bởi vậy, động có việc gì, hoặc là muốn mua bán cái gì, anh ta đều không quên đến hỏi tôi trước.

Hôm ấy, Bàn đến rủ tôi cùng đi mua một cái đồng hồ. Anh ta muốn mua hạng thật tốt, và nhờ tôi xem hộ. Hai chúng tôi đến hiệu Chabot ở Tràng-tiền. Đồng hồ ở hãng này thì không còn phải nói gì nữa ; thật là những đồng hồ các hiệu có tiếng, có bảo hành chắc chắn và cố nhiên là giá đắt. Tôi chọn cho hẳn ta cái đồng hồ đeo tay hiệu Movado, xuống nước hay vui cát cũng không hề gì. Chiếc đồng hồ trông rất đẹp. Tôi thấy anh ta mân mê cầm lên ngắm nghía, xem chừng cũng thích và cũng muốn mua lắm. Nhưng cái tính hà tiện của anh ta lại thắng cái thích, nên rồi lưỡng lự một lát, anh ta trả lại nhà hàng, kéo tôi đi ra và bảo :

— Đẹp thì đẹp thật, nhưng mà đắt quá, anh ạ. Thôi, chúng ta lại các hiệu khác mà mua thì hơn.

Tôi yên lặng gật đầu và theo đi, cũng chả muốn nói gì. Trong bụng nghĩ anh chàng này thật là ngốc, có tiền mà không biết chơi đồng hồ tốt. Lại kiệt nữa. Không biết hẳn đề tiền làm cái gì ?

Vào một hiệu ở hàng Ngang, sau khi mặc cả ráo riết từng hào, anh ta bằng lòng mua một cái đồng hồ hiệu không mấy ai biết tiếng. Hẳn có hỏi ý kiến tôi, song tôi cũng ừ hử bảo dùng được cho xong chuyện vì hẳn có mua được thứ tốt hay không, bấy giờ tôi thực không thấy quan hệ mấy.

Lúc trả tiền, tôi thấy hẳn giở ra một cái ví da lớn, phòng chật. Hẳn đếm giấy bạc thông thả và cẩn thận.

Thoáng nhìn qua, tôi cũng biết trong ví nhiều tiền lắm : ngoài số tiền bạc lẻ hẳn mang ra trả, tôi còn thấy gấp ở ngăn trên đến năm, sáu cái giấy bạc một trăm nữa. Những cái giấy bạc mới, màu còn tươi nguyên — « Quái cái thằng cha này làm gì mà lắm tiền thế. Minh thì chả bao giờ có đến được một trăm bạc bỏ túi ! »

Tôi nghĩ thầm và so sánh thế.

Mua xong đồng hồ, Bàn rủ tôi đi ăn :

— Ta lên hiệu chén, rồi lát nữa làm một chầu chứ, — hẳn vỗ vào túi — tôi có đủ tiền đây !

Chúng tôi vào hiệu. Bàn ăn vui vẻ lắm, có lẽ hẳn vừa ý vì cái đồng hồ mua rẻ. Tôi thì trong óc cứ vờ vờ cái ý nghĩ sao một thằng ngốc như hẳn — tôi thấy hẳn càng ngốc — lại có lắm tiền thế, còn mình...

Tuy vậy, ý nghĩ ấy cũng không làm tôi ăn mất ngon. Tôi tỏ mặt sành, gọi những thức ăn quý và đắt tiền, và hai chúng tôi uống rượu say sưa.

Cơm xong, Bàn đưa tôi xuống Vạn-thái, vào nhà một người nhân tình của hẳn. Hình như đã lâu không được đi hát nên hẳn có vẻ tha thiết và sung sướng đến đáng ghét. Về phần tôi, không thấy hứng lắm — di chơi với một anh có nhiều tiền mà mình lại khinh là ngốc, không có thú vị mấy — nhưng chẳng lẽ lại bỏ hẳn nửa chừng. Tôi định bụng ở chơi qua quýt đến nửa đêm thì về.

Nhà hát, ngoài cô nhân tình của Bàn, các con em khác trông cũng khá. Tôi nằm bên bàn đèn nói vài câu chuyện tầm phơ. Còn Bàn, hẳn không nghe hát hiếc gì cả. Ngồi nói chuyện với tôi một lát lấy lệ, rồi hẳn cùng với cô nhân tình vào buồng trong đi nằm một chỗ. Hẳn không quên — tính cẩn thận của anh kiệt ! — đem cả cái áo tây trong có ví tiền vào chỗ nằm vắt trên thành đầu giường.

Một mình tôi ở ngoài đâm chán. Nằm một lát rồi tôi cũng đứng dậy sửa soạn ra về ; Bàn vẫn ở trong màn, nói vọng ra giữ lại :

— Anh hãy ở chơi đã, về làm gì vội. Ngày mai chủ nhật cơ mà.

— Thôi, tôi phải về. Sáng mai còn có việc.

Vừa nói tôi vừa với cái áo tây của tôi treo trên mắc. Bỗng nhiên có cái gì chuyển mạnh qua tim : tay tôi yên hẳn lại ; tôi vừa mới nhận ra rằng cái áo tôi đang cầm không phải là áo của tôi. Thì ra, lúc mang áo vào giường nằm, Bàn đã mang nhầm áo. Hai chúng tôi cùng mặc thứ hàng len giống màu, như vậy dễ lẫn lộn. Tôi ghé nhìn vào phía trong áo thấy cái ví tiền ở túi thò ra ngoài một ít. Cái ví tiền... mấy tờ giấy bạc...

— Ở chơi đã anh, ở chơi sáng sớm mai về với tôi một thể.

— Ở... Ở...

Tôi điềm nhiên treo cái áo vào chỗ cũ, quay ra. Mấy chị em cũng phụ họa vào lời mời của Bân, nài nỉ :

— Tội gì mà về bây giờ anh, khuya và lạnh chết.

Tôi chỉ thoáng nghe thấy, trong trí như còn bận sự gì. Bâng khuâng tôi lại gần giường ; một chị nâng chén mời :

— Anh uống chén nước nóng. Rồi nằm xuống đây có hơn không.

— Ở thì hăng nằm một lát đã.

Tiếng Bân trong màn đưa ra :

— Phải đấy, đến mai hăng về. Tôi bảo chị Lan phải làm thế nào giữ anh ấy lại thì làm...

— Không... thế nào tôi cũng phải về, anh ạ...

Những lời đối đáp ấy cứ tự nhiên buột miệng ra, tôi không để ý đến. Trước mắt tôi, mấy tờ giấy bạc một trăm rõ rệt. Lấy mấy tờ, độ hai tờ — tại sao lại hai ? tôi không biết — thật dễ dàng quá. Tôi cứ điềm nhiên với lấy áo, mở ví rút ra hai tờ, rồi khoác áo ở trên vai, ra ý sắp sửa về. Rồi chọn lúc mọi người vô ý — mà đâu có ý cũng không ai biết được — tôi đổi lấy áo của tôi vắt ở đầu giường Bân... Thế là xong, và gọn. Mai đây Bân biết mất chắc chẳng bao giờ dám nghi ngờ cho tôi. Mà nghi ngờ thế nào được ? Tôi về từ đêm cơ mà ! Vả lại cái áo đựng tiền hẵn đã cẩn thận mang vào giường ngay từ chập tối, vậy nếu có người lấy, thì chỉ là người nhà cô đầu mà thôi. Mà người nhà thì cũng khó lòng đến đây lấy được, họa chẳng có ngay cô nằm với Bân. Ừ, có lẽ Bân sẽ nghi cho nhân tình của hẵn lấy... Chắc thế. Tôi mỉm cười : Bân sẽ không dám nói gì đâu ; biết nhân tình lấy, hẵn sẽ im lặng, sợ làm cho nhân tình xấu hổ, và sợ làm tai tiếng chủ nhà. Hẵn vốn tính nhút nhát với lại hai trăm đối với hẵn chắc chả là bao.

Tất cả những cách xếp đặt ấy diễn qua rất nhanh trong trí tôi. Chỉ một loáng thôi, tôi đã tưởng tượng trước được các việc xảy ra như thế, êm thấm và yên lặng, và trôi chảy dễ dàng quá, mà không còn sợ cái gì cả...

— Mời anh xơi thuốc.

Tôi giựt mình đỡ lấy dọc tàu. Cô Lan đã tiêm xong điều thuốc tự bao giờ, quay dọc sang mời. Mắt cô nhìn tôi âu yếm. Tôi đưa mắt nhìn xuống, cầm lấy dọc hút. Điều thuốc kêu vo vo, tiếng như ở đâu đưa lại. Qua làn khói trắng nhẹ tỏa ra, tôi tưởng nhìn thấy tập giấy bạc một trăm, còn mới nguyên gấp trong ngăn ví. Hẳn làm gì mà có lắm tiền thế? Lại mang đề trong ví làm gì? Rõ anh chàng ngốc không biết dùng đồng tiền, tiền ở trong tay hẳn cũng uổng. Ngộ có đưa nó lấy đi thì sao? Đề thế thì có bữa mất thật...

— Anh nghĩ gì mà thần người ra thế? say thuốc phải không?

Lan đề tay nhẹ nhàng lên người tôi, lảng lơ đưa mắt hỏi. Tôi giả vờ cười không đáp, rồi xoay nằm ngửa nhìn lên trần nhà. Trong người bứt rứt không yên... Lẳng nghe thấy tiếng Bân thì thào và tiếng cười khúc khích của nhân tình hẳn trong màn. Chiếc áo vắt ở đầu giường — chiếc áo của tôi — chắc vẫn còn nguyên ở đấy.

Tôi tưởng tượng khi có hai trăm trong túi rồi lên xe về điểm tỉnh đi nằm ngủ. Sớm mai mất tiền, thế nào hẳn chả về qua nhà mình. Hẳn gọi cửa vào, đánh thức mình dậy và bơ phờ bảo:

— Tôi mất hai trăm bạc tối hôm qua rồi, anh ạ...

Tôi thấy trước bộ mặt ngạc nhiên của tôi lúc bấy giờ — một vẻ mặt rất tự nhiên — và tôi hỏi: Chết chưa, mất bao giờ? Ở đâu? Hẳn sẽ thuật lại buổi tối hôm nay, lúc mang áo vào giường, đến lúc thấy mất: « Chỉ có con nhân tình tôi nó lấy thôi, anh ạ. Chả còn ai vào đấy nữa... »

— Thẻ giấy bạc anh có biên số không?

Nếu hẳn không biên số thì mình cứ việc tiêu tự nhiên? Vạn nhất hẳn có biên số rồi, thì bảo hẳn đi trình cầm. Nhưng mình sẽ tiêu ngay hôm ấy... Một người như mình cầm tờ giấy trăm vào Gô-da mua hàng, ai dám nghi ngờ?...

Tôi nhớ lúc ấy tôi vẫn nói chuyện với mấy cô em, tôi xếp đặt đầu vào đấy rất chu đáo, phòng ngừa đủ mọi việc xảy ra. Chỉ còn việc lấy, và đổi áo nữa là xong. Rất dễ.

— Ấy kia, anh đi đâu đấy ?

— Tôi đã nhòem dậy đến bên mắc, với áo, chiếc áo của Bân. Qua lần vải tôi thấy chiếc ví kenh ketch rần rần. Khoác áo lên một bên vai, tôi đi lại trong nhà, bồn chồn nóng ruột. Một cô đầu lê guốc ra hé cửa, nhìn ra ngoài trời :

— Tối lắm. Phải vậy gì mà đi bây giờ anh ạ.

— Đầu xem nào...

Tôi cũng đến bên cửa, nghiêng nhìn ra ngoài. Tay tôi đưa vào trong áo, luồn vào khe ví, sờ vào mấy tấm giấy bạc. Tôi rung mình. Mấy ngón tay mân mê đầu tấm giấy, một cái, hai cái...

— Thôi, vào không gió, anh. Vào nằm cho ấm...

Tôi bỏ tay ra — thông thả, không vội gì — theo vào, cái áo vẫn dè triu trên vai. Tôi ngồi ghé xuống cạnh giường, cầm chén nước lên nhấp, rồi lại đặt xuống.

Tiếng Bân ở trong nhà cất lên :

— Ông ấy về rồi à ?

Tôi đáp :

— Không, đã về đâu. Tí nữa.

Bân nói câu gì sau, tôi cũng không nghe thấy. Tâm hồn tôi lúc bấy giờ thế nào, tôi không biết rõ. Tôi đứng lên, ngồi xuống, như một cái máy. Tôi chỉ thấy bân khoăn bứt rứt, và thời gian qua... tôi cảm thấy đi qua tâm hồn tôi, từ bên này sang bên kia... như thế không biết trong bao nhiêu lâu... Tôi khẽ thở dài, đứng lên, lần này thì nhất định.

— Về thôi. Không có mai đi sớm lại nhọc chết.

Bân hỏi vọng ra :

— Ờ, anh về à ? Mấy giờ rồi đấy nhỉ ?

— Gần một giờ rồi. Anh cứ ở đây. Cả mấy cô này nữa, đi ngủ đi cho béo mắt. Bận sau tôi ở lâu nhé.

Tôi đưa tay vuốt mái tóc một cô sát đến gần, hai tay dè lên vai tôi, mắt nhìn ra vẻ âu yếm. Hai cô khác ngồi yên trên giường, cũng đưa mắt nhìn tôi như chờ đợi.

— Thôi, đi ngủ đi.

Tôi gạt tay cô ấy ra, gấp cái áo tây trên cánh tay, rồi đi vào phía giường Bân nằm. Tôi cúi xuống tì vào thành giường — cố ý tì vào chỗ vắt cái áo — nhìn vào trong, qua màn :

— Anh ở lại nhé — tôi mỉm cười — tri kỷ hết đêm nay cho nó sướng...

Cô nhân tình khúc khích trong chăn. Và Bân ngửa đầu trông lên, tay vói vào tấm màn :

— Mai nhé.

— Oui, à demain. (!)

Nhưng tôi chưa quay ra. Tôi vẫn cứ tì mình trên thành giường, lưỡng lự. Một lát, bấy giờ sao lâu thế. Rồi, không biết tại sao, bỗng nhiên :

— Áo anh đây này, đây là áo của tôi. Và nói thêm bằng tiếng Pháp :

— Anh đếm lại tiền đi và đề càn thận vào trong ấy.

Bân nhòm người dậy, cầm lấy áo.

— Merci, được rồi.

Tôi bước một bước lùi ra. Thế là hết. Bây giờ thì không sao đụng đến cái ví được nữa. Tôi bần thần ngơ ngẩn, mặc lấy chiếc áo của tôi, và đội mũ... vừa gài khuy, tôi vừa nói mấy câu bông đùa vô vị với mấy cô ả đứng ở chân giường sắp tiễn tôi về. Tôi trùng trùng uống nước và hút thuốc, muốn cái thời khắc này cứ kéo dài ra mãi.

Đến khi ngồi trên xe qua những phố khuya vắng vẻ, tâm trí tôi mới dần bình tĩnh lại. Gió lạnh thổi mát trên vùng trán nóng, và cái cảm giác mát ấy khiến tôi dễ chịu. Tôi nghĩ lại đến những cử chỉ và dự định của tôi lúc này, thật vừa như một người khôn khéo, lại vừa như một người mất hồn. Tất cả những cái đó bây giờ xa quá. Tâm trí tôi giãn ra, như một cây tre uốn cong trở lại cái thẳng thắn lúc thường. Tôi cảm thấy một cái thú khoái lạc kỳ dị, khe khẽ và thầm lặng rung động trong người, có lẽ là cái khoái

lạc bị cảm dỗ, mà cũng có lẽ cái khoái lạc đã đè nên được sự cảm dỗ. Và một mối tiếc ngấm ngấm, tôi không tự thú cho tôi biết và cũng cố ý không nghĩ đến, khiến cho cái cảm giác ấy của tâm hồn tôi thêm một vẻ rờn rợn và sâu sắc.

Sáng hôm sau tỉnh dậy ở nhà, tôi ngần ngợ nghĩ lại các việc tối hôm trước y như trong một giấc mộng, chứ không phải việc đã xảy ra... Tôi ngạc nhiên tự hỏi sao mình hãy còn là người lương thiện, tôi tự thấy cũng chẳng có gì là đáng khen. Tôi nhớ rõ lúc đó không có một gì ý nghĩ nào về danh dự, về điều phải, điều trái, ngăn cản tôi, và khiến tôi đi vào con đường ngay, như người ta vẫn nói. Không, không có một chút gì như thế. Cái gì đã giữ tôi lại? Tôi không biết... Có lẽ chỉ một lời nói không đâu, một cử chỉ nào đấy, về phía này hay về phía kia, đã khiến tôi có ăn cắp hay không ăn cắp. Chỉ một sợi tóc nhỏ, một chút gì đó chia địa giới của hai bên... Tôi có tiếc đã lấy hay không, hay bằng lòng mình vì đã chống giữ lại cái ý xấu? Tôi cũng không tìm biết rõ hơn. Hình như những ý nghĩ ham muốn hay trừ trừ tối qua ấy, không phải là của tôi, hình như của ai ấy, của một người nào khác lạ, khác với cái người thường của tôi bây giờ... »

Chúng tôi đều yên lặng. Anh Thành nói xong, với cái điệu hút một hơi thuốc lòn rất kêu. Rồi anh thở ra thông thả, mắt lơ lơ nhìn dỗi theo làn khói đi...

NHÀ XUẤT BẢN **SÁNG-TẠO** ĐÃ CHO PHÁT HÀNH

t u ỏ i t h ơ

(tập hạ)

của **LƯƠNG-THẾ-NAM**

(đồng thời cả hai tập thượng và hạ đóng vào làm một)

miếng ngon Hà - nội

Tác phẩm cuối cùng, xuất bản sau khi Thạch-Lam đã qua đời, Hà-nội Băm Sáu Phố phường, được chào đón như một tác phẩm độc đáo và xuất sắc.

Đoạn văn trình bày dưới đây trích trong danh phẩm đó.

VĂN QUÀ HÀ - NỘI

Kể về các thứ quà mẶn, thì Hà-nội có nhiều : nào bún riều, bún chả, thang cuốn, nem chua, nào miến lươn và bún ốc. Mỗi thứ, tất nhiên có một vị riêng, và cả đến mỗi hàng, lại cũng có cái ngon riêng nữa.

Tôi thích nhất cô hàng bún ốc ; không phải vì món hàng cô tôi thích ăn — xin thú thực rằng tôi sợ các bác ốc lắm — nhưng vì tôi thích nhìn người ta ăn, vì nghe thức quà của cô là cái niềm không thể thiếu được của một cảnh bình dân hoạt động trong các ngõ con và trên các bờ hè. Người ta xúm lại ăn quà bún ốc một cách mới ngon lành làm sao ! Có ai buổi trưa vắng hay buổi chiều đêm khuya, đi qua các nhà cô đào, và các chị em thanh lâu, thấy họ ăn cái quà ấy một cách chăm chú và tha thiết đến đâu không ? Nước ốc chua làm nhẵn các nét mặt tàn phẫn và

một lửa, miếng ớt cay làm soa suýt những cặp môi héo hắt, và khiến đôi khi rõ những giọt lệ thật thà hơn cả những giọt lệ tình.

Cô hàng ốc có một cái dụng cụ, một đầu là búa, một đầu là dùi nhọn. Một cái gỗ nhẹ, và một cái trở tay, là con ốc nguyên cả ruột đã gọt gọt rơi mình vào bát nước. Cô thoăn thoắt rút ốc không kịp, trông thấy người ta ăn ngon lành, chính cô nữ sinh thêm. Ấy có cô thú thực với tôi như thế.

Cùng họ nhà bún, riêu cua và thang cuốn vốn là quà sở trường của các bà. (Mà nghiệm ra cái triết lý sâu sắc này: thứ quà nào bán cho các bà bao giờ cũng đắt hàng, vì hai lẽ: một là vì các bà nội trợ bao giờ cũng sẵn tiền, hai là các bà ăn quà đã thành tục ngữ, ca dao). Lại có một điều: nhà mình làm lấy, dù bà vợ khéo tay đến đâu, ăn cũng không thấy ngon bằng mua của các hàng rong, nhất là hai thứ thang và riêu. Tại sao vậy? Có ai tìm ra cái lẽ triết lý thứ ba không?

Miến lươn là thức quà ăn bổ âm, nhiều người bảo thế. Đàn ông thì không tin, nhưng đàn bà thì dễ tin lắm. Thế cho nên đã thấy nhiều ông chồng không thích ăn lươn, mà vẫn bị các bà vợ ép cho ăn dù tiền các bà ấy trả lấy. Tình nghĩa đầm thắm của vợ chồng, đôi khi có thể lấy nhiều ít miến lươn mà đo được.

Ấy, suýt nữa đi khỏi các thứ quà cốt bún, mà tôi quên không nói đến thứ quà bún quan trọng và đặc điểm nhất của Hà-nội băm sáu phố phường: đó là thức quà bún chả.

Phải, cái thức quà tầm thường đó, sáu tỉnh đường trong, bốn tỉnh đường ngoài, chẳng có đâu ngon bằng ở kinh đô. Ai cũng phải công nhận như thế, hay ít ra những người sành thưởng thức. Một ông đồ cuồng chữ ở nhà quê, một hôm khăn gói, ô lên Hà-nội, đã phải ứng khẩu đọc hai câu thơ như thế này, khi ngửi thấy mùi khói chả:

Ngàn năm bửu vật đất Thăng-long

Bún chả là đây có phải không?

Mà cảm hứng thế là chí phải. Khi ngồi cuối chiều gió, đôi

bụng mà đón lấy cái khói chả thơm, thì ngai dễ thành thi sĩ lắm. Khói làm cuộn như sương mờ ở sườn núi, giọt mỡ chả xèo trên than hồng như một tiếng thở dài, và tiếng quạt khê đập như cành cây rung động, quả bún chả có nhiều cái quyến rũ đáng gọi là mê hồn, nếu không là mê bụng.

Những thứ rất là tầm thường, rất là giản dị mà đi gần nhau sao lại sinh ra được mùi vị riêng như thế? Ai là người đầu tiên đã nghĩ ra bún chả? Người đó đáng được chúng ta nhớ ơn và kính trọng ngay, hay là hơn với người tạo nên được tác phẩm văn chương... Có lẽ người kia còn làm ích cho nhân loại hơn là người này nữa. Tiếc thay tên người tài tử đó thất truyền, để không kê liệt vào cái sổ vàng của những danh nhân "thực vi đạo".

Thứ bún để ăn bún chả, sợi mảnh và cuộn từng lá mỏng, khác với các thứ bún thường. Chả phải thịt ba chỉ, mà phải dùng cặp tre tươi nướng mới ngon. Quái, sao cái nước chấm của các hàng bún chả ngon thế! Có lẽ vì họ dùng nước mắm hạng vừa, nghĩa là không mặn, pha với giấm cũng hạng vừa, nghĩa là không quá chua, cho nên thành ngon chẳng? Nước chấm ấy mà thêm thêm mấy giọt chanh vào thì tuyệt: có thể thấm nhuần được cả bún cả rau, cả chả mà không mặn, không gắt như nước chấm của nhà.

Nhưng bún chả Hà-nội đặc biệt có lẽ vì cái rau húng Láng. Vì chỉ có rau húng ở Láng là có mùi vị húng, đem trồng chỗ đất khác, sớm chậm rồi cũng đổi ra mùi bạc hà — (Viết đến đây tôi lại nhớ đến bác Tú-Mỡ thường mời bạn hữu ăn và thường khoe là mình ăn đặt ngay trong rừng húng). — Thế cho nên bún chả thì phải là bún chả Hà-nội mới đủ vị cho người thưởng thức và phải là bà bún chả xưa vẫn ngồi trước đèn Bạch-Mã, hàng Buồm mới là bán hàng ngon. (Tất nhiên còn nhiều các hàng khác ở phố khác cũng ngon chẳng kém, nhưng tiếng tăm chưa nổi đó thôi).

BỎ KHUYẾT

Tôi đã toan chấm hết cái bài nói về quả bún, thì một bà — hẳn cũng là một người sành ăn — đến trách rằng: anh nói đến

quả bún mà quên không nói đến quả bún bung thì hẳn là một sự bất công. Vì bún bung là một thứ quả ngon lắm, mà lại là một thứ quả rất An-nam.

Tôi biểu đồng tình, và vội vã bỏ vào chỗ khuyết điểm ấy, đề khỏi phụ lòng những bà sành ăn bún, và khỏi phụ công những cô hàng sớm gánh nồi bún nóng đi rao khắp phố phường. Tôi còn nhớ rõ trên đầu lưởi, tề như một lượt rừng mình nhẹ, cái vị đậm ngọt và hơi ngura ngura của những miếng dọc sơn-hà. Cái thứ rau này, sao mà đi với bún thế! tựa như trời sinh ra để nấu bún, và cái hòa hợp dịu dàng không ở đâu là không có, trong một tác phẩm văn chương cũng như trong một nồi bún nấu khéo.

Cây sơn-hà (cây mùng) vốn là một giống tựa như cây khoai, mà lá to, củ thì nhỏ và tròn như quả trứng, luộc lên ăn cũng ngon. Rọc cây, người ta tước vỏ và chẻ nhỏ, nấu kỹ cho rõ như. Một vài miếng đầu mầu sườn để lấy nước ngọt, một ít nghệ để nhuộm cái thức ăn ấy một màu vàng đậm ấm như màu vàng của dáng chiều những ngày mùa hạ. Thêm năm quả cà chua đỏ, một vài miếng chuối những ngày mùa hạ. Thêm năm quả cà chua đỏ, một vài miếng đu đủ xắt xuống, mầu trong mỡ như ngọc quý. Chừng ấy thứ mà có sợi bún trắng vắt qua, như cái dây liên lạc những thức thực xa nhau, mà vì sự sành ăn của loài người bỗng chốc nên gần gũi. Thế là bát bún bung không biết bao nhiêu vị điểm lẫn cho nhau như các tiếng của một bản đàn. Nếu ngài lại thích ăn cay nữa, thì mấy lát quả ớt chỉ thiên, đủ khiến cho vị quả thêm cái nóng rực rỡ và thắm mầu của những gia vị lạ nơi Ấn-độ.

BÚN SƯỜN VÀ CANH BÚN

Lại một vị khác hẳn, ấy là hai thứ bún sườn và canh bún. Bún sườn thì hiền lành thôi, vẻ sắc xảo chẳng có gì. Cứ quý hồ nước cho ngọt, bún cho dẻo là được rồi. Người ta ăn bún sườn cũng như đọc những tiểu thuyết ngon ngọt, thích thôi chứ không ham mê. Không có người ghét nhưng cũng không có người tha thiết quá. Cái gì cũng ở nửa chừng.

Canh bún thì đã cao hơn một bậc : vì có rau cần, sánh và gắt, và nhất là có cá rô con, lạng từng miếng một, cũng có nơi nấu với cải, nhưng không ngon bằng. Thịt rô ấy đem lại cho thức ăn một vị đậm ngọt khác thường, không hiền lành, bởi vì chỉ ngon trong một độ nào đó, khiến người ăn có cái cảm tưởng đi gần một vị ghê lợm ở đầu này và ở đầu kia, và bởi thế, càng khiến cho thức quà thêm ngon hơn, có cái ngon của sự chênh vênh và lo sợ... Thực vậy, canh bún để nguội thì tanh mà đun già nóng quá thì nồng ruồng. Ấy chỉ lúc nóng vừa đồ miệng, ăn phải và suýt soa. Và người ta cho hồ tiêu vào, để thêm cái cay nóng có mực thước.

BẠN YÊU THƠ ĐÌNH HÙNG, KHÔNG THỀ
KHÔNG YÊU VĂN HOÀI - ĐIỆP THỨ - LANG

người đao phủ
thành đại - la

- Truyện dã - sử dân - tộc Việt - nam
- NGUYỄN-ĐÌNH VƯỢNG xuất-bản
- Sách dày gần 400 trang, giá 70 đồng

ĐÃ PHÁT-HÀNH KHẮP NƠI TRÊN TOÀN - QUỐC

đ ê m

MAI-XUÂN-THẢO

buổi chiều chạy trốn và đêm bắt đầu hiện diện
 đêm hiện diện chung quanh những lô-cốt trong các lỗ châu-mai
 trên cánh đồng trong mỗi hố cá nhân và trong từng hầm trú ẩn
 đêm vây hãm các giác quan và đêm nhuộm đen từng số phận
 đêm âm thầm mang đến cho anh hơi thở nhọc nhằn
 thứ hơi thở bệnh hoạn của hai mươi năm hấp hối

ngày đã hết và bây giờ là đêm
 đêm bằng nỗi lo âu vô cùng
 đêm bằng sự mai phục rình rập
 bằng muôn ngàn cặp mắt mở to tìm kiếm
 bằng vô vàn âm thanh cuồng loạn
 bằng hơi ngạt bằng độc được bằng hỏa châu
 bằng những khuôn mặt chối từ cuộc sống
 bằng giọng căm hờn trong tiếng hát ru con
 đêm hãi hùng và đêm dày đặc
 đêm vui lấp tất cả và em còn gì để tin tưởng không em

người gục xuống và lưỡi lê giờ lên cho đêm hiện diện
 đêm có máu và nước mắt
 có nhà xác cũ kỹ có nấm mồ mới sinh
 có quê hương cúi đầu xin tha tội
 có anh và em cùng hờn dỗi cuộc đời

ngày đã hết và bây giờ là đêm
 đêm chiếm cứ tất cả cho anh hoàn toàn thất vọng
 đêm chiếm cứ tất cả và anh hoàn toàn bất lực
 nằm im nghe giọng tim buồn trắng trời
 đó là thứ hạnh phúc cuối cùng anh bắt gặp.

● truy-niệm Nguyễn-Bính ●

tiểu sử Nguyễn - Bính

Nguyễn Bính tên thật là Nguyễn Bính Thuyết, sinh năm 1919 ở làng Thiện-vĩnh, huyện Vụ-bản, tỉnh Nam-định (Bắc-Việt). Thuở nhỏ, Nguyễn Bính không hề học ở nhà trường, chỉ học ở nhà với cha và cậu.

Bắt đầu làm thơ từ năm 13 tuổi, tới năm 1941 đã làm được gần một ngàn bài. Được tặng giải khuyến khích về thơ của Tự-Lực Văn-đoàn năm 1937.

Tác phẩm đã xuất bản gồm có : *Lữ bước sang ngang*, *Tâm hồn tôi* (Lê Cường xuất bản, Hà-nội, 1940) *Hương Cỏ-nhân* (Á-châu xuất bản, Hà-nội, 1941).

Tác phẩm nổi tiếng nhất, *Lữ bước sang ngang*, đã được tái bản nhiều lần, gần đây ở Sài-gòn cũng có bản in lại.

Tham gia kháng chiến ở Nam-bộ từ 1945 đến 1954 thì tập kết ra Bắc. Tham dự phong trào chống đối sự lãnh đạo văn nghệ của Đảng bằng tác phẩm đóng góp trên *Nhân-văn Giai-phẩm*.

Nguyễn Bính chết ngày 29 tháng Chạp năm Ất-Tỵ, tức là ngày giáp Tết Nguyên-đán Bính-Ngo, dương lịch 20 tháng 1 năm 1966.

Trong mấy bài thơ trích dẫn dưới đây, bạn đọc sẽ bắt gặp những nét điển hình của Nguyễn Bính, như một chàng trai quê mùa (thơ rất gần với ca dao), như một gã si tình lãng mạn, như một tay phóng đảng giang hồ, như một chiến sĩ, như một người bị vỡ mộng khi thấy lý tưởng mà mình theo đuổi trong nhiều năm bị phản bội phũ phàng...

MỘNG-TUYẾT, Thất tiểu-muội

để nhớ Nguyễn Bính
những ngày ghé bến Hà-tiên

Một buổi xế chiều, ngày đầu mùa hạ năm 1944, tôi đang ngồi trên máy may ở Yiễm Yiễm thương điểm, cũng vừa là Yiễm Yiễm thư trang, tại chợ Hà-tiên.

Một người khách lạ bước vào, với chiếc va-ly nhẹ xách tay. Người khách thâm thấp. Phong trần hiện trên mớ tóc đen rậm, rối bồng, dài tới mang tai. Bộ âu phục cũ nhàu nát làm cho người tăng thêm phần tiều tụy.

Khách dăm dăm nhìn vào người đang ngồi trên máy may, không có vẻ muốn mua chác món gì trong hiệu. Tôi nghĩ có lẽ là một người khách đi chào hàng. Với chiếc va-ly nhẹ như vậy, chỉ có thể chứa đựng một vài món hàng mẫu mà thôi. Tôi chưa kịp chào hỏi, khách đã ngập ngừng:

— Có phải chị Tuyết không ? Bính đây !

Tôi ngừng tay kim chỉ, à lên một tiếng ngạc nhiên, và nhớ lại lời hẹn cùng với bài thơ *Xóm Ngự-viên* từ Huế gửi vào, cách mấy tháng trước đó, khoảng Bính ở xóm Ngự-viên cùng với Vũ Trọng Can và Xuân Khai, tức Yến Lan.

Sau bài thơ *Xóm Ngự-viên* đó, bẵng đi lâu lâu, không nhận tiếp theo tin nào của Bính nữa.

Chiều nay, không đợi mà được tiếp người khách xưng là « Bính đây ! »

*Khả liên cô quán tài thi dạ
Tiểu tụy Phan lang mẫn tự bông*

Quán khách điu hiu đầu biếng chải
Chàng Phan gầy gò lúc làm thơ

Tôi vừa cười vừa nhắc lại mấy câu cổ thi mà khi Bính ở Huế, tôi đã viết cho Bính. Bởi nhìn thấy Bính tiểu tụy quá. Cũng bởi sợ « Chàng Phan » tóc rối bông và gầy gò thêm, nên anh Đông-Hồ đã nhường gian Nam-phong tiểu-các cho Bính, để thi sĩ nằm đó mà làm thơ. Và bắt tôi cắt may cho chàng nghệ sĩ « khăn gói gió đưa » này, một bộ đồ bà ba bằng lụa Hà-đông, cây lụa vừa từ Hà-nội gửi vào theo chuyến hàng chót.

Bính thích lắm, ca tụng mãi bộ đồ mát của tỉnh nhỏ miền Nam. Cứ thế mà đi chợ, mà đi chơi, thực là nhẹ nhàng thoải mái. Người Hà-nội mà nào có được mặc lụa Hà-đông bao giờ.

Một hôm, Bính lật bên trong lá dính vật trước mà khoe với tôi :

— Đố chị, mấy chữ này là nghĩa gì ?

Tôi cầm vật áo lên, nhìn thấy bốn chữ « *Khả Thủy Sơn Nhon* » thêu bằng Hán-tự.

Tôi không đoán ra. Bính nói, anh Đông-Hồ thấy thì biết ngay. Hôm sau, tôi kể lại cho anh Đông-Hồ nghe. Anh Đông-Hồ nói, Bính đã chiết tự hai chữ Hà-tiên. *Khả Thủy* là chữ Hà. *Sơn Nhon* là chữ Tiên đó.

Bốn chữ, Bính kẻ vào dính áo, và nhờ tui trẽ thêu bằng nét chỉ màu son.

Rồi Bính lại cười bí mật :

— Là của Ngọc thêu cho « chú Bính » đấy !

Chiều chiều, tôi đi xe đạp từ cửa hiệu ở chợ về nhà riêng ở xóm Rẫy. Bính đi theo. Mà có Bính đi theo đưa, thì tôi phải dẫn xe đi bộ. Một hai lần như vậy, Bính thấy xấu hổ, vì Bính chẳng biết đi xe đạp. Thế là Bính hì hục, ban đêm về, tập đi xe đạp. Nhưng mà Bính giấu tôi.

Một buổi chiều, tôi ra về, không thấy Bính theo đưa. Tôi đạp xe được một quãng thì thấy Bính đạp xe đi đón đầu, dành cho tôi một ngạc nhiên. Mặc dầu đi xe chưa vững, nhưng Bính cũng đã đưa tôi về Rẫy bằng xe đạp được rồi.



Bính thường quần quít bên tôi như một chú em ngoan ngoan. Quãng này, tôi đang còn tang cha, luôn luôn mặc chiếc áo dài vải trắng, thứ vải thô xấu, may dối dối theo tang phục. Bính thường ngắm tôi và nói : Người con gái Việt-nam, mặc chiếc áo sô gai, có một vẻ đẹp nào nùng, khả ái như một bài thơ buồn. Có những lúc tôi bận suy nghĩ một điều gì, Bính nói chuyện, tôi lơ đãng không trả lời, thì Bính gắt gỏng : Trông chị nghiêm như một bà Hoàng, ghét quá !

Cứ buổi ăn sáng xong, ở nhà riêng của anh Đông-Hồ, cạnh Hồ Đông thì Bính ra tiệm với tôi. Tôi đi chợ trước tiệm, mua thêm bánh ngọt cho Bính uống trà. Bính thích hơn hết là bánh qui. Bính nói : Bánh qui mà đẹp như một chiếc ấn son.

Bính ra cửa hàng. Đề « trông cửa hàng cho chị ». Đề « xem chị may áo ». Và đề « đi gửi thư cho chị ».

Mỗi khi tôi viết thư xong, thế nào Bính cũng giành đi bỏ thùng cho được. Bính học thuộc các địa chỉ trên phong bì. Có bận, Bính nhìn địa chỉ một người, Bính làm vẻ hờn dỗi : Sao mà chị viết nhiều và viết thường cho người này lắm thế, làm cho Bính phát ghen.

Bính kể chuyện Hà - nội, kể chuyện giang hồ, kể chuyện gia đình, kể chuyện « Chị Trúc » người chị tinh thần đã an ủi Bính trong những khi chán nản. Bính hứa xem tôi như một người chị

Cứ mỗi buổi chiều, Bính đưa tôi về Rẫy, rồi trở về nhà anh Đông - Hồ, ăn cơm tối. Xong, là Bính rủ anh Đông - Hồ lại vào Rẫy chơi. Hôm nào, anh Đông-Hồ không đi, thì Bính cũng vào một mình, Nhà ở Rẫy, chạng vạng tối là khép cửa rồi. Dưới ngọn đèn dầu dừa, lửa bắc là mù, một cô cháu tôi, cô Ngọc, đọc truyện *Tam Quốc Chí* của Phan Kế Bính dịch cho má tôi nghe. Bính cũng vào ngồi nghe. Có khi, Bính vào trễ, cửa đã cài then, thì Bính ngồi ngoài hiên cho tới khuya mới về, mà không dám gọi cửa. Bính nói : Ngồi trong đêm sương khuya, nghe trộm tiếng người Ngọc đọc sách, cách một lần cửa đóng kín, cũng có một thú vị riêng.

Trong khi nghe anh Đông - Hồ và tôi bàn chuyện Tam - Quốc, Bính không góp chuyện được, vì Bính chưa từng đọc Tam - Quốc bao giờ. Bính thấy xấu hổ, cũng như đã xấu hổ vì chưa biết đi xe đạp. Càng xấu hổ, khi thấy tôi và Đông-Hồ tỏ vẻ ngạc nhiên vì sao mà Nguyễn-bính lại có thể chưa đọc Tam-Quốc.

Thế rồi, Bính về tìm trong Vạn Vạn Quyền Lầu, đọc ngẫu nhiên, suốt mấy đêm, hết bộ truyện. Từ đó, Bính luôn miệng tán tụng bộ truyện Tàu danh tiếng. Bính nói : hèn chi mà thiên hạ thích Tam Quốc là phải. Bính thích nhất anh chàng đẹp trai « Cầm Mã Siêu ». Bính chép miệng : Mã Siêu mà còn là Cầm Mã Siêu, thì thích thật. Bính rất thương thức chữ « Cầm » đó. Tôi đùa bảo : Thì cũng như « Cầm Nguyễn Bính » chứ gì ! Tài cầm tú văn chương của Bính còn đáng được nhận chữ « Cầm » đó hơn anh tướng mặt đẹp trong truyện xưa kia nữa.

*

Nguyễn Bính khởi thảo một truyện dài bằng thơ lục bát. Bính bảo là sẽ làm dài hơn quyển Truyện Kiều.

Mỗi đêm, dưới ánh bóng lập, Bính viết được bốn năm trang thơ lục bát. Thời kỳ bấy giờ đang khan dầu lửa. Ở tỉnh nhỏ, ai cũng phải đốt bằng dầu dừa, dầu cá. Duy với Bính thì anh Đông Hồ phải dành tiền Nam chưa tiêu, cho Bính những ngọn đèn

lập, đề đêm đêm Bính làm thơ. Mỗi sáng ra, Bính đem đọc cho chúng tôi nghe, bàn với nhau, cùng thưởng thức.

Giữa lúc đó, vào tiết Đoan-ngọ, theo tục lệ ở Hà-tiên, tôi nấu nước lá thạch xương bồ tắm gội. Bính thích ba chữ « *Thạch xương bồ* », và lấy ba chữ đó đặt tên cho tác phẩm đang khởi thảo của mình.

Trong lúc sáng tác, Bính thường bảo : viết truyện thơ, tả cảnh, tả tình không khó. Tự sự mới thật khó khăn. Bính nói : Mình có làm rồi mới biết văn tự sự bằng lục bát của Nguyễn Du quả là tài tình. Người sau khó mà theo cho kịp.

Bính sáng tác truyện *Thạch xương bồ* được trên hai ba trăm trang. Tới lúc rời đi, thì truyện mới chỉ xong được một phần. Nếu Bính còn nằm ở Hà-tiên, ít lâu nữa, thì chắc chắn đã hoàn tất được một quyển truyện diễn ca khá độc đáo. Bởi chúng tôi thấy khi đó, Nguyễn Bính viết rất hào hứng, rất dồi dào. Bính viết lục bát dễ dàng nhanh chóng như viết văn xuôi.

Anh Đông-Hồ và tôi tiếc vì tác phẩm chưa hoàn thành mà Bính ra đi, bỏ dở dang thì uổng. Chúng tôi cố lưu Bính ở lại thêm một thời gian nữa mà Bính nhất quyết ra đi. Bính giang hồ đã lại nổi dậy lên trong người nghệ sĩ.

Bính đi rồi, không biết có viết thêm nữa chẳng. Chúng tôi không nghe nhắc tới. Có lẽ là hoàn cảnh không thuận lợi cho nhà thơ họ Nguyễn nữa. Bính về Sài-gòn, lại lang thang, lại trác táng, lại giận đời, lại giận thế nhân. Sau khi đó, có dịp nói chuyện về Bính, thì lại nghe những câu khinh bạc như câu :

Đã coi đồng bạc như non Thái

Mà học đòi theo thói Mạnh Thường

Bính rời Hà-tiên, ít lâu sau, có gởi về một bài thơ vận « *Rây* » mà tôi sẽ lục đăng trọn vẹn ở phần sau bài ký sự này.

Tôi chỉ nhận được tin của Bính do một người bạn thân, người bạn ở Mỹ-tho mà trong những ngày ghé Hà-tiên, Bính đã đem bỏ thùng những phong thư hộ tôi. Có lẽ Bính cần, mới tìm đến người

bạn đó, đề kể chuyện Hà-tiên cho nghe và cũng đề cho « biết mặt người » mà Bình đã phải « ghen » vì sao được nhận nhiều thư của chị Tuyết thế.

Những ngày ở Hà-tiên, Bình rất yêu đời, lành mạnh, vui vẻ, sống đời sống mẫu mực. Tôi không biết là với anh Đông-Hồ, Bình có nói gì về cuộc sống bất thường, vô định của nhà thơ trác táng, đến vong khước hình hài, hay chẳng. Gần đây, đọc Sơn-Nam, (1) tôi mới biết đó là những ngày Nguyễn-Bình ép mình đề xa lánh, đề trốn tránh à phù dung. Bởi là sự ép mình, cho nên chỉ chịu đựng được một giới hạn nào đó. Vì thế mà khi Bình từ già chúng tôi ra đi, nài nỉ mấy, Bình cũng không ở lại.

Bình thường tỏ ra kính trọng anh Đông-Hồ. Và thân mến tôi như người chị. Bình rất sung sướng được làm đứa em trai ngoan, để được chị săn sóc từ vật chất lẫn tinh thần.



Rồi thì, phong yên nổi dậy. Cuộc kháng chiến bắt đầu. Chúng tôi cũng « trôi nổi » người một phương. « Trôi nổi » là tiếng của Nguyễn Bình nói với chúng tôi khi từ già lên Sài-gòn và đã nhắc lại trong câu thơ :

Chị ơi trôi nổi là thân tôi.

Yiễm Yiễm Thương-diêm đã tan tành hết. Còn Yiễm Yiễm Thu-trang mở lại ở phố Nguyễn Thái-Học Sài-gòn. Tôi lại bận bịu chuyện buôn bán, bận bịu chuyện phát hành, để anh Đông-Hồ thung dung làm nhà đại ăn.

Một buổi chiều, có người con gái quê đến, giao cho tôi một mảnh giấy nhàu nát. Trong giấy, xin cây bút máy tốt và chiếc đồng hồ đeo tay, lội nước. Dưới ký « Người yêu Ngọc ». Đó là Bình ký ần danh bằng câu thơ :

(1) L.T.S. Xem bài của Sơn-Nam đăng tiếp bài này.

Than ôi không có giá liên thành
Đề đòi cho tròn viên ngọc ấy.

Sau ngày tập kết 1954, cũng người thiếu phụ quê áo cánh, chiếc áo cánh mà tôi đã chia cho nàng thôn nữ đạo trước, tay bồng đứa con, về ghé nhà tôi :

— Anh Bính bảo là ngày trước chị Tuyết đã thương Bính như em, thì nay Bính mong là vợ con Bính cũng còn giữ được tấm lòng thương đó của chị.

Tôi còn gặp vợ Bính đôi lần nữa.

Rồi ít lâu sau thì biệt tin.

Mới đây, lại nghe tin Bính mất ở đất Bắc.

Than ôi ! Nhớ lại người bạn ghé bến Hà-tiên năm xưa mà ngậm ngùi. Mùa này, trời miền Nam, mưa đang rơi nặng hạt.

Cố nhân còn đâu !

Phật-đản năm Ất-tỵ (3. VI. 1966)

MỘNG TUYẾT, Thất tiểu-muội.

ĐÃ PHÁT HÀNH :

b ó n g t ô i

tác phẩm thứ 5 của VŨ MAI ANH

— Một nữ sinh trẻ đẹp giữa nếp sống thác loạn của tuổi trẻ và những biến chuyển trọng đại của đất nước.

— Nàng đã hiến thân hay nàng bị cưỡng bức...

THÁI - LAI xuất bản

giá 60 đồng

SƠN - NAM

vài kỷ niệm về nhà thơ *Nguyễn Bính* trong thời kháng chiến ở miền Nam

Về nếp sống hàng ngày, về sự giao du với bạn bè thì Nguyễn Bính (tên thật Nguyễn-Bính-Thuyết) cũng như trăm ngàn văn nghệ sĩ khác. Anh có vài tật xấu, vài tánh tốt. Sau vài ba ngày tâm sự, đàm đạo về văn chương với bạn, thường thường Nguyễn Bính nổi cơn giận, tỏ ra chán chê bạn, thế là xa nhau để rồi thỉnh thoảng gặp nhau, quên chuyện cũ, tương thân tương đắc, đậm đà hơn bao giờ hết. Rồi sau vài ngày lại xa nhau.

Một điều rõ rệt mà ai cũng nhìn nhận: Nguyễn Bính là nhà thơ yêu nước. Yêu nước là đức tính không thể không có ở mỗi người dân bị nạn ngoại xâm. Thời kháng Pháp, tôi đã gặp Nguyễn Bính, uống rượu, uống trà, trao đổi tâm sự với nhau nhiều lần.

Giờ đây, anh đã mất. Tôi cố gắng ghi chép lại những điều đáng ghi chép về đời anh, những điều tai nghe mắt thấy, có thể đem đến ích lợi cho bạn đọc.

Từ chợ Rạch-giá, anh vào chiến khu để tham gia kháng Pháp. Bấy giờ là vào khoảng 1946-1947 gì đó. Thời tiền chiến, người miền Hậu-giang hiểu phong trào thi ca qua sự tuyển chọn và giới thiệu của Hoài-Thanh và Hoài-Chân. Nguyễn Bính là thi nhân duy nhất có tên trong « Thi-nhân Việt-nam » đã tham gia kháng chiến tại miền duyên hải vịnh Xiêm-la.

Anh khởi xướng việc thành lập Đoàn Văn-hóa Cứu-quốc tỉnh Rạch-giá, cho ra mắt « Tập Thơ Yêu Nước » sau khi vào chiến khu chừng một đôi tháng. « Tập Thơ Yêu Nước » gồm chừng mười bài hơi ngắn.

Bài Thơ Yêu Nước của anh — cũng như những bài trích dẫn ở phần sau — được chép lại đây theo trí nhớ của tôi. Có thể là tôi chép sai chạy đôi ba chữ.

*Những ai xứng đáng là người
Hãy hy sinh hết cho nòi giống ta!
Hãy nên vì nước quên nhà,
Coi thường thân sống mới là trượng phu.*

Bài chót của tập thơ này là « Trận Cây Bàng ». Tôi còn nhớ anh lập đi lập lại câu :

— Đánh! Đánh! Đánh! Chỗ nào cũng đánh.

để rồi đến phần kết luận :

*Nếu quân thù không đem binh tiếp viện
Thì quân ta tiêu diệt hết quân thù!
Nhưng thắng bại là lẽ thường chinh chiến
Trận Cây Bàng ghi tiếng để muôn thu.*

Các bạn yêu văn nghệ đã chê bai bốn câu này vì nó quá ngô nghê.

Lúc bấy giờ, Nguyễn Bính uống rượu li bì, uống rượu đế, nhâm nhi với trái ổi, trái xoài, trái khóm. Anh uống công khai, mặt đỏ gay suốt ngày. Anh đã tỏ lời tâm sự với tôi :

— Hồi tiền chiến, tôi uống rượu và hút á-phiện. Bấy giờ tôi bỏ thuốc phiện thì tôi uống rượu gấp đôi. Đó là sự tiến bộ.

Tôi hỏi :

— Anh cai từ hồi nào ?

— Từ hồi tiền chiến. Tôi đã lợi dụng chuyến đi Hà-tiên (thăm thi sĩ Đông-Hồ) để xa lánh nòng tiên nầu. Trước khi đến Hà-tiên, tôi ghé vào tiệm Công-yên ở Rạch-giá hút suốt đêm. Trong thời gian ở Hà-tiên, tôi không hút thuốc nào. À ! Tôi viết tập « Bài Hát Tỳ Bà » phỏng theo cốt truyện của Tỳ Bà Kị. Nhưng chuyến về xảy ra chuyện này đáng suy nghĩ. Từ Hà-tiên tôi qua chợ Rạch-giá chờ xe Rạch-giá đi Sài-gòn. Vừa bước xuống xe, tôi bước thật nhanh, tâm hồn thơ thời mà chẳng biết mình bước về đâu. Đột nhiên, tôi dừng bước trên lề phố. Chứng tôi giật mình, quan sát kỹ thì mới hay rằng cái « niềm thơ » đã điều khiển tôi trở lại cửa tiệm Công-yên hôm nọ. Tôi quay mặt, chạy nhanh.

Vài tháng sau, Nguyễn Bình lãnh trách nhiệm Phó Chủ-nhiệm Tỉnh-bộ Việt-Minh tỉnh Rạch-giá. Anh ký tên thay mặt ban thường vụ, soạn các công văn. Và kèm theo công văn, đôi khi cấp dưới lại nhận được một đôi bài thơ ký tên Nguyễn Bình ! Tôi còn nhớ vài câu, trong bài thơ diễn tả nỗi đau buồn của người mẹ chờ con, đứa con ấy đã hy sinh cho tổ quốc :

— Còn sống ngày nào, còn cứu nước

Còn đem xương máu để xây thành...

— Mãi tranh từng giọt sương rơi lạnh

Mẹ nén đau thương mẹ đợi chờ.

— Đêm đêm mẹ đốt cây hương ngát

Mẹ khẩn đôi lời — con có nghe ?

Vì nước bỏ mình là bất tử

Xưa nay chinh chiến mấy ai về ?

Anh từ bỏ chức vụ, sau nhiệm kỳ. Anh tỏ ra sung sướng trong lúc chờ đợi chuyển liên lạc về Đồng-tháp-mười. Anh cho biết : Vài người bạn ở ban Văn-ngệ Khu 8 gửi thư mời anh lên trên đó. Họ bảo đảm mọi mặt, nghĩa là mình được rảnh rang để sáng tác. Mỗi ngày, mỗi tuần mình khỏi tham

dự những cuộc hội ý, hội báo, hội nghị kiểm thảo. Sống không cần theo thời dụng biểu. Mỗi người một căn chòi riêng, tha hồ uống rượu, uống trà, bất chấp mọi tiếng dị nghị. Ngoài ra ban Văn-ngệ Khu 8 có máy in, in rất đẹp để phổ biến tác phẩm.

Tôi cầu mong anh mạnh khỏe để làm được việc.

Anh hứa gởi tác phẩm mới nhứt cho tôi xem.



Anh giữ lời hứa. Mỗi bài thơ của anh đều được cắt từ trong bản vỗ (morasse), gởi cho tôi. Như vậy có điều tiện lợi là tôi đọc sớm, trước khi tờ báo tới tay. Xin trích vài đoạn tiêu biểu, gọi là để làm tài liệu thôi :

*Trái vú sữa thẳng căng niềm uất ức
Gai sấu riêng nhọn hoắt ý căm hờn...
Cây cau già, ruột yếu cũng sôi lên.
— « Thân lão đây ! Mau hãy chuốt làm tên,
Bắn cho sạch lũ quân tham cướp nước ! »*

(Đây, Nam-bộ)

*Lá quốc kỳ đi trước
Đoàn chiến sĩ theo sau
Gió đêm nay lạnh lạnh
Sương đêm nay phai màu...
Gươm súng bật giọng thép :
— Thù sâu, ôi thù sâu !*

*Tổ quốc là mẹ hiền
Bị sai lang cầu xé
Chúng con xách gươm thiêng
Đi trả thù cho mẹ
Áo vải làm anh hùng,
Cơm khô no bụng trẻ !*

Vài câu ca dao :

Thấy dừa thì nhớ Bến - tre
 Thấy sen lại nhớ đồng quê Tháp - mười
 Thấy trăng thì nhớ đến người
 Thấy sao, lại nhớ đến lời thề xưa.



Cải biêng sen trắng
 Cải an mướp vàng
 Trường quân chinh mở
 Sao chúng chưa đi ?
 Nước ta quý nhất quốc kỳ
 Dân ta quý nhất người đi chiến trường !
 Bốn trăm ngàn mẫu đất
 Sốt chia sâu tỉnh miền Nam
 Khẩn khít biển thù Chùa Tháp
 Nằm bên cánh trái Cửu-long giang.
 Đồng - tháp - mười !
 Bốn mặt mệnh mang
 Cò trắng ngàn năm bay chẳng dứt...
 ... Nước phèn chua chát
 Lắng nổi đau thương !
 ... Hình thôn vắng xóm thương thương
 Hoa ô - môi nở bốn phương anh đào !
 ... Hoa sen nở chẳng đợi chi mùa hạ,
 Chim hít cô hót cả những chiều mưa.

(Trường ca Đồng-tháp)

Nhưng đẹp đẽ và êm ái nhất vẫn là bài Những người của ngày mai, những người kháng Pháp vào khoảng 1949.

Ở chòi hẹp nhưng hồn trùm vũ trụ
 Trái tim đau nhưng thương cả loài người.
 Đã nhiều hôm không thấy bóng mặt trời
 Bởi làm việc liên miên và bí mật.

Mắt quàng lại, đêm đêm rờn rã thức
 Da xanh xao vì muối thật là nhiều
 Nay, của riêng soát lại có bao nhiêu :
 Chiếc khăn tắm, bộ áo quần trong nóp
 Ba năm rồi, không xỏ chân vào guốc
 Ăn cơm thiu vì ẩm ướt mưa đêm!
 Có những anh xưa bầy nổi ba chìm
 Thay tên họ, bốn ba nơi hải ngoại.
 Nhớ hận nước, dăm dăm miền viễn tái...
 ... Quê các anh ở miền Trung đá núi
 Bãi cát vàng bờ biển uốn quanh co
 Đêm trong xanh, cao vút tiếng ai hò ?
 Trên bến vắng một dòng sông nổi bạc.
 Quê các anh ở miền Nam bát ngát
 Trái dừa xiêm nước ngọt buổi trưa nồng
 Đôi ba cô con gái bán hàng bóng
 Chèo yều điệu một xuồng đầy vú sữa
 Theo đường kênh, đi sâu vào biển lúa
 Quê các anh ở miền Bắc xa xôi
 Bước chân đi, không biết mấy năm rồi
 Xa cha mẹ anh em, xa tất cả
 Nương dâu xanh, chiếc cầu ao, mái rạ
 Cô gái làng gội tóc nước hương nhu
 — Nhưng tình riêng là những tấm hình lu...
 ... Họ là đất, họ vui lòng làm đất
 Để đắp xây nền độc lập lâu dài.
 Họ là ai ?
 — Là người của ngày mai.

Các bài thơ sáng tác trong thời gian ở Ban Văn - nghệ
 Khu 8 được gom vào một tập nhan đề : *Sóng Biển Cỏ*. Biển
 cỏ tức là vùng cỏ bao la Đồng-tháp-mười.

Ngoài ra, Nguyễn-Bính viết thỉnh thoảng đôi bài tùy bút
 dưới bút hiệu là *Kiểu Mộc*. Văn xuôi của anh chẳng lấy gì

làm đặc sắc. Đáng chú ý là bài tùy bút « Sang Máu » : một quân nhân bị thương, được sang máu để hồi sinh. Người hiến máu là một thiếu nữ tên Hương. Sau khi lành bệnh, quân nhân nọ cố gắng làm việc vì nghe được sự sống, dòng máu của Hương đang hòa hợp trong tim trong huyết quản mình. Hương đã gởi hy vọng, gởi sự sống vào thể xác và tâm hồn người quân nhân.

Đầu vào khoảng 1952, Nguyễn Bình trở về rừng U-minh. Lần này, anh trầm tĩnh hơn, làm việc nhiều hơn. Anh cưới vợ, mở tiệm làm đại lý sách báo, cố gắng làm thơ ca ngợi... Đảng Lao - động ra đời, đời sống công nhân ở Bình - công - xưởng. Máy bài thơ này không gây được tiếng vang.



Nguyễn Bình thích ăn ngon. Anh chịu khó xào nấu thức ăn, pha trà kỹ lưỡng : thà ăn ít, uống ít nhưng thưởng thức đúng hương vị.

Về những bài thơ do anh sáng tác thời tiền chiến, anh bảo :

— Vài câu thơ... tuyệt diệu, thể thôi. Chẳng có bài nào toàn bích.

— Anh cho thí dụ thử coi !

— Tôi thích nhất hai câu này trong bài « Buồn Ngự Viên » : « Sớm đào, trưa lý, đêm hồng phần. Tuyệt hạnh, sương quỳnh, máu đỏ quỳnh ». Làm văn nghệ khó lắm.

— Tại sao khó ?

— Có nhiều ý, nhiều chữ quá tuyệt diệu mà người khác đã cướp mất, trước mình. Mình chỉ nhái lại mà thôi. Đây là những trường hợp đáng sợ, đáng thán phục. Thí dụ như hai tiếng « dằng dằng » trong lời nhạc Hội-nghị Diên-hồng (hận thù dằng dằng, sơn hà rung chuyển). Như chữ « ghê » mà Xuân Diệu đã dùng, diễn tả công phu luyện tập của người chiến sĩ :

— *Gươm mài nước suối bên ghê da!*

Hoặc hình dáng bờ biển miền Trung do Xuân-Diệu :

— *Mãi ra đi, ai ngỡ đến hồi đau
Mây vẫn vũ ám Thăng-long, Gia-định
Lạng-sơn xót với Cà-mau chót đỉnh
Sợi tơ tằm bờ biển luống quanh co!*

Về cách tìm đề tài, về sự làm việc của kẻ sáng tác, Nguyễn Bính đã nói nhiều lần với tôi, khi trà dư tửu hậu :

— Nhiều khi mình chịu bí đề tài, cạn hứng suốt đôi ba tháng. Thế mới giận! Nhưng khi viết được đôi ba bài ưng ý rồi thì mình lần lượt viết hàng trăm câu thơ, thấy hàng ngàn đề tài hiện ra... Các cụ ngày xưa bảo rằng : vào rừng tìm cây quế, cây trầm hương là chuyện khó nhưng rất dễ. Lúc mới vào rừng, người ta thấy chung quanh toàn là gai cò, cây cò vô giá trị. Nhưng khi « quen mắt quen hơi » ta gặp được một cây trầm cây quế rồi thì lần lượt ta thấy hàng trăm cây khác ở bên cạnh ta, có sẵn tự bao giờ! Làm văn nghệ là vậy đó... Thế mới giận!

★

Trong số một ngàn cô cậu thanh niên làm thơ, yêu thơ thì chúng ta thấy có đến 990 người chịu bỏ cuộc khi gặp thực tế của cuộc đời. Cuộc đời là một bài thơ lớn, khác hẳn màu sắc bài thơ mà họ mơ ước từ trước.

Trong số mười người còn lại, họa chăng có năm ba người làm thơ giỏi, làm thơ hay : khi đọc qua thơ họ chừng một đôi lần là tự nhiên người ta nhớ vài đoạn, năm ba câu mà chẳng cần ghi chép hoặc cố gắng học thuộc lòng.

Thơ của Nguyễn Bính đã đạt được trình độ dễ nhớ.

Thơ của anh đáng ca ngợi ở nội dung yêu nước. Làm thơ yêu nước là chuyện khó. Phải phối hợp hình thức với nội dung ; ngôn ngữ kỹ thuật, tâm tình cá nhân với hoàn

cảnh chiến đấu của dân tộc. Phải đúc các mâu thuẫn ấy thành một khối cứng rắn, không gì vết, tạo một thứ thép mới. Đúc trong lò lửa yêu nước, một lò lửa có nhiệt độ khá cao.

Nguyễn Bình đã thành công lớn, trong giai đoạn mà ít ai thành công. Bây giờ, nếu cho rằng Nguyễn Bình là một thiên tài thì có lẽ hơi sớm. Nhưng hậu thế sẽ cho chúng ta thấy rằng thơ Nguyễn-Bình có nhiều câu trở thành ca dao, vài bài thơ yêu nước của anh rất xứng đáng được trích giảng trong sách giáo khoa Việt-văn.

Nguyễn Bình đã phò lưu từ Bắc vào Nam rồi từ Nam ra Bắc, ra có hương đề rồi nằm trong lòng đất cổ hương. Thời buổi chiến tranh, con người có thân hình ốm yếu mà sống được hơn năm mươi tuổi, nghĩ cũng thọ. Suốt đời Nguyễn Bình đã lấy việc sáng tác làm ý nghĩa cuộc sống. Anh đã chịu đau khổ, đã hương lạc, đã bị quan, đã lạc quan, đã suy tư. Anh đã thấy những trận giặc. Giặc trên mặt đất, giặc ngoài biển, giặc trên trời. Và giặc trong tâm hồn của con người anh nữa...

SƠN-NAM

SÁCH THỜI MỚI VỪA PHÁT HÀNH :

- | | | |
|----------------------|---------------|----------|
| * TƯỢNG ĐÁ SƯỜN NON | của Y Uyên | giá 52\$ |
| * CẢNH TƯỢNG ĐÊM NAY | của Viên Linh | giá 68\$ |
| * TẬP BÚT III | của Võ Phiến | giá 50\$ |

(Tập Bút I sắp in lại — Các độc giả còn thiếu xin vui lòng chờ ít lâu).

MAI - THẢO

Nguyễn - Bính

chín năm đốt đuốc soi rừng

Một buổi sáng mùa đông buốt lạnh. Lá rụng rào rào trên mặt nhựa banh nở một hè đường vắng khuất của một tỉnh nhỏ — tỉnh Hà-đông, Hà-đông của tà áo lụa trong thơ Nguyên Sa, của dòng sông Nhuệ trong truyện ngắn Khái-Hưng — tỉnh nhỏ này, buổi sáng ấy còn ngủ say. Nhưng kẻ mặc áo tới đứng dưới những cành khô trụi lá của hè đường vắng khuất ấy đã thức. Vẫn thức. Bởi y không ngủ được. Y không có đêm. Đêm với ngày chập chờn trộn lẫn, tôi đang ở sớm mai này hay tôi còn ở hoàng hôn trước, ngày đã đen thui hay đêm còn trắng toát, không biết, những kẻ đang yêu không ngủ được bao giờ. Tình yêu nung nấu là một trùng trùng đối diện. Nó như ma túy tằm nhập vào xương cốt. Nó là giấc mộng tỉnh táo nhất, ráo hoảnh nhất nhưng cũng miên trường bản bật nhất dựng đất trong ngây ngất tâm linh và tê liệt hình hài. Ở đâu, ta ở chốn này, nằm trong hờ hững, gỏi tay vô tình. Trả lời : Nguyễn Bính đang đứng trên vỉa hè một con đường vắng khuất của tỉnh Hà-đông, nhìn lên một cửa sổ trên một lầu cao, đứng suốt đêm như thế. Cuộc hành trình

dài gần hết chiều dài đất nước. Những bánh sắt đêm ngày đã lăn qua hết suối đèo và sông núi ba miền. Sài-gòn như điểm khởi hành. Nha-trang qua. Và Huế tới. Phủ-lý bỏ lại và Hà-nội thay tàu. Lên vào Hà-đông như một âm thầm hình bóng. Sương ướt mái đầu, đứng suốt một đêm. Trở lại chốn cũ sau ba năm, như giọt nước của Tản-Đà, nước tuôn ra biển lại mưa về nguồn. Nhưng cái nguồn đã lạc. Cái gốc đã mất. Chủ thê là ta đây còn ướt sũng trong sương, nhưng đối tượng là tà áo lụa mùa, mái tóc buông dài, ánh mắt giết người, nụ cười thuốc độc, đối tượng ấy đã thoát đi thành một đời đời cách biệt. Cái hàm răng trắng muốt ấy đã cười với kẻ khác, biết không Nguyễn Bính. Y trả lời biết. Và bằng lời mà lời duy nhất có của y là thơ :

Ba năm trở lại đất Hà - đông.

Người cũ cô Oanh đã lấy chồng.

Thơ ngợi ca và khóc lóc tình yêu tan nát điểm lệ, người đàn bà không còn là cái : nàng , mơ hồ trừu tượng. Người đàn bà đối tượng của hơn một tiếng thơ Việt-nam khi ngợi ca và khóc lóc tình yêu tan nát điểm lệ được gọi thật lớn, rõ, đích danh. Kẻ gọi tên không cho phép mình nhầm lẫn. Gọi tên người đã lọt qua những kẻ ngón không giữ được hạnh phúc vượt thoát, thi sĩ đặt tên cho vết thương mình. Đinh Hùng : Lửa hạ lên rồi, ô Ý Liên. Vết thương mang tên Liên. Vũ Hoàng Chương : Tổ của Hoàng ơi, hồi nhớ thương. Tổ, ở Hoàng là trái tim chảy máu. Với Nguyễn Bính chủ thê tự hạ xuống một vị trí thấp, hèn mọn, như kẻ đứng dưới dương chiêm ngưỡng sùng kính kẻ ở lầu cao, là cô Oanh, cô Oanh đã đi lấy chồng.

Đợt nắng vàng vọt thứ nhất của buổi sáng mùa đông ánh lên. Những người phu lục lộ của tỉnh Hà-đông đã đi quét lá đường trong âm thanh chổi rê lạt sạt. Nguyễn Bính cúi đầu xuống, kéo cao cổ áo tơi, quay gót thơ. Người đàn bà tầm thường đi lấy chồng. Một triệu người đàn bà Việt-nam, họa may mới có một người đàn bà lấy chồng thi sĩ. Ngay buổi

chiều hôm đó, từ sân ga hàng Cỏ Hà-nội có cái đồng hồ lớn như một cái nia, một toa tàu hạng ba tời tàn lại đưa Nguyễn Bính vào Sài-gòn. Chuyển đi ngàn dặm của nhà thơ tiền chiến, chỉ có một mục đích. Và mục đích đã lỡ.



Tiếng thơ Nguyễn Bính cấu thành và đóng khuôn trong lỗ dò ấy diễn ra trên cái hệ đường vắng khuất kia của tỉnh Hà-đông, lỗ dò ấy của tỉnh yêu là khơi nguồn, đồng thời là nối tiếp cho mọi lỗ dò dây chuyền khác, chúng có mặt ngồn ngang, sau trước, khắp chốn, khắp nơi, trên toàn bộ cuộc đời Nguyễn Bính là tả bay thành một thân thể đứt đường chỉ đóng gáy của những tờ rời. Thơ Nguyễn Bính phát sinh từ những tiếng kêu bàng hoàng của những kiếm tìm không gặp. Những địa chỉ lạc. Một thời thể gặp muộn, và thời thể trở thành một khuôn mặt thù nghịch. Một tình yêu lỡ, đưa cỗi thơ khởi sự sáng ngời tin tưởng thơ ngày tới điểm cuối đường dừng lại của nó là chối từ và hoài nghi. Một ý thức xã hội tới cuối đường mới muộn màng hiển hiện, cho nên ý thức ấy không đánh phá và mở được những chặng đường đi tới nữa, vì cái chứa đựng nó là tâm linh và hình hài thi sĩ tâm linh ấy đã kiệt sức và hình hài ấy chỉ còn là một bộ máy đã mỏi rời.

Chín năm đốt đuốc soi rừng

Về đây ánh điện ngập ngừng dấu chân.

Cửa xưa, mảnh trúc còn gần

Góc tường vận động trăng xuân thuở nào.

Thời thế tan tành không lường đoán được vận động trở thành của nó. Lòng người phản phúc. Phố phường như một lưới nhện khổng lồ hoa mắt. Bên này. Bên kia. Những lựa chọn phải có. Những tự cứu nửa vời. Thầy đều là thứ ánh sáng trần trụi, không trăng sao không thơ mộng chút nào, làm ngập ngừng dấu chân Nguyễn Bính, và như thế, cho

tới suốt, tới hết cuộc đời Nguyễn Bính. Đặt Nguyễn Bính trên một bình diện văn học, tôi muốn xếp Nguyễn Bính ngồi chung một chiếu với Thâm Tâm và Trần Huyền Trân, tuy rằng ở những vươn phóng xa cao và những biểu hiện đậm nét nhất, ba khuôn mặt lớn của dòng thơ tiền chiến này có những tách rời đi thành đặc thù và cá tính. Ba người, Thâm Tâm gần với hành động nhất. *Du khách không về bàn tay không*. Trần Huyền Trân tự thành trong cô đơn, nhưng muốn xuống với đám đông như trưởng thành từ một ý thức xã hội. *Tìm dân nương náu, đi đâu thoát*. Thơ nói tới cái phận người bị chìm xuống muốn vùng lên. Nguyễn Bính chỉ nói về mình. Y đứng trên căn lầu mang tên cá nhân, tỏa rộng chủ quan ngắm nhìn đời sống, đời sống với Nguyễn Bính chỉ là một hiện tượng. Thế giới thực của Nguyễn Bính vẫn là :

Cửa xưa mảnh trúc còn ngăn

Gác tường vẫn đọng trăng xuân thuở nào.

Cái thế giới của tình cảm. Nó mang tên là kỷ niệm và mộng tưởng, mà bi phận và cảm khái thời thế chỉ là một tự đánh lừa mình, bởi vì hành trình một đời ấy trước sau chỉ là chạy trốn một vết thương gây nên bởi tình yêu.

MAI-THẢO

ĐÓN ĐỌC :

nỗi chết không rời

tập truyện của DUY-LAM và THẾ-UYÊN

Nguyễn-dinh Vượng xuất bản

chiều hôm đó, từ sân ga hàng Cỏ Hà-nội có cái đồng hồ lớn như một cái nia, một toa tàu hạng ba tối tăm lại đưa Nguyễn Bính vào Sài-gòn. Chuyển đi ngàn dặm của nhà thơ tiền chiến, chỉ có một mục đích. Và mục đích đã lỡ.

✱

Tiếng thơ Nguyễn Bính cấu thành và đóng khuôn trong lỡ dở ấy diễn ra trên cái hệ đường vắng khuất kia của tỉnh Hà-đông, lỡ dở ấy của tình yêu là khơi nguồn, đồng thời là nối tiếp cho mọi lỡ dở dây chuyền khác, chúng có mặt ngồn ngang, sau trước, khắp chốn, khắp nơi, trên toàn bộ cuộc đời Nguyễn Bính là tả bay thành một thân thể đứt đường chỉ đóng gáy của những tờ rời. Thơ Nguyễn Bính phát sinh từ những tiếng kêu bàng hoàng của những kiếm tìm không gặp. Những địa chỉ lạc. Một thời thể gặp muộn, và thời thể trở thành một khuôn mặt thù nghịch. Một tình yêu lỡ, đưa cõi thơ khỏi sự sáng ngời tin tưởng thơ ngây tới điểm cuối đường dừng lại của nó là chối từ và hoài nghi. Một ý thức xã hội tới cuối đường mới muộn màng hiển hiện, cho nên ý thức ấy không đánh phá và mở được những chặng đường đi tới nữa, vì cái chứa đựng nó là tâm linh và hình hài thì sĩ tâm linh ấy đã kiệt sức và hình hài ấy chỉ còn là một bộ máy đã mỏi rời.

*Chín năm dốt đước soi rưng
Về đây ánh điện ngập ngừng dấu chân.
Cửa xưa, mảnh trúc còn ngần
Góc tường vận động trăng xuân thuở nào.*

Thời thể tan tành không lượng đoán được vận động trở thành của nó. Lòng người phản phúc. Phố phường như một lưới nhện khổng lồ hoa mắt. Bên này. Bên kia. Những lựa chọn phải có. Những tự cứu nửa vời. Thấy đều là thứ ánh sáng trần truồng, không trăng sao không thơ mộng chút nào, làm ngập ngừng dấu chân Nguyễn Bính, và như thế, cho

tới suốt, tới hết cuộc đời Nguyễn Bính. Đặt Nguyễn Bính trên một bình diện văn học, tôi muốn xếp Nguyễn Bính ngồi chung một chiếu với Thâm Tâm và Trần Huyền Trân, tuy rằng ở những vượn phóng xa cao và những biểu hiện đậm nét nhất, ba khuôn mặt lớn của dòng thơ tiền chiến này có những tách rời đi thành đặc thù và cá tính. Ba người, Thâm Tâm gần với hình động nhất. *Du khách không về bàn tay không.* Trần Huyền Trân tự thành trong cô đơn, nhưng muốn xuống với đám đông như trường thành từ một ý thức xã hội. *Tìm lần mang nữa, đi lần thôi.* Thơ nói tới cái phận người bị chìm xuống muốn vâng lên. Nguyễn Bính chỉ nói về mình. Ý đứng trên cái lần mang tên cá nhân, tỏa rộng chủ quan ngắm nhìn đời sống, đời sống với Nguyễn Bính chỉ là một hiện tượng. Thế giới thực của Nguyễn Bính vẫn là :

Của rêu mình trúc còn ngăn

Góc trông vãn vọng trăng xuân thuở nào.

Cái thế giới của tình cảm. Nó mang tên là kỷ niệm và mộng tưởng, mà bị phân và cảm khái thời thế chỉ là một tự định lừa mình, bởi vì hành trình một đời ấy trước sau chỉ là chạy trốn một vết thương gây nên bởi tình yêu.

MAI-THẢO

ĐÓN ĐỌC :

nói chét không rời

tập truyện của DUY-LAM và THẾ-UYÊN

Nguyễn-dinh Vượng xuất bản

DI CẢO CỦA NHÀ THƠ NGUYỄN-BÍNH

BÀI THƠ VẦN RẦY

gởi người chị Dưới Mái Trắng Non

Nhớ ngày tôi vào chơi Hà - tiên
Chiều chiều cùng Chị về trong Rẫy
Đường mòn, nắng nhạt soi tà tà
Biển khơi, gió mặn thổi hây hây

Giàu thừa, rau muống loe màu xanh
Bờ vắng, chim câu ồn tiếng gáy
Thân cau thương nhớ ai gãy mòn
Tay chuối đợi chờ ai ve vầy
Hoa tươi gặp gió tha hồ rung
Trái chín gần tay tự do hái
Đời người đã thông thả thế ru
Đời người đã sung sướng đến vậy

Vườn cây, gió thổi lộng muôn cành
Nhà cỏ, trăng soi vàng nửa mái
Thềm trắng, trái chiều ngồi song song
Bàn chuyện Tam-quốc cười thố thống khoái
Khương Duy mặt to như trứng gà
Mã Siêu mặt đẹp như con gái

Mê gái cửa thành giết bổ nuôi
Vi nước qua thuyền giành chúa đại
Xót anh, may áo tang ba ngày
Nhờ nghĩa, đường cùng thả giặc chạy
Vận trời thế đất dang chông chênh
Chúa ba chân vạc cho vững chãi
Ai ngờ ông trời làm trò đùa
Cả ba chân vạc đua nhau gãy

Dần dà nói đến chuyện nhân duyên
Chị có cô chám tuổi mười bảy
Tóc dài chấm gót má hồng tươi
Mi ròng cánh cung mắt đen láy
Chị ơi ! trời nời là thân tôi
Cánh buồm bạt gió trôi hồ hải
Than ôi ! không có giá liên thành
Đề đòi cho tròn viên Ngọc ấy

Xứ người lần lửa gót phiêu linh
Quê cũ cha anh hết trồng cấy
Tám thân bảy thước chữa ngang tàng
Khói lửa bốn trời đã bốc dậy
Con thuyền dầu lạc hương phương nào
Vẫn nhớ ai người nơi tuyết tái

Chờng nào mới lại vào Hà - tiên
Chiều chiều cùng Chị về trong Rẫy
Chắc chẳng bao giờ nữa. Chị ơi
Hoa lưu động khâu ưng trường tại.

MẤY BÀI THƠ TIÊU BIỂU CỦA NGUYỄN-BÍNH

t u o n g t u

Thôn Đoài ngồi nhớ thôn Đông,
 Một người chín nhớ mười mong một người.
 Gió mưa là bệnh của trời,
 Tương tư là bệnh của tôi yêu nàng.
 Hai thôn chung lại một làng,
 Cớ sao bên ấy chẳng sang bên này ?
 Ngày qua ngày lại qua ngày,
 Lá xanh nhuộm đã thành cây lá vàng.
 Bảo rằng cách trở đò giang,
 Không sang là chẳng đường sang đã đành.
 Nhưng đây cách một đầu đình,
 Có xa xôi mấy mà tình xa xôi...

Tương tư thức mấy đêm rồi,
 Biết cho ai, hỏi ai người biết cho !
 Bao giờ bến mới gặp đò ?
 Hoa khuê các bướm giang hồ gặp nhau ?

Nhà em có một giàn giầu,
 Nhà anh có một hàng cau liên phòng.
 Thôn Đoài thì nhớ thôn Đông,
 Cau thôn Đoài nhớ giầu không thôn nào ?

(Lỡ bước sang ngang)

x u â n v ề

Đã thấy xuân về với gió đông,
Vội trên màu má gái chưa chồng.
Bên hiên hàng xóm, cô hàng xóm
Ngước mắt nhìn trời, đôi mắt trong

Từng đàn con trẻ chạy xun xoe,
Mưa tạnh, trời quang, nắng mới hoe.
Lá nơn, ngành non ai trắng bạc?
Gió về từng trận, gió bay đi...

Thong thả nhân gian nghỉ việc đồng,
Lúa thì con gái mượt như nhung.
Đầy vườn hoa bưởi hoa cam rụng,
Ngào ngạt hương bay bướm vẽ vòng.

Trên đường cát mịn, một đôi cô,
Yếm đỏ, khăn thâm, trảy hội chùa.
Gậy trúc dắt bà già tóc bạc,
Lần lần tràng hạt niệm nam - vô.

(Tâm hồn tôi)

cô hái mơ

Thơ thần rừng chiều một khách thơ
Xa nhìn ra dặm núi xanh mờ
Khí trời êm ả và trong sáng
Thấp thoáng rừng mơ cô hái mơ

Hỡi cô con gái hái mơ già
Cô chưa về ư đường còn xa
Và bóng tà dương dần sắp tắt
Hay cô ở lại về cùng ta

Nhà ta ở dưới gốc cây dương
Cách động Hương-sơn nửa dặm đường
Có suối nước trong tuôn róc rách
Có hoa bên suối ngát đưa hương

Hỡi cô con gái hái mơ ơi
Chẳng trả lời tôi lấy một lời
Cứ lặng mà đi rồi khuất bóng
Rừng mơ hiu hắt lá mơ rơi.

(Hương cổ nhân)

một nghìn cửa sổ

Một nghìn cửa cửa sổ
Đều khép vào đêm qua,
Một nghìn bàn tay ngủ
Đã thế ra cửa sổ

Một nghìn cửa cửa sổ
Đều khép vào đêm nay,
Lại nghìn cửa bàn tay
Ngủ thế ra cửa sổ.

Hết nghìn cửa cửa sổ
Rồi khép vào bên trong
Có thủa tình ta không?
Có thủa tình ta khờ.

Đêm qua và đêm nay,
Và nghìn đêm về trước,
Ta đi trên phố này,
Ta đi trên phố khóc.

Đề mơ những bàn tay
Của những nàng gái đẹp,
Đề muốn rằng đêm nay,
Cửa ai buồn chẳng khép.

Chẳng ai buồn, chẳng khép
Cho lòng ta đêm nay
Đề lòng ta đêm nay
Mất một người gái đẹp.

Cửa hàng nghìn khép lại
Tất cả một đêm nay
Có lòng ta rồ dại
Mở ra muôn ngàn ngày.

tỉnh giấc chiêm bao

Chín năm đốt đuốc soi rừng
Về đây ánh điện ngập ngừng bước chân
Cửa xưa mảnh trúc còn ngấn
Góc tường vẫn đọng trắng xuân thuở nào
Làng xa bản nhỏ đèo cao
Gió bay tà áo chiêm bao nửa chừng
Anh về luyến núi, thương rừng
Nhớ em đêm sáng một vùng Thủ - đỏ.

Bồi hồi chuyện cũ năm xưa
Gặp nhau lần cuối... trang thư lệ nhòa
Thư rằng: thôi nhé đôi ta
« Tình sao không phụ mà ra phụ tình
Duyên nhau đã dựng Trường - đình
« Me em đã xé tan tành gối thêu... »

Trăng khuya sang núi gươm đèo
Anh đi, thư vẫn nằm đeo bên mình
Lửa sán nét chữ chệnh chênh
Nếp thư đến rách chưa lành vết thương.

Đằm đằm hoa sữa lên hương,
Chân anh đương bước giữa đường cái đây

Nẻo hồ, song cửa, lá bay
 Sáng chung bóng dạng bao ngày yêu xưa
 Trăm năm đã lỡ hẹn hò
 Cây đa bến cũ con đò còn không ?

Tình cờ gặp giữa phố đông
 Em đi rửa rít tay chồng tay con
 Nét cười em yếm môi son
 Áo bay nhấc buổi trăng tròn sánh vai...

Chưa năm bão tới mưa ngày
 Nước non để có hôm nay sáng trời
 Em đi hạnh phúc hồng tươi
 Anh nhìn tận mắt cuộc đời đẹp thay ?
 Sắc hương muôn nẻo tuôn trào
 Tiếc mà chỉ giấc chiêm bao một mình
 Anh sẽ viết lại thơ anh
 Để cho bến mát cây xanh đôi bờ
 Cho sông cho nước tự giờ
 Chẳng còn lỡ chuyện con đò sang ngang
 Lưu đôi những bức thư vàng
 Chẳng còn chữ chữ hàng hàng lệ rơi
 Chím hồng chím nhận, Em ơi
 Trên nền gối cười đời đời yêu nhau.

NGUYỄN BÌNH
 (8-1956)

● thơ truyện sáng tác

tình yêu thời chiến

NGÔ - TUẤN

tôi về đó hai bàn tay rưng khóc
mười ngón xanh thon tôi vuốt mắt chàng
từ chiến cuộc một đời chàng ăn khuất
niềm đau nào cho tuổi trẻ tan hoang

tôi về đó nỗi buồn xanh mới mọc
bão của trời vừa góp lại một phương
thời bom đạn ươm gầy thêm nước mắt
từng mùa xuân ôm giấc ngủ hoang đường

tôi về đó nụ cười xưa đã vỡ
kỷ niệm chàng về thấp sáng chon von
lòng dấy động mù sương lên hơi thở
còn gì đây hay khoảng trống trong hồn

tôi về đó còn một mình sót lại
bởi yêu chàng nên hái hết thương đau
đường âm thầm bước chân chim ái ngại
rồi mai kia còn mấy bận qua cầu.

THANH-TÂM-TUYỀN

chim cú

(truyện ngắn)

*Để thay thế cho truyện dài UNG-THƯ tạm gác lại một
lúc, chúng tôi xin hẹn giới thiệu cùng bạn đọc một đoản thiên
độc sắc, mới nhất của Thanh Tâm Tuyền.*

Huệ thức giấc, trời còn tối mù. Dường như trước đó cô trải qua một giấc mộng, giấc mộng không nhớ lại được bị vùi lấp trong những tiếng động rì rầm rục rịch choáng váng. Cô mở mắt nằm trong mùng đơn chừng giờ khuya, phương hướng, vị trí các đồ vật trong nhà từ trên bộ ngựa. Cánh cửa sổ chiếm hết bề ngang mặt trước, trừ cánh cửa ra vào, hiện ra với hàng song đứng vuông đặt xéo cạnh; bên ngoài là hàng hiên rồi tới khoảng sân trắng xi-măng che tôn, chỗ đậu nhờ tác-xi của chú Bảy, đen thui không nhìn thấy trời.

Huệ lơ mơ sắp ngủ trở lại chợt giật mình. Một tiếng kêu khác lạ mơ hồ. Cô đồng tai nghe ngóng. Tiếng mèo gào gọi đực hung bạo trên nóc nhà rầm rầm, tiếng thở phì phì chống cự khó chịu, những khua động ồn ào làm lãng mất sự chăm chú. Huệ bắt rùng mình, xa hơn những tiếng động phiền nhiễu ấy, một tiếng kêu ngắn thoảng. Tiếng chim cú kêu. Máy con mèo đã đuổi nhau đi mất trả lại sự yên tĩnh, cơn ngủ bay biệt hẳn, Huệ trông đợi. Con chim kêu liền hai ba tiếng trong sự vắng lặng của đêm tràn ngập. Nó

đậu ở đâu ? Trên cây gòn khô gần giếng nước hay trên hàng cây cao rậm ngoài phố hông trước thành lính ? Có khi nó ở tuốt mấy cây ngoài lộ cái không chừng ?

Huệ ngồi lên vén mừng, buông thông hai cẳng mò đôi dép. Đồng hồ kêu tích tắc, đặt bên kệ hàng trên vách lẫn với những ve kéo bánh. Cô nhẹ nhàng bước ra mé cửa ngoài, lách tránh những đồ đạc trên lối đi, kéo chốt cửa chậm chạp sợ gây tiếng động đánh thức bà nội già ngủ ở buồng nhỏ bên trong. Tiếng phản lực vút tới, ngang qua trời, chói ráy bắt cô khựng lại trước ngưỡng cửa. Chiếc tắc-xi lù lù, án tằm mắt. Không khí ươn hơi gió ướt. Đợi cho tiếng máy bay khuất, Huệ thủng thẳng ra ngoài, khép cửa sau lưng, men bên chiếc xe hơi tới cây cột chống mái tôn ở rìa ngoài đứng lại. Mặt đất mờ mờ phân biệt với gốc ổi thấp cạnh lá lòa xòa trước sân nhà thầy Năm. Màu trời nhạt sáng hơn, những mái nhà lộ sô lằm lũi. Những chòm cây rậm rịt như đám rừng ngoài phố trước thành lính vượt khỏi các nóc nhà, mỗi mùa mưa ít nhất một lần những ngọn cao nhất bị sét đánh nháng lửa đôi lúc bốc khói cháy âm ỉ cả mấy bữa, chim thường riu rít trong đám lá những buổi sáng buổi chiều khô ráo, buổi trưa mùa nắng im gió nghe tiếng chim lạ đơn độc hát những khúc ngắn lập đi lập lại. Con đường ngoài đó không nhà ở chạy dài cả trăm thước với trại lính một bên, gò mả một bên, trại lính dây thép gai rào kín, bót gác cao lênh khênh mái lợp xụp, sân đất trống trơn bị vây ở giữa những dãy nhà vách ván mái lá, đám gò mả bờ bụi gai góc, cái xây gạch đá rêu phong đen đui, cái lùn thấp gần bằng mặt đất.

Huệ vịn tay vào cột, đón tiếng chim kêu. Có lẽ nó đã bay mất. Tiếng chó sủa từng chập, mấy con mèo rượt nhau sâu thêm vào trong xóm, máy bay âm ỉ ở những vùng xa, chuột chạy loạt soạt trong các vách lá. Những kết hẻm len giữa hai căn nhà mở như cửa ngõ của bóng tối. Khoảng lộ cái chạy ngang ngoài đầu ngõ sáng khô trong ánh điện. Huệ tiến thêm hai ba bước, đứng giữa lối ngõ, quay mặt vào trong xóm mịt mù. Trời lốm đốm sao, ngôi sao mai rõ ràng trên nóc nhà mụ Tư Mập điên điên khùng khùng nuôi con muợn cho bọn điểm trong xóm. Mai sáng không mưa, mùa mưa năm nay tới chậm.

Tiếng động rần rần búa vây đầu óc như cả một đoàn xe hạng nặng chạy ngang ; Huệ quay mặt ra lộ, cảnh vật say ngủ như chết ; cô ngước mắt lên trời nhìn tia lửa phụt bay giống như sao chổi, hai chấm điện vàng đỏ nhấp nháy như đom đóm. Ba lần liên tiếp như vậy cách nhau vài giây đồng hồ, những chấn động trong thính không úp chụp làm choáng váng cơ thể, Huệ ngất ngư như bị xô lấn trong một chuyến xe buýt ních người, tự động rời chỗ ngồi nào không hay.

Lúc tỉnh trí, sự im lặng khuya khoắt mở trong cơn gió sớm mơn man, cơn gió như thổi đến từ nơi nào ánh sáng đã hé rạng, Huệ thấy mình đứng trước hẻm vào giếng nước, nghe rõ tiếng nước chảy róc rách trong thành giếng tiếng nước êm ái với những giọt đọng lồm bồm rớt sầm như một đêm trăng sáng. Cây gòn trơ những cành trụi lá cằn lồi, những người gánh nước lúp chụp dễ bị vấp té, cao lênh khênh như người quá khổ ; đêm nào một anh chàng Mỹ đi chơi bởi say rượu lờ quá tránh gốc cây lợt xuống giẫm khiến cả xóm hoảng hồn phải kêu nhau thức giòng dây kéo lẩn, anh ta thiệt mạch, vớt loi ngoi, bề đầu chảy máu mà không tỉnh, bỏ đi một nước. Qua giếng trong hẻm, lối ăn thông sang gò mả là nấp nhà của bọn điểm, con Út, con Bông, con Năm, mấy tên ma cô ăn cướp, Tám Toạc Bảy Bằng Tư Vẹo Sáu Nết, nhà cô Sáu chầy bừa, anh chàng Tư Quy làm trường khóm chuyên bắt trộm gà, chó, mèo ăn thịt, rất cấp quần áo treo phơi trong xóm. Hồi năm ngoái, chim cú cũng kêu cách chừng nửa tháng trước khi Tám Toạc chém chết chú Hai rích-lô-máy trong sông bài cào ở nhà chị Tám ; chị Tám ở ngoài đầu ngõ cho bọn điểm mượn phòng, chú Hai dắt khách từ Sài-gòn về ; Tám Toạc bỏ trốn đi lính một hồi, lại đào ngũ về lấy con Út. Có lẽ con chim cú đậu trong bụi tre bên gò mả kêu báo cho đêm đó. Một đêm nào xóm sẽ nghe la thất thanh trong đêm khuya, tiếng chĩa thịch thịch rượt đuôi : Chết tôi rồi... chết tôi rồi. Bảy Bằng bị bắt đưa ra Trung không thấy về, Tư Vẹo bị nhốt trong trại Thủ-đức, Sáu Nết đi lính Hải-quân lâu lâu mới xuất hiện trông nghiêm trang đáng hoàng hơn xưa ; chỉ còn Tám Toạc cái mặt cô hồn thấy sợ, nó vẫn đánh đập con Út mỗi lần con này không chịu đưa tiền cho nó đánh bạc, la bài

hải chạy cùng xóm. Nó sẽ chém người nào đó hay nó sẽ bị Bảy Bàng thanh toán trả thù nếu Bảy bỗng thoát về được? Nó đã chém thẳng Bảy vào chân rồi chạy thoát trước khi lính tới, lính bắt thẳng Bảy và Bảy đã nhận lời con Năm về cho Tám Toọc hay mỗi thù ấy chỉ trừ Tám Toọc chết mới chạy khỏi.

Huệ rung mình ớn lạnh, trên người chỉ mặc chiếc áo bà ba trắng mỏng, vú không nịt chầy nặng, trong ngực hồi hộp lạ kỳ như quả banh bị bơm căng trống rỗng. Cô tựa cánh tay lên bờ rào nhà thầy hai Bắc-kỳ cưỡi vét-pa làm trên sở thuế trong nhà có một sinh viên ở trọ, cậu ta thường dậy sớm tập thể dục ngoài sân, bất thần mở cửa và có thể bắt gặp Huệ đang sơ rỏ trước nhà. Huệ sợ hãi, nhưng không rời chân, đưa mắt kiểm điểm các nhà. Con chim cú kêu ai vậy? Ai sắp chết đó? Huệ nghe vừa căng thẳng vừa mỗi một rời rã, tất cả âm thầm dịu dàng như đêm tối; tự cười thầm mình không còn phải nhỏ nhít, mười bảy mười tám gì. Cậu ta sẽ chỉ liếc liếc nhìn không dám lên tiếng, cậu ta không hiểu cũng sợ hãi tưởng gặp ma. Chính Huệ sẽ hỏi: cậu thức sớm quá há, rồi trở về nhà.

Tuốt trong xóm, nhà thầy Chín mở đèn, hai cửa sổ mở sáng ảm áp như một nỗi vui mừng được giải thoát. Thầy Chín tu hành, mỗi sáng đều tụng kinh gõ mõ, trước khi đi làm tận bên Khánh-hội chiều tối mới về tới nhà, thầy đi một chiếc xe gắn máy cũ, nhiều buổi phải dựng cẳng chống gò lưng đạp mười lăm phút mới nổ; hai vợ chồng thầy không con nuôi thẳng Hên là cháu làm con. Mới ngày nào giờ Hên đã lớn trọng, năm kia đỗ Tú-tài đi học Sĩ quan Thủ-đức, làm Thiếu-úy Thủy-quân Lục-chiến, đánh trận bị thương huy chương đầy ngực. Mấy năm trước nó còn vô trong quán của Huệ, tập uống la-de với bạn, nghe phát thanh tường cải lương, say lè nhè nói: « Cô Ba, cô giống Ngọc Giàu dữ thần ». « Thằng ôn dịch, mày không về mà còn đi phá làng phá xóm tao mét ba mày cho coi ». Mới ngày nào đó thôi, mình đã hơn ba mươi tuổi, mười năm vắng chồng lủi thúi với nội già trong quán. Ảnh không biết sống chết, nhưng mình vẫn là bà góa...

Huệ nghe xa tiếng kẹt cửa, thầy Chín bước ra sân lấp ló sau mấy chậu kiềng. Phía nhà thầy Năm bên ngoài vọng tiếng cãi lầy gay

gắt của đôi vợ chồng ; thầy Năm hiền khô như một cục đất, trước làm lính cứu hỏa sau đổi sang lính kín, trái với cô vợ hung dữ cờ bạc tối ngày bỏ lũ con nhiều bữa nhịn đói ; mỗi lần ghen tuông cô Năm la thét, đấm đá, cẩu xé chồng, thầy Năm lắm lì chịu trận, cùng lắm là xô vợ tránh đòn, sau mỗi lần, thầy Năm ở trần nằm trên võng ngoài hàng ba ca vọng cổ hay đứng lơ ngơ dòm thiên hạ, mình mẩy bầm tím trầy trụa. Lần này có điều lạ là thầy Năm cao giọng hơn, tiếng cô Năm cũng vẫn rít lên như thói quen nhưng không la lớn. Huệ chăm chú, theo dõi cuộc cãi lầy trong đêm tĩnh, nhẩn mặt như ngậm phải trái chua. « Đồ đi ngựa. Không biết mắc cỡ. Tao mà không nghĩ tới năm đứa con thì... mày biết chứ. Tại sao tao lấy nó. Đừng nói nữa mày. Mày cờ bạc, tao tha thứ được. Thứ đồ đàn bà ngựa đ... như mày tao phanh phui ra thêm mắc cỡ với chòm xóm. Mày thấy tao không nói tưởng tao ngu, không hay sao mày... » Người đàn ông thẳng thắn thế thấy rõ, cô Năm vẫn nói, vẫn kể tội chồng một cách yếu ớt, giọng lẫn nước mắt như ghè lên. Cô Năm ngoại tình với ai ? Thầy Năm không dả động đến, thầy chỉ cốt dọa mặt vợ. « Mày cờ bạc quá mạng mà... Tao biết lâu rồi đàn ông mày... » Cô Năm rên rỉ đau đớn. « Mày đưa tao mỗi tháng ba ngàn... Mày tính, tính thử coi... » « Ai biểu mày cờ bạc... » Huệ đứng im, mở mắt nhìn xuyên qua bóng tối, ngực bị đè nén. Gã lao vào các đêm lễ hội đó, trời nhìn quen mắt như chuyển màu nhạt thối. Tiếng mõ trong nhà thầy Chín chậm chạp đều đặn. Cuộc cãi lầy loang quanh hoải hoải không im.

Trước mặt, sau góc mít, nhà vợ chồng Hai Sáng, con lóc nhóc một bảy tám chín đứa; chồng làm nghề chích dạo, vợ nấu cơm tháng, mấy đứa con lớn mang cơm cho các nhà ngoài lộ mỗi bữa ; trẻ con khóc ọ ẹ không ru dỗ. Lát sau mới nghe tiếng la : Ngủ đi mày, thằng nhỏ giật mình khóc ré một chập. Huệ rời chỗ, quay trở về nhà ngang trước cửa nhà thầy Năm, kế bên nhà này là căn nhà gạch của ông Đại-úy, cô em gái đi làm sở Mỹ trung diện ngất trời ; cô này thường về khuya, gây lộn với chị dâu hàng bữa. Huệ bỗng nghe tiếng chân mang giầy nặng từ trong xóm ra. Cô bước mau vô chỗ tắc-xi đậu ẩn trong bóng tối dưới mái tôn, quay mặt nhìn ra ngoài.

Bóng người trong tối nhìn không rõ mặt. Lúc tới gần, Huệ nhận ra Hên bận đồ thủy quân lục chiến, đội nón rộng vành uốn cong mép. Cô hỏi khẽ :

— Hên đó à ? Làm hết hồn.

Hên dừng chân quay mặt vô, dáng điệu ngờ ngác kiểm tìm rồi tiến tới sát bên mép sân xi-măng. Huệ tự nhiên lui hai ba bước, tựa vào thành cửa tắc-xi.

— Ủa. Cô Ba phải không, cô Ba ?

Một cơn gió bay giông lảo xào ngoài đường lộ, lọt tuốt vô tới trong xóm, mái tôn trên đầu rung lình bính. Cơn gió tắt, bầu trời lại rung động chát chúa vì tiếng phản lực cơ. Trẻ con khóc ré theo trong nhà nào đó không phân biệt được. Hên ngửa cổ trông theo tiếng động, mặt hiện mờ mờ trong khoảng sáng hơn ở bên ngoài, môi như mấp máy.

— Cô Ba thức sớm dữ.

Sự im lặng đậm đặc rớt xuống che phủ tiếng mõ loáng thoáng. Hên lột nón cầm tay, một chân dậm nhẹ trên đất. Trong mắt của Huệ, ánh đèn nhà thầy Chín chỉ là một chấm sáng lẩn trong lá cây.

— Hên đi hành quân hả ?

— Dạ.

— Máy bữa ?

— Không chừng. Đâu có biết trước.

Hên bước lên khoảng xi-măng, giầy dẫm nghiêng bụi cát nghe buốt sắc, đứng bên vè bánh sau cách Huệ cỡ một sải tay, Huệ nghe được hơi thở chậm chạp điều hòa của đứa con trai, bóng dáng khuỳnh khuỳnh cao lớn của nó che ngang tầm mắt, dường như nó cười lộ hàm răng trắng.

— Giờ này làm sao kiếm xe. Hên vô trại ?

— Không. Tới sân bay.

Huệ xích dang xa khỏi chiếc xe, ngó sang nhà thầy Năm, vợ chồng nhà này đã im tiếng hồi nào. Cả xóm vẫn chưa ai thức dậy. Cô vận dụng hết thính giác đón những tiếng rì rào bay lượn thật xa tới đối chìm ngập trong một cảm giác bông bênh mơ hồ không

còn biết những tiếng nghe được là hiện thực hay huyền hoặc. Đột nhiên tiếng xích-lô-máy nổ ròn vọng tới, Huệ rùng mình mở mắt như đã ngủ quên quá lâu, luồng hơi gió đột lan trong xương sống, cô lao đao muốn té. Đứa con trai chồm một bước tới bên cô, đưa tay nắm giữ cánh tay. Thân Huệ run rẩy lạnh toát, ngực thở dồn như sắp đứt hơi.

— Cô Ba...

Tiếng kêu mau và nhỏ như một mũi kim xuyên chích vào da thịt tê dại. Huệ chấp choạng thụt lui, tới bên bộ ván ngoài hàng ba ngồi xuống, bàn tay đứa con trai vẫn bám chặt vào bắp tay cô và nó bị kéo theo. Cô cố gắng hết sức kiềm chế hơi thở sắp tuôn bay hết ra khỏi ngực, nhắm mắt lại cho đầu khỏi đảo. Đứa con trai buông bắp tay, chụp mau lấy bàn tay đặt trên ván khiến người cô hụt không muốn vững. Nó vuốt ve một hồi bàn tay lạnh ngắt, bỗng kêu hoảng hốt :

— Cô Ba...

Hơi thở nóng rất phà ngay giữa mặt nhưng toàn thân Huệ vẫn lạnh cứng như trườn đá. Đứa con trai có lẽ sợ hãi, nó buông bàn tay, lập chụp rồi rít nắn bóp khắp tay chân, Huệ vẫn không có phản ứng nào hơn là cơn rét run rẩy bất phải rên rỉ đau đớn.

— Cô Ba.

Đứa con trai rờ lên ngực, lên mũi, lên trán. Huệ nghe như mình không còn áo mặc trên người, đôi vú đau cứng như hồi nào căng sữa. Cô ráng sức muốn lết vô trong để dựa lưng vào hàng song không nổi, lập bắp không ra tiếng. Đứa con trai kêu í í trong ức như tiếng chó con, rồi bỗng nó gục mặt xuống rúc đầu giữa hai bắp đùi ôm cứng lấy chúng, người cũng run lật bật như khóc. Xương sống Huệ ngay đơ, môi rờ, mồ hôi tháo đầm ngực gây ớn, cô đưa tay tính đầy đầu đứa con trai nhưng những ngón tay co rút bám chặt lấy những sợi tóc khô khi nghe cơn rung động truyền sang như ngọn lửa thổi lém ở ngoài đang làm tan băng giá.

Huệ rùng mình liên tiếp, ứa nước mắt, cơn lạnh đang bị

đầy lui và cơn sốt bốc lên dần trên đầu. Cô từ từ hé mắt, thấy mình ngồi buông thông căng bên mép ngựa, Hên quỳ dưới đất úp mặt vào giữa lòng cô, vòng tay ôm giữ hai bắp chân, thở hiền hòa như đang ngủ. Cô lấy những ngón tay làm lược gỡ mái tóc bờm sòm, êm ái; bây giờ hơi lạnh gây gây ngoài da, thấm trên chiếc áo bà ba mỏng và trong thân sự nồng ấm chậm chạp lan đón chống chọi. Hên quay nửa mặt đưa mắt ngó lên; hai tay rớt xuống ôm đôi bàn cẳng còn tê lạnh. Huệ khẽ động, thấy mình có thể nhúc nhích được.

Ngoài đường tiếng xe chạy huyên náo dồn dập tưởng như trời đã sáng bết. Huệ bất ngờ sô mạnh đầu đưa con trai, rút cẳng, lùi tới sát hàng song, Hên sức tỉnh, ngó dáo dác. Xung quanh vẫn tối thui, nín lặng hoàn toàn, không còn cả tiếng mõ của thầy Chín. Huệ thở dài, hơi thở bám nóng quanh mặt, những giọt nước mắt khô rát.

— Hết giới nghiêm rồi.

Hên chậm chạp chống tay trên mép ván cấp kênh đứng trở dậy, cúi lượm chiếc nón rớt, tần ngần chụp lên đầu, chưa muốn rời bước. Bóng tối loăng nhơ trong ngọn gió phe phầy làm mọc ốc cùng mình, Huệ có thể nhìn thấy những vết rằn ri trên bộ đồ trện của Hên. Cô co hai đầu gối che ngực, vòng tay ôm lấy, bên bắp tay bị nắm giữ còn đau ê ẩm, nghi thẩm: mình bị trúng gió, đau tới nơi rồi. Hên vẫn đứng sững như trời trồng không nhúc nhích cục cựa. Bất thần nó soay mình đi mau không ngó lại sau, tới đứng dưới gốc đèn đầu ngõ, bóng chiếu gầy trên bức tường của tiệm sửa xe. Ngoài lộ không một tiếng xe qua.

Huệ dẫm chân xuống đất yếu ớt, lò mò tìm đôi dép sút vắng mỗi nơi một chiếc. Cô đang lui cui quan sát mặt đất, bỗng nghe tiếng nổ buốt óc, ngã nhào ngực tức nghẹt, mắt mở trừng. Xung quanh nhiều tiếng động lịch kịch trong các nhà. Không biết bao lâu, cố thở lại được, hoàn hồn bám lấy cửa xe tắc-xi đứng lên, người nghiêng ngả như say rượu. Một vài tiếng chim lịch chích trên cây cao. Ngõ sáng hơn vì nhiều nhà thức dậy, cô nghe tiếng chị Tám mở cửa nói lớn một mình: Ngay ngoài ngõ mình thôi. Cô trông ra

ánh đèn vàng chiếu tỏa trên quang đường mờ mờ như một làn sương mỏng, vắng vẻ hiu quạnh như còn đang nửa đêm. Dưới gốc đèn một bóng người ngồi gục ủ rũ như ngủ quên không thấy đâu. Cô lấp bắp rên rỉ không ra hơi, thốt la vang làng xóm :

— Thăng Hên... Thăng Hên...

Huệ té khuyu xuống đất, va mạnh xuống thềm xi-măng, đầu bốc ngùn ngụt như đám cháy ngon trên cỏ và lá khô, thân thể như bị bầm dập khắp nơi sau một cuộc tra tấn dã man. Dưới lưng tiếng động của chân chạy hỗn loạn.

THANH-TÂM-TUYỀN

TẬP - SAN VĂN XUẤT - BẢN
6/66

chân dung nhất-linh

tập hồi-ký của

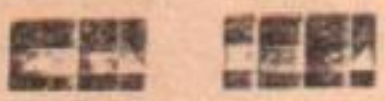
BÙI KHÁNH - ĐÀN . NGUYỄN HỮU - PHIẾM.

NGUYỄN MẠNH-CÔN. NGUYỄN-TƯỜNG THIẾT.

THẾ-UYÊN. TƯỜNG-HÙNG. TUYẾT-HƯƠNG.

thành phố anh đến

KIỆT - TẤN

khi ngồi xe đến thành phố lạ nào anh vẫn
thường nhắm mắt tưởng ra người đàn bà sẽ
ngủ với anh nơi đó anh nắn nót pho tượng
khỏa thân ấy trong đầu đôi mắt em nhiệt
tình hơn một chút môi em đầy hơn một chút
dùi em thon dài hơn một chút mũi em khiên
khích hơn một chút 
 tóc em điên cuồng hơn một chút

xe bắt đầu vào thành phố nhìn quanh thăm
hỏi em đang ở đâu đó trong căn nhà bên
trái ở góc đường không nhìn thấy đằng cuối
phố em đang làm bếp em đang viết nhật ký em
đang đọc thư tình nhân mà em sẽ bỏ rơi em
đang tắm em đang ngắm nhìn thân thể em
với những ý nghĩ làm em nóng mặt em có
hay rằng đời em đang khởi sự đổi thay em
có hay rằng anh đang vào thành phố em cư ngụ

có thể anh sẽ gặp em ngoài đường hay trong
hiệu cà-phê bên bờ sông trong rạp hát giữa

một lâu đài thấp đèn tim ngát trên chuyến ô-tô-buýt
thừa gian nhà chứa vách gỗ hay trong căn phòng
chật hẹp đêm nào anh say rượu hết biết đường về
anh bầu lấy cớ em khóc kể thảm thiết những khổ
đau anh tưởng đã phóng thích khỏi tù trí nhớ

anh hồi sinh trở lại nhìn anh chưa xót lạng
người

những ngày tuyết lớn những chiều mưa mù
em bỏ hết quần áo lên nằm đầu dụi vào nách
anh em gọi từng cử động từng bộ phận
bằng tên thật em kể lại những chuyện vui
chuyện buồn đời em giọng trầm không buồn
khóang rui em mỗi mồn thiếp đi trong giấc mơ
mơ đó động đậy sau mi mắt anh nào biết
được

anh làm tượng gỗ bị tước hết quyền năng
buồn rầu nhìn em bơi lội trong chu vi tiềm
thức em rách đá

lúc đi lúc đứng lúc ăn lúc nằm khi điềm
trạng khi mặc quần áo trong giường ngủ bên
cửa sổ ngoài bao lơn em đóng đưa hoài một
bài hát mà sau này khi thoáng nghe anh té
tái ngấm anh lụn héo đoạn ngày trong cảm
xúc thạch băng.

KIỆT-TẤN

VÕ - HỒNG

hãy an nghỉ, Abdul Rahim

Nhân mùa Phật - đản 2510, chúng tôi trân trọng giới thiệu cùng bạn đọc một đoạn thiên của VÕ HỒNG — một Phật tử thuần thành — truyện làm sống lại một vài hình ảnh của mùa pháp nạn năm xưa.

— Doucement méchant ! Doucement méchant !

Abdul Rahim nhắc lại hai chữ ấy, cười thú vị vừa ôm chầm lấy tôi.

— “Hung bạo một cách dịu dàng”, có thật đó là ý kiến của... you ?

(Abdul Rahim nói chuyện với tôi thường bằng tiếng Pháp nhưng đến chữ Vous là anh hay quên, nói lẫn sang tiếng Anh).

— Thật lắm. Tôi cho rằng Abdul Rahim là một người dịu dàng. Chắc hẳn mọi người cũng nghĩ như vậy.

Abdul Rahim quay lại cô Ái-Hoa.

— Cô coi, tôi không hung bạo như cô nói, tôi “hung bạo một cách dịu dàng”, ông Long bảo vậy.

Câu chuyện xảy ra một buổi chiều khi tôi ghé lại hiệu Thanh Mỹ. Tôi gặp Abdul Rahim nơi đó. Ý hẳn là anh nói đùa sao đó với cô Ái-Hoa, — tên cô bán hàng, — và bị cô tặng cho một chữ méchant. Thấy tôi bước vào, anh phân vua với tôi ngay và tôi giải

hòa bằng chữ " một cách dịu dàng, để làm vừa lòng cả hai người. Ái-Hoa đẹp hơn sự đòi hỏi của một chân bán hàng. Không hiểu do những hoàn cảnh nào mà nàng nhận đứng bán cho hiệu này. Ngày nàng chưa đến, hiệu sách này sống uể oải như một con bệnh mắc chứng thiếu máu. Những tủ hàng đứng yên lặng soi bóng vào nhau như ở trong một bức tranh tĩnh vật. Nàng hiện diện ở đấy ngày nào không rõ, chỉ biết là từ ngày đó, thanh niên tỏ ra lưu ý đến sách báo nhiều hơn trước. Thật lịch sự là con người thường thức nghệ thuật. Người ta ghé lại nhìn những sản phẩm tinh thần bày la liệt trên mặt tủ, chọn vài ba cuốn và nhã nhặn đưa cho Ái-Hoa bọc giấy bóng, gói trong giấy màu. Có đủ thì giờ để Ái-Hoa dò hiểu trình độ trí thức của người đối diện qua những cuốn sách gáy dày và chữ in dày đặc. Ái-Hoa biết cười nhẹ nhàng với một nhóm sinh viên Hải-quân, biết nhận lời khen của mấy anh sinh viên Không-quân. Thanh niên tóc bông, học sinh tú tài, sĩ quan bộ binh vào ra tấp nập nhất là những chiều thứ bảy, những sáng chủ nhật. Tóm lại, một người như thế khiến tôi không thể vì Abdul Rahim mà làm phật lòng.

Tôi đứng lật xem những tờ *Jours de France*. Bìa láng in nhiều khuôn mặt tươi cười của những vua và công chúa các nước châu Âu cười hỏi nhau. Các nước dân chủ giàu có ưa chỗ mắt nhìn vào cuộc đời riêng tư của các vua chúa, vua tại vị và phế để lưu vong. Công chúa và hoàng tử cũng được các ống ảnh triu mến đặc biệt. Chưa xa lắm mới tới cái ngày mà số vua trên thế giới chỉ rút lại còn chỉ 5: vua nước Anh và bốn ông vua trong cổ bài các-tê.

Abdul Rahim chọn tờ *Newsweek* và tờ *Times*. Anh đứng cạnh tôi, đôi mắt nhắm như nhắm chắc chắn như một tảng đá. Đặc biệt là đôi lông mày đôi mắt anh chọn như một lưới mắc. Da đậm màu, không phân biệt được vàng chân râu.

Quen anh trong trường hợp nào, tôi hiện không còn nhớ rõ. Có lẽ nhiều khi ghé vào hiệu Mohammed để mua vải và nghe anh nói tiếng Pháp trả lời mà hóa ra quen chẳng. Tiếng Pháp hiện nay heo hút xa vắng như một kỷ niệm. Khắp nơi người ta nói tiếng Anh. Abdul Rahim đứng bán hàng cho hiệu này và khi tôi quen với anh

thì anh cho biết rằng chủ hiệu là người em ruột của anh. Người chủ hiệu mặt mũi khôi ngô béo tốt và cử chỉ nhã nhặn lịch sự. Abdul Rahim không có cái dáng dấp phú hộ đó. Anh đơn giản thô mộc hơn nhưng lại ý vị đậm đà hơn. Nhìn khuôn mặt anh tôi thấy cái chiều sâu của sự suy tưởng. Đó là một khuôn mặt chứa đựng hơi nặng nề, chậm chạp bởi vì không chịu khuôn sáo tầm thường. Giữa nhiều khuôn mặt tinh ranh láu vặt, giữa những cái môi mỏng ba hoa thì sự trì trọng của Abdul Rahim thật có một sức quyến rũ dị kỳ. Abdul Rahim nói chậm rãi bởi vì tiếng Pháp của anh không giàu lắm. Đã thế, anh lại không bao giờ nói về những đề tài nhảm nhí như thời tiết, vật giá mua bán, nếp sinh hoạt của thành phố, thời sự trên mặt báo. Thường thì chừng sau ba bốn câu xã giao, anh đã nhẹ nhàng kéo tôi về một nẻo suy tư nào đó với anh, về một chân lý, một tư tưởng triết học. Lịch sử Ấn-độ dày quá khứ và quá khứ đó dày tư tưởng.

Mỗi năm đến mùa kiết hạ an cư, Abdul Rahim lên chùa ở hẩn hai tháng. Anh đọc sách, ngồi Thiền và lúc hạ san thấy người hơi gầy đi. Tôi có nhiều lần tự hỏi về ý nghĩa của một cuộc sống thánh thiện như vậy. Abdul Rahim không nói chuyện về đàn bà và dường như tránh nói về đàn bà. Anh ăn chay trường. Không uống rượu, không hút thuốc. Anh từ khước mọi thú vui vật chất của cuộc đời. Chọn sống thoát ngoài khuôn khổ của xã hội bình thường, chỉ nghĩ đến Quá-khứ và Tương-lai, một Quá-khứ gieo Nhân và một Tương-lai gặt Quả, nghĩ đến tu hành để thoát vòng sinh tử luân hồi, thật là điều không dễ đối với một người có đủ khả năng hưởng thụ.

Mùa hè 1960 tôi có việc ra ở P. T. nửa tháng. Thành phố thấp và nóng, mang nhiều sắc thái của thời kháng chiến vừa qua. Một cái hội trường thành phố kiến trúc giống như cái máy ra-đi-ô, nơi lưu diễn của các ban cải lương. Khán giả đa số mặc áo bà ba. Tiếng guốc khua lóc cốc trên đường nhựa. Buổi chiều người ta ủa ra đường ngồi hóng mát. Trên con đường phố buôn bán độc nhất, bước hời hả những người đàn bà da mặt sạm, già trước tuổi. Xe jeep nhà binh, chỗ nào cũng xe jeep nhà binh. Đàn bà mặc áo màu ngồi hãnh diện trên xe jeep nhà binh. Rải rác mới có một vài chiếc xe du lịch. Tôi gặp Abdul Rahim, bất ngờ, nơi cái thành phố khô cằn này.

— Quelle surprise ! you ra đây hồi nào ?

— Mới được năm ngày. Còn Abdul ?

— Bốn tháng.

Tôi mời Abdul Rahim vào một hiệu bán nước trái cây và ở đó tôi được biết là Abdul Rahim hiện đang làm việc cho nhà binh Hoa-kỳ. Câu chuyện trao đổi mất đi sự thoải mái. Có xen quân sự vào đó, tôi nghe mùi súng đạn giết chóc. Hơn nữa, thà Abdul Rahim mặc quân phục để người ta dễ phân biệt được anh, đằng này anh vẫn sơ-mi trắng quần dacron màu tối như mọi người thường dân đi lại nhan nhản ngoài phố.

— Sao ? Ở nơi thành phố nhỏ của chúng ta có gì thay đổi ?

Tôi nhún vai.

— Mọi người vẫn sống đều đặn, không cần biết đến ai hoặc biết quá nhiều về một vài người liên hệ. Còn Abdul Rahim, cuộc sống của Abdul ở đây có dễ chịu không ?

— Lúc nào cũng thế.

Ừ ! Abdul đã gián tiếp nhắc tôi. Anh là một tảng đá chắc chắn, khó lòng mà gió, mưa, nóng lạnh có thể làm xao xuyến được. Huống chi, bên trong cái cơ thể rắn chắc đó, tinh thần của anh xem ra như cũng kiên cố chẳng kém. Đôi con mắt sáng, bình tĩnh quả là hai cửa sổ mở cho tôi thấy tâm hồn vững chãi bình tĩnh của anh. Đó là sự bình tĩnh của mặt nước hồ im lặng phản chiếu vòm trời thêu thùa mây trắng và cành cây lá cỏ mọc ở ven bờ. Đó là sự trang nghiêm đầy khí lực của mặt biển màu tím ngoài khơi, giữa trưa khi nước óng ánh như dầu đặc. Xung quanh tôi, những cặp mắt thường xao xuyến, dao động, mỗi một. Cuộc sống khó khăn, nhiều phiền lo, nhiều bất trắc làm con người lo lắng rứt rứt. Nhưng cứ chỉ không dứt khoát không đích xác. Cái nhìn lướt lơ dờ trên những mục phiêu di chuyển. Người ta không biết mình muốn gì nữa, mình nên làm gì và cái gì dành cho phần mình.

Abdul Rahim nói :

— Nước của ông hiện đang trải qua những cơn sốt dân quyền rất dữ dội trầm trọng.

— . . . Như mọi nước Á-Phi còn thấp kém, — tôi tiếp lời. Như một đứa trẻ phải chịu những cơn sốt mọc răng.

— Còn nặng hơn cái ví dụ của ông. Còn nặng hơn.

Abdul Rahim đưa mắt mờ màng nhìn ra xa.

— Tôi đồng ý.

—  . Đã đến lúc quần chúng không chịu nổi nữa cái sức nặng của vị « cứu tinh dân tộc », của « người thuyền trưởng tài ba » đang đè lên vai họ.

Xung quanh chúng tôi có những người lặng lẽ nhăm nháp ly nước măng cầu tây, nước cà-rốt. Có người mang kính đen ngồi trầm ngâm. Thật không phải là nơi tốt để bày tỏ chính kiến, nhất là đây là một tỉnh nhỏ. Nên tôi nói lung chừng :

— Người ta sẽ gặt những điều mà họ gieo.

— Nhưng nếu họ gieo hạt giống tai họa ngay vào mình thì mình khó lòng ngồi bình tĩnh đợi chờ kết quả.

Tôi nhìn Abdul Rahim đợi anh giảng giải. Anh nói nhỏ :

— Tuần trước tôi bị một bọn người ném đá và xông vào hành hung.

— Họ có nói vì có gì không ?

— Không.

— Anh có đi thừa nhà chức trách ?

— Có. Nhưng nhà chức trách chỉ âm ừ ghi nhận sự việc mà không hứa hẹn can thiệp gì hết. Từ ngày đó, tôi ít đi ra đường, sợ sẽ có những vụ hành hung nữa.

Tôi lặng yên suy nghĩ. Sự hành hung đang thịnh hành ở khắp nơi. Lẽ phải bị vũ lực áp chế. Rồi vũ lực áp chế vũ lực. Không ai muốn nghe tiếng nói của ai nữa. Đấm, đá, vỡ chai, thanh sắt, gậy gộc hùng biện hơn lời nói. Thời đại của bắp thịt và sự bạo tàn. Tôi bảo Abdul :

— Đề hôm nào rảnh tôi ghé lại ông Tỉnh-trưởng trình bày trường hợp của anh. Có lẽ ông Tỉnh-trưởng biết rõ điều đó.

— . . . Như mọi nước Á-Phi còn thấp kém, — tôi tiếp lời. Như một đứa trẻ phải chịu những cơn sốt mọc răng.

— Còn nặng hơn cái ví dụ của ông. Còn nặng hơn.

Abdul Rahim đưa mắt mờ màng nhìn ra xa.

— Tôi đồng ý.

— . Đã đến lúc quần chúng không chịu nổi nữa cái sức nặng của vị « cứu tinh dân tộc », của « người thuyền trưởng tài ba » đang đè lên vai họ.

Xung quanh chúng tôi có những người lặng lẽ nhăm nháp ly nước măng cầu tây, nước cà-rốt. Có người mang kính đen ngồi trầm ngâm. Thật không phải là nơi tốt để bày tỏ chính kiến, nhất là đây là một tỉnh nhỏ. Nên tôi nói lung chừng :

— Người ta sẽ gặt những điều mà họ gieo.

— Nhưng nếu họ gieo hạt giống tai họa ngay vào mình thì mình khó lòng ngồi bình tĩnh đợi chờ kết quả.

Tôi nhìn Abdul Rahim đợi anh giảng giải. Anh nói nhỏ :

— Tuần trước tôi bị một bọn người ném đá và xông vào hành hung.

— Họ có nói vì cớ gì không ?

— Không.

— Anh có đi thưa nhà chức trách ?

— Có. Nhưng nhà chức trách chỉ âm ừ ghi nhận sự việc mà không hứa hẹn can thiệp gì hết. Từ ngày đó, tôi ít đi ra đường, sợ sẽ có những vụ hành hung nữa.

Tôi lặng yên suy nghĩ. Sự hành hung đang thịnh hành ở khắp nơi. Lẽ phải bị vũ lực áp chế. Rồi vũ lực áp chế vũ lực. Không ai muốn nghe tiếng nói của ai nữa. Đấm, đá, vỡ chai, thanh sắt, gậy gộc hùng biện hơn lời nói. Thời đại của bắp thịt và sự bạo tàn. Tôi bảo Abdul :

— Để hôm nào rảnh tôi ghé lại ông Tỉnh-trưởng trình bày trường hợp của anh. Có lẽ ông Tỉnh-trưởng biết rõ điều đó.

— You có quen ông tỉnh trưởng ?

— Đó là một người bạn học cũ.

Ninh hiện làm tỉnh trưởng ở đây. Một người bạn làm ở Khu Công-chánh bảo tôi :

— Ninh hiện làm tỉnh trưởng ở P.T.

— Sao anh biết ?

— Nó vừa thi lấy bằng lễ ô-tô. Tôi vừa đọc hồ sơ xong.

Mấy ngày đầu tiên ở P.T. tôi có ý muốn ghé lại thăm Ninh. Nhiều người khuyên đừng. Không mấy ai muốn đến thăm một bạn cũ khi người đó có chút ít chức vụ. Nhưng tôi nghĩ khác : Hẳn sẽ thế khi mình đến thăm hân. Chắc chắn là hân nghĩ rằng mình đến nhờ vả gì đó. Hân sẽ cố sức giữ khoảng cách với mình và hân sẽ hân hân khi thấy mình bắt tay thông dong ra về, không đòi hỏi gì khiến hân phải cố gắng hết.

Tôi chọn chiều thứ bảy đến thăm Ninh, thú vị nhìn những người lính gác lưng lưng xét hỏi giấy tờ, bắt khai lý do vừa kín đáo đó. Thật không có gì dễ chịu cho bằng mình đem cái bình thần vô tư của mình ra đối đãi với cái hoài nghi khắc khoải của kẻ tiếp mình. Đem cái thông dong bất cần của mình ra trả lời cái nghiêm trang " quốc gia trọng sự " của kẻ sinh ra với cốt cách chuyên làm thuộc hạ cho người khác.

Ninh tiếp tôi ở phòng khách rộng. Hai mươi năm xa cách nhưng đứng là không mất đó. Chúng tôi gọi những kỷ niệm hồi còn học chung ở lớp Nhì, lớp Nhất. Cảnh vật ngày xưa hiện ra trong óc tôi rõ ràng đến từng kẻ đá, từng cành cây, từng cái lá khô từng cơn chim chèo mào đang đưa mỏ quả keo xanh. Ninh dè dặt khi bắt đầu câu chuyện, thụ động trả lời nhiều hơn là đặt câu hỏi. Nhưng khi thấy tôi cười nói thông thả, anh biết là tôi không nghĩ gì đến cái chức vụ của anh hết, anh khỏi phải lo lắng gì nữa hết và anh bắt đầu nói chuyện tự nhiên. Khi nghe tôi nhắc đến tên mấy cô bạn : Hồ thị Yến, Hồ thị Xê, Nguyễn thị Nhạn... thì anh toe toét ra cười.

— Ừ ! Mấy cô bạn xinh xắn của mình, chả biết bây giờ chồng con ra thế nào. Anh còn nhớ cái chân có tật của cô Yến không ?

— Nhớ chứ. Một người có vẻ mặt đẹp dễ dãi dàng như thế mà chỉ vì cái chân có tật...

Anh chợt cười to rồi thủ thỉ tâm sự :

— Nè, không chừng hồi đó mình có yêu thầm một trong mấy cô cũng nên.

Câu chuyện đang vui thì tôi già từ Ninh. Anh mời ở lại nhưng tôi không nhận, anh mời năng ghé lại chơi trong thời gian tôi còn ở lại P.T. nhưng tôi không hứa chắc. Tôi không muốn đến một lần thứ hai vì những gì êm đềm trong sạch đều đã nói rồi. Cái đẹp vốn phải hữu hạn. Gặp nhau nhiều, chúng tôi sẽ phải nói đến chính trị, hành chánh... và chắc chắn là trong những địa hạt đó chúng tôi sẽ phải nói dối, nói nhảm và nói khoác. Những người thành công thường no đầy tự mãn. Trạng thái sung túc đó thể hiện nơi Ninh trong cái cười mềm, trong tia mắt nhìn tròn no an ổn.

Nhưng hôm nay vì trường hợp Abdul Rahim mà tôi sẽ phải gặp Ninh trở lại. Đúng là một điều khó chịu vì mình sẽ không nói chuyện thông dong và cười to như lần trước. Nhưng chưa gặp Ninh thì tôi nhận được điện tín gọi tôi về gấp. Tôi đành gọi điện thoại cho Ninh, nhờ Ninh coi lại trường hợp của Abdul Rahim.

Mãi thật lâu về sau tôi mới gặp lại Abdul. Có cái gì tươi vui rạng rỡ ánh trong tia mắt của anh. Chúng tôi được ngăn cách với Quá-khứ bằng một cuộc Cách-mạng và có lẽ chính cuộc Cách-mạng đó đã lọc bớt những vẩn bụi nặng nề trong cái không khí xã hội chúng tôi sống. Con người đi lại vung tay thoải mái hơn và mắt nhìn cũng chừng chạc hơn. Qua nhiều người nói, tôi biết Abdul Rahim đã hoạt động mạnh dạn trong phong trào lật đổ chính phủ Ngô-đình Diệm và có lẽ do đó mà anh bị ném đá và hành hung ở P.T. Tôi không nhắc đến chuyện cũ.

— Abdul Rahim hiện vẫn còn làm việc cho nhà binh Hoa-kỳ ?

— Bây giờ tôi làm ở Quân-y-viện.

— Đó là một công việc tương đối tốt. Cố gắng chữa lành những vết thương do chính mình gây ra.

— Vâng. Chỉ tương đối tốt. Vì sự sửa chữa không đi kịp sự

— Nhớ chứ. Một người có vẻ mặt đẹp dễ dãi dàng như thế mà chỉ vì cái chân có tật...

Anh chợt cười to rồi thủ thỉ tâm sự :

— Nè, không chừng hồi đó mình có yêu thầm một trong mấy cô cũng nên.

Câu chuyện đang vui thì tôi già từ Ninh. Anh mời ở lại nhưng tôi không nhận, anh mời năng ghé lại chơi trong thời gian tôi còn ở lại P.T. nhưng tôi không hứa chắc. Tôi không muốn đến một lần thứ hai vì những gì êm đềm trong sạch đều đã nói rồi. Cái đẹp vốn phải hữu hạn. Gặp nhau nhiều, chúng tôi sẽ phải nói đến chính trị, hành chánh... và chắc chắn là trong những địa hạt đó chúng tôi sẽ phải nói dối, nói nhảm và nói khoác. Những người thành công thường no đầy tự mãn. Trạng thái sung túc đó thể hiện nơi Ninh trong cái cười mềm, trong tia mắt nhìn tròn no an ổn.

Nhưng hôm nay vì trường hợp Abdul Rahim mà tôi sẽ phải gặp Ninh trở lại. Đúng là một điều khó chịu vì mình sẽ không nói chuyện thông dong và cười to như lần trước. Nhưng chưa gặp Ninh thì tôi nhận được điện tín gọi tôi về gấp. Tôi đành gọi điện thoại cho Ninh, nhờ Ninh coi lại trường hợp của Abdul Rahim.

Mãi thật lâu về sau tôi mới gặp lại Abdul. Có cái gì tươi vui rạng rỡ ánh trong tia mắt của anh. Chúng tôi được ngăn cách với Quá-khứ bằng một cuộc Cách-mạng và có lẽ chính cuộc Cách-mạng đó đã lọc bớt những vẩn bụi nặng nề trong cái không khí xã hội chúng tôi sống. Con người đi lại vung tay thoải mái hơn và mắt nhìn cũng chứng chạc hơn. Qua nhiều người nói, tôi biết Abdul Rahim đã hoạt động mạnh dạn trong phong trào lật đổ chính phủ Ngô-đình Diệm và có lẽ do đó mà anh bị ném đá và hành hung ở P.T. Tôi không nhắc đến chuyện cũ.

— Abdul Rahim hiện vẫn còn làm việc cho nhà binh Hoa-kỳ ?

— Bây giờ tôi làm ở Quân-y-viện.

— Đó là một công việc tương đối tốt. Cố gắng chữa lành những vết thương do chính mình gây ra.

— Vâng. Chỉ tương đối tốt. Vì sự sửa chữa không đi kịp sự

tàn phá. Con người say sưa tàn phá, để hết tâm lực vào sự tàn phá.

— Abdul hiện có những dự định gì trong óc ?

— Dự ngày đi tu nghiệp ở Hoa-kỳ. Hi vọng được học Y-khoa cho đến khi tốt nghiệp.

— Xin khen ngợi và cầu chúc Abdul thành công.

Tôi cũng gặp Abdul Rahim trong giai đoạn anh chờ đợi này. Nơi gặp thường là cái lối đi hẹp bao quanh chiếc bàn to xếp đầy những sách báo ngoại quốc. Có nhiều hôm mệt mỏi, tâm hồn đầy ưu tư và đôi mắt thiếu ngủ, tôi bắt tay Abdul Rahim vừa soi bóng mình trong ánh sáng mặt sáng ngời trong nụ cười rộng nở của anh. Tôi thêm thưởng cái sức khỏe vững chãi đó.

Mùa Thu năm ngoái một chiếc phi cơ oanh tạc rơi giữa một thị trấn đang yên ả làm ăn. Năm sáu căn phố bị sập. Những trái bom còn mang theo chưa thả hết rơi nằm theo xác phi cơ rời rã rác nhè dãn. Nhiều người hào kỳ chạy đến xem bị chết trong vụ nổ này. Quãng cách chặn các ngã đường. Xe Hồng-thập-tự rít còi chạy vùn vụt về ngã bệnh viện. Gia đình nào cũng lật đặt kiểm soát con cái mình xem có còn đủ số không. Người ta lo lắng chạy đến trường học xem con mình có ngồi học ở đó không. Người ta hồi hộp chờ đến giờ tan sở xem chồng mình có về với đầy đủ chân tay không. Những tin đồn chạy dài khắp các nẻo phố. Số nạn nhân mỗi giờ mỗi tăng thêm. Ngoài những xác người mất đầu mất chân, người ta còn thấy nhiều mảnh xương mảnh thịt vụn không biết của ai. Sáng hôm sau tôi được tin Abdul Rahim đã chết trong tai nạn đó và tìm không ra xác. Nơi xảy ra tai nạn xa chỗ ở của anh. Bốn giờ chiều ngày thứ sáu lại không phải là giờ đi dạo. Nhưng anh được rảnh buổi chiều đó, anh đi đến nhà bạn chơi khác với thường lệ và tai nạn vồ lấy anh.

Abdul Rahim không còn nữa. Cái năng lực thể xác và tinh thần đó đã phút chốc không còn nữa. Tôi mừng tượng thấy anh đang đi trên lề phố quen thuộc, anh đang đứng vững chãi, dầm thấp trước một cửa hiệu bán vải và nụ cười của anh nở ra cùng một lúc với bàn tay thân hữu anh đưa ra.

— Bonjour Monsieur Long. Comment allez-vous ?

Rõ ràng là tiếng nói của Abdul Rahim, tiếng nói không-lầm-lẫn với-ai-được của anh và đôi môi chu lại để nói những âm «ou».

Cái chết vội vã của Abdul làm tôi xao xuyến nhiều ngày. Tôi chưa có thêm một người bạn đã vội mất một người bạn. Sự mất mát đó làm tôi cảm thấy tâm hồn mình chợt nghèo đi, có một khoảng trống làm tôi mất thăng bằng như chiếc phi cơ đang bay chợt gặp một lỗ không khí. Dầu không tò mò tìm hiểu cuộc sống riêng tư của anh nhưng tôi tin rằng anh có một nhân cách cao hơn mức trung bình.

Chừng nửa năm sau ngày anh mất, bỗng một hôm vô tình mà tôi nghe người nhắc đến tên anh. Abdul Rahim và tôi vốn không có bạn chung. Cô Ái-Hoa là người độc nhất mà tôi có thể gọi chuyện về anh thì đã bỏ hiệu sách đi lấy chồng rồi. Không thể ngày ngày nhìn bìa những cuốn sách in hình đàn bà khỏa thân, in hình những cặp nhân tình quấn quýt ôm nhau hôn mà có thể sống cầm cự trong cảnh gối chiếu. Người gọi chuyện về Abdul Rahim tôi không ngờ lại là một cô bạn nhí nhảnh : Liên. Nàng nói trước :

— Cấm có chiều thứ Bảy nào là không gặp anh đi mài gót giày trên vỉa hè.

— Để cho xứng với em. Mỗi lần ra phố là y như gặp em nên anh chẳng biết trong hai chúng ta ai đi nhiều hơn ai. Nào ! Hãy báo cáo thành tích tâm tình của em trong tháng này.

— Yêu lãng nhãng, lai rai, bình thường. Như gió mậu dịch thổi bình thường trên biển Nam-hải. Còn anh ?

— Tất cả đều ở điều-kiện-cách. Conditional. Lên phòng anh ngồi nói chuyện cho đỡ mỏi chân. Anh đi bộ từ bốn giờ đến giờ.

Liên bước chân theo sau tôi. Mưa rào xuống một trận hùng hồn khi tôi rót nước cam vào ly mời nàng.

— Câu chuyện của em hay của Trang của Dung gì cũng đều giống nhau, — tôi nói. Đó là chuyện những nàng con gái thích yêu

những đàn ông hoàn toàn : đẹp trai, khỏe mạnh, học giỏi, anh hùng và... giàu. Sở thích giống nhau nên họ phải tranh giành nhau những người đàn ông tốt số. Cuối cùng chỉ có một nàng được, còn những nàng kia xông xáo đi mở những chiến dịch khác.

— Anh nói quá. Chính tại đàn ông đi lòng bọn em.

— Cả hai giống, đực và cái đều bình đẳng trong sự săn đuổi này. Em có đi xem một ông thầy bói ? Hẳn ta sẽ cho em những liều thuốc an thần.

— Có. Em có rủ con Trang đi coi ông thầy Lò Vôi.

— Kết quả ?

— Cũng theo kiểu Conditional như anh. À, này anh, ông thầy nói rằng em lấy chồng năm nay không được, vì bị linh hồn một người chết ám ảnh. Người đó đã yêu em.

— Chắc là một trung úy nào đó đã tử trận ở Plei-me, Đồng-xoài, Chu-lai... Chứ chẳng lẽ là một chú Sam.

Gương mặt Liên trầm ngâm :

— Em nghĩ rằng đó là linh hồn Abdul Rahim.

— Abdul Rahim ?

— Em chắc vậy.

— Abdul Rahim yêu em ?

— Em chắc vậy. Yêu thầm thôi. Abdul không dám nói.

— Đó không phải là một người đàn ông nhút nhát.

— Khi yêu thật tình thì người đàn ông nào cũng nhút nhát rụt rè như nhau. Anh, em nghĩ rằng lúc nào anh cũng có thể nói "anh yêu em" với bất cứ người nào. Bởi vì anh yêu lảng nhảng, yêu vờ vịt, yêu chơi bời. Abdul Rahim thì không.

— Abdul Rahim thánh thiện ai cũng...

Liên ngắt lời :

— Tình yêu không phải là thánh thiện sao ? Những bậc Thánh đều yêu. Anh có thấy gỗ, đá thành Thánh bao giờ chưa ?

— Nhưng Abdul...

— Abdul Rahim có những nỗi buồn và anh đều thổ lộ cho em nghe. Ba má anh sinh nhiều con và anh là đứa con ít được thương yêu nhất. Anh lớn lên mang cái mặc cảm...

— ... của một đứa con bị bạc đãi.

— Gần như vậy. Abdul bảo với em rằng khi anh sang Mỹ được rồi thì anh sẽ vận động cho em cũng được sang. Em sẽ học ngành điều dưỡng.

— Còn tình yêu ?

— Tình yêu không nói ra lời nhưng mà em có thể đọc được trong mắt nhìn, trong giọng nói, nhất là trong mắt nhìn.

Từng cơn gió mát lùa vào phòng. Nước trên tàng cây me rơi lộp độp xuống mặt đất từng hồi mỗi khi có cơn gió mạnh ào tới. Liên giã từ tôi và tôi lẳng lặng đưa nàng xuống sân.

Tôi lằm nhằm suy nghĩ :

Hãy an nghỉ, Abdul Rahim. Hãy ngủ yên giấc ngủ vĩnh cửu của anh. Cái thân tứ đại vốn là giả hợp, anh đã có lần nói với tôi như vậy và chắc là anh không tiếc. Liên nó đang nghĩ đến anh và nó đang yêu anh đó. Lúc sống, anh không dám hỏi và chắc là nó cũng không trả lời. Nhưng hôm nay anh không còn nữa và do đó nó đang lẳng lẽ yêu anh.

VÕ-HỒNG

ĐÓN COI :

ÔI ! QUÊ HƯƠNG...

- tuyển tập thơ, văn, nhạc, kịch, biên khảo của nhóm NÚI CÚ HÒN BÀ.
- sẽ phát hành ngày giỗ NHẤT-LINH.
- địa chỉ liên lạc : NGÊ BÁ LÍ, hộp thư 339, Sài-gòn.

jean - paul sartre

văn - chương là gì ?

(tiên - luận văn - học)

NGUYỄN MINH - HOÀNG DỊCH

Viết là gì ?

(tiếp theo)

Nghệ thuật của văn xuôi thể hiện trong toàn thể sự suy tưởng luận lý (le discours), cái chất liệu của nó dĩ nhiên có mang một ý nghĩa (sa matière est signifiante) : nghĩa là chữ, trước nhất, không phải là đồ vật mà là những gì dùng để chỉ định đồ vật (des désignations d'objets). Trước nhất, đây không phải là chuyện tìm xem chữ tự chúng chúng dễ yêu hay dễ ghét, mà là chuyện tìm xem chữ, chúng có chỉ định một cách chân xác một sự vật nào đó của cái thế giới ngoại giới hoặc một ý niệm nào đó hay không. Bởi thế, có nhiều lúc chúng ta bắt gặp chúng ta có sẵn trong đầu một cái ý tưởng do ai đó truyền lại cho chúng ta bằng lời nói, không biết từ nào, mà chúng ta không làm sao nhớ lại được lấy một chữ trong số những chữ đã được dùng để chuyên chở cái ý tưởng ấy. Văn xuôi,

(*) Xem từ VĂN số 56.

trước nhất, là một thái độ của khả năng trí thức (*une attitude d'esprit*) : có văn xuôi là khi nào, nói như Valéry, cái chữ nó đi xuyên qua mắt giống như mảnh kính đi xuyên qua ánh sáng mặt trời. Khi chúng ta bị nguy hay bị chuyện khó khăn thì dầu gặp bất cứ một dụng cụ nào chúng ta cũng cứ vơ ngay lấy. Sau cơn nguy chúng ta cũng không nhớ là lúc nãy chúng ta đã vơ lấy dụng cụ gì : một cái búa hay một thanh củi tạ. Và vả lại chúng ta cũng không bao giờ biết rõ : trong những lúc ấy đáng ra chúng ta chỉ cần đến một phần vượn dài nào đó của thân thể, một phương cách nào đó để nắm lấy cái cành cao nhất, một ngón tay phụ trội, một cái chân phụ trội, nói tóm chúng ta đã gần như hóa thành một thứ cơ năng thuần túy (*une pure fonction*). Về ngôn ngữ cũng thế : đối với chúng ta ngôn ngữ là cái vỏ cứng, là đôi râu, ngôn ngữ che chở chúng ta không bị sự xâm phạm của những kẻ khác và giúp chúng ta hiểu biết thêm về họ, ngôn ngữ là cái phần vượn dài ra của ngũ quan của chúng ta. Chúng ta ở trong ngôn ngữ cũng như ở trong thân thể. Chúng ta cảm thấy nó một cách rất tự nhiên (*spontanément*) mỗi khi chúng ta vượt qua nó để vươn tới những cứu cánh khác, giống như khi chúng ta cảm thấy tay và chân của chúng ta. Chúng ta nhận thấy nó mỗi khi có kẻ khác dùng nó, giống như khi chúng ta nhận thấy tay và chân của kẻ khác. Có cái chữ chúng ta sống qua (*le mot vécu*) và có cái chữ chúng ta bắt gặp (*le mot rencontré*). Nhưng cả trong hai trường hợp, chung qui cũng chỉ là nhân vật một việc làm đang theo đuổi, hoặc của tôi nhắm vào những kẻ khác, hoặc của những kẻ khác nhắm vào tôi. Lời nói là một giai đoạn riêng biệt nào đó của hành động và sẽ hóa ra không hiểu được nếu bị tách rời ra ngoài hành động. Có những người bị bệnh mất ngôn ngữ (*les aphasiques*), đã bị mất cả cái khả năng hoạt động, cái khả năng hiểu được mọi tình hình, cái khả năng có những sự giao tiếp bình thường với những người khác giống (*avec l'autre sexe*). Ở giữa sự đánh mất cái năng khiếu những cử động điều hợp ấy (*cette apraxie*) sự hủy diệt ngôn ngữ chỉ được xem như sự sụp đổ của một trong những cơ cấu : cái cơ cấu tinh xảo nhất, hiện rõ nhất. Và nếu văn xuôi bao giờ cũng vẫn là dụng cụ ưu đãi của một công trình nào đó, nếu cái phần việc của anh thi sĩ chỉ là

phần việc nhìn ngắm ngôn ngữ với cái thái độ không mấy thiết tha, nếu đã thế thì trước nhất, chúng ta có quyền hỏi anh viết văn xuôi: sự viết của bạn nhằm cái cứu cánh nào? công việc bạn đang theo đuổi là công việc thế nào? tại sao bạn lại cần dùng đến chữ viết? Và cái công việc mà anh viết văn xuôi đang theo đuổi, cứu cánh của nó, trong bất cứ trường hợp nào, cũng sẽ không thể là sự suy tưởng thuần túy, sự suy-tưởng-đề-mà-suy-tưởng (la pure contemplation). Bởi vì trực giác vốn có tính cách thâm lặng, trong khi cứu cánh của ngôn ngữ lại là sự tiếp thông. Có lẽ chúng ta có thể dùng ngôn ngữ để ghi lấy (*fixer*) những kết quả của trực giác, nhưng nếu như thế thiết tưởng chúng ta chỉ cần biên vội mấy chữ lên một mảnh giấy nháp cũng đã đủ: Khi xem lại chúng ta sẽ nhận ra ngay lúc này chúng ta đã nghĩ gì. Còn trái lại, nếu chữ đã được sắp xếp thành từng câu với cái ý hướng muốn được hiểu một cách rõ ràng, sáng sủa thì nhất định là sự sắp xếp ấy phải được thúc đẩy bởi một quyết định nào đó, khác hơn trực giác, khác hơn ngôn ngữ: cái quyết định trình bày với kẻ khác những kết quả đã thu lượm được của mình. Trong mỗi trường hợp, chính cái quyết định ấy sẽ phải là cái quyết định mà chúng ta cần đòi hỏi. Và cái lương tri của mỗi người trong chúng ta, cái lương tri mà những ông học rộng hiểu nhiều vẫn thích bỏ quên vào một nó, cái lương tri ấy cũng không ngớt nhắc nhở chúng ta như vậy. Chúng ta há chẳng có cái lệ, mỗi khi gặp một anh bạn trẻ tập tễnh bước vào nghề viết, hỏi anh bạn trẻ ấy cái câu hỏi nguyên tắc thế này: « Bạn có cái gì để nói ra không? » Và « cái gì để nói ra » ấy ta phải hiểu thành « cái gì đáng được đem ra nói ». Nhưng ta làm thế nào hiểu được cái gì « đáng hay không đáng » nếu ta không căn cứ trên một hệ thống siêu vượt của những giá trị (*un système de valeurs transcendant*)?

Và lại, khi chỉ chú ý đến mỗi cái cơ cấu thứ yếu của công việc của mình, tức là khi chỉ chú ý đến mỗi cái giai đoạn ngôn từ (*le moment verbal*), tác nhà văn thích trau chuốt câu văn (*les purs stylistes*) đã mắc phải cái sai lầm lớn tưởng rằng lời nói là một cơn gió nhẹ đi lướt trên bề mặt của sự vật, không làm thay đổi được gì ở

sự vật và người đang nói (*le parleur*), không hơn không kém, chỉ là một người chứng (*un pur témoin*) đang tóm tắt trong một câu nói sự suy tưởng vô thường vô phạt của mình. Nói tức hành động : một vật, khi đã bị nói đến, không còn nguyên là nó như trước đó nữa, nó đã bị mất cái tính cách vô tội, ngây thơ. Khi ta nói đến lỗi xử sự của một người nào, của anh A chẳng hạn, ta đã vạch ra trước mắt anh A cái lỗi xử sự của chính anh A : anh A đã tự thấy. Và cũng bởi, khi đã nói đến như thế, ta còn nói đến, cùng lúc, cho nhiều người khác nữa, thành thử anh A, ngay trong cái lúc anh tự thấy anh lại còn biết là anh đang bị thấy. Cái cử chỉ lên lút của anh ban nãy mà anh đã quên ngay, bây giờ lại bắt đầu hiện ra mỗi lúc một rõ, lại bắt đầu hiện hữu đối với tất cả mọi người, lại bắt đầu trở thành đối tượng của óc nhận thức khách quan, lại bắt đầu mang những kích thước mới, lại bắt đầu bị ghi nhận (*il est récupéré*). Do đó anh A làm sao còn có thể có một lỗi xử sự giống hệt như lúc chưa xảy ra chuyện gì ? Đối với anh, bây giờ chỉ còn hai cánh : hoặc anh đã nhận thức rõ nhưng vẫn tiếp tục bưng bình giữ nguyên lỗi xử sự cũ, hoặc anh bỏ ngay lỗi xử sự đó của anh. Như thế, khi tôi nói, tôi vạch trần được một sự trạng nào đó (*je dévoile la situation*) bằng chính cái dự định thay đổi cái sự trạng đó của tôi ; tôi vạch trần sự trạng ra trước mắt của chính tôi và của những người khác với mục đích thay đổi sự trạng đó (*pour la changer*). Tôi nhắm đúng vào giữa sự trạng, đâm suốt qua nó, giữ chặt nó cho mọi người cùng thấy. Sau đó bằng mỗi lời nói do chính tôi nói ra, tôi đi sâu được thêm một tí nữa vào trong cái thế giới vật giới và cùng lúc, tôi ngoi mình được, thêm một tí nữa ra khỏi cái thế giới vật giới : chuyện không lạ lắm, bởi lẽ tôi đang vượt cái thế giới vật giới đề hướng về phía tương lai. Như thế, anh viết văn xuôi là người đã chọn một lối hành động thứ yếu mà ta có thể gọi là hành động bằng các vạch trần (*l'action par dévoilement*). Và do đó chúng ta đương nhiên có thể hỏi tiếp anh ta một câu hỏi thứ hai : bạn có ý định vạch trần hình thái nào của thế giới vật giới ? bằng sự vạch trần đó bạn có ý định mang lại một sự thay đổi thế nào ? Anh nhà văn « dẫn thân », anh ta biết lời nói là hành động : anh ta

biết vạch trần là thay đổi và biết nếu không có sự dự định thay đổi tất nhiên sẽ không có sự vạch trần. Anh ta đã từ bỏ cái giấc mộng không thực hiện được, cái giấc mộng mô tả một cách khách quan xã hội và thân phận con người. Con người là một hữu thể khác lạ. Đứng trước cái hữu thể khác lạ là con người đó không ai có thể giữ được thái độ vô tư, dẫu cho ai đó có là Thượng-đế chẳng nữa. Vì Thượng-đế, nếu thẳng như có Thượng-đế, ông ta cũng sẽ, theo sự nhận xét của một vài tư tưởng gia thần bí, *en situation* đối với con người. Hơn nữa con người lại còn là một hữu thể khi đứng trước một sự trạng nào nhất định phải thay đổi cho bằng được sự trạng ấy, vì cái nhìn của con người là cái nhìn có đặc điểm làm ngưng đọng, làm hủy diệt hoặc làm thay đổi được sự vật thành ra chính con người. Qua những cảm tính như tình yêu, sự thù hận, sự phẫn nộ, sự sợ hãi, sự vui mừng, sự bất bình, sự thần phục, sự hi vọng, sự thất vọng, con người và thế giới vật giới đã biểu lộ rõ chân tướng cho nhau (*l'homme et le monde se révèlent dans leur vérité*). Cũng có thể là anh nhà văn dẫn thân của chúng ta là một anh nhà văn viết rất tồi và cũng có thể là chính anh ta anh ta cũng đã nhận thấy cái sự viết rất tồi đó. Nhưng, bởi một lẽ rất giản dị là bất cứ anh nhà văn nào, khi bắt đầu viết, cũng đều nuôi cái ý định sẽ thành công mỹ mãn, thành thử dẫu cho có muốn khiêm tốn đến thế nào chẳng nữa, anh nhà văn dẫn thân của chúng ta, lúc nào cũng phải tỏ ra hết sức thận trọng trong công việc, lúc nào cũng phải làm như quyển sách đang viết của anh ta sẽ là một quyển sách sẽ gây được một sự chấn động sâu xa. Anh ta không bao giờ được phép nói: « Ôi chà, có may lắm cũng chỉ được độ ba ngàn độc giả »; mà phải nói: « sự gì sẽ xảy ra nếu tất cả ai nấy đều đọc tác phẩm của mình? » Anh ta cần nhớ đến câu nói của Mosca Trong *La chartreuse de Parme*, lúc Mosca trông thấy cỗ xe chở Fabrice và Sanseverina bắt đầu chuyển bánh: « Ta nguy mất, nếu họ đã động đến hai chữ tình yêu ». Anh ta biết anh ta là người đầu tiên đã nói đến cái chưa được ai nói đến hoặc cái chính nó chưa dám tự nói đến. Anh ta biết anh ta là người đầu tiên đã đã động đến hai chữ « tình yêu » và hai chữ « thù hận », và cùng một lúc với những chữ ấy, đã đã động đến

cái cảm tính tình yêu và cái cảm tính thù hằn giữa những người đang do dự chưa định xong thái độ. Anh ta biết những chữ, như Brice - Parain đã nói, là những "khẩu súng đã nạp đạn sẵn". Nếu anh ta nói, tức anh ta đã bấm vào cò. Anh ta có quyền không nói gì cả. Nhưng ở đây, bởi vì anh ta đã chọn sự bấm cò, thành thử chúng ta có quyền đòi hỏi anh ta phải bấm cò như một người lớn, phải ngắm hằn hơi vào đích, chớ không được phép bấm cò như một đứa trẻ nghĩa là nhắm mắt bấm may đâu hay đó, bấm chỉ để tạo một tiếng nổ vui tai. Trong những chương xa hơn chúng ta sẽ thử định rõ cái mà chúng ta tạm gọi là mục đích của văn chương. Nhưng ngay từ bây giờ chúng ta có thể kết luận là nhà văn đã vạch trần cái thế giới vật giới và đặc biệt hơn đã vạch trần con người ra trước mắt con người để do đó bắt buộc con người, khi đứng trước cái sự vật đã được vạch trần đó, phải hoàn toàn đảm nhận trách nhiệm của mình. Không ai trong chúng ta có quyền không biết đến luật lệ bởi lẽ xã hội đã có một bộ hình luật và luật lệ là những gì đã được ghi bằng giấy trắng mực đen: Sau đó tha hồ cho bạn vi phạm luật lệ tùy ý thích, nhưng ít ra bạn cũng đã biết rõ những thứ trừng phạt đang chờ. Nhiệm vụ của anh nhà văn cũng giống thế. Anh ta có nhiệm vụ làm cách nào để mọi người trong chúng ta đều biết đến cái thế giới vật giới và sau đó không còn có thể viện cớ là mình vô tội. Và bởi lẽ anh nhà văn đã một lần dẫn thân vào trong cái thế giới của ngôn ngữ thành thử anh ta không còn làm sao giả bộ là anh ta không biết nói. Khi bạn đã bước sâu vào trong cái thế giới của những ý nghĩa thì bạn không còn làm cách nào để có thể thoát ra. Chỉ còn việc để cho những chữ tự sắp xếp, chúng sẽ hợp thành câu, mỗi câu sẽ chứa đựng toàn thể ngôn ngữ, và sẽ dẫn đến toàn thể vũ trụ. Cả đến sự nín lặng cũng được định nghĩa theo lối nhờ vào những chữ, không khác cái nhịp ngừng (la pause) trong âm nhạc đã được định nghĩa theo lối nhờ vào những nốt ghi ở xung quanh. Sự nín lặng đó là một giai đoạn của ngôn ngữ; nín lặng không phải là câm, mà là từ chối không nói, và từ chối không nói lại có nghĩa là đang tiếp tục nói. Như thế, khi chúng

ta thấy anh nhà văn đã chọn sự nín lặng trước một hình thái nào đó của cái thế giới bên ngoài, hoặc nếu nói theo một thành ngữ Pháp, anh ta đã *passer sous silence* cái hình thái đó, thì chúng ta rất có quyền hỏi anh nhà văn một câu hỏi thứ ba: tại sao, thay vì nói đến cái kia bạn đã nói đến cái này? — và nhân được biết là sự nói của bạn vốn nhằm mang lại một sự thay đổi — tại sao thay vì có ý định thay đổi cái kia bạn lại có ý định thay đổi cái này?

(Còn tiếp.)

JEAN - PAUL SARTRE
NGUYỄN MINH-HOÀNG dịch

** Hỏi những người ngu ngốc đáng thương ơi! Các người đang tin tưởng ở một cuộc thay đổi đường lối chính trị: thật ra rồi các người sẽ chỉ thấy thay đổi có nhân viên chánh quyền mà thôi! **

GUỒNG MÁY

truyện JEAN-PAUL SARTRE

TRẦN PHONG - GIAO dịch

NGÀY NAY in lần thứ hai, gần hết

đám ma trong thành phố

DA - DA

Chiếc linh xa sơn son phết vàng đang lăn
trong thành phố
Thành phố thì buồn như nghĩa địa với khuôn
mặt giới nghiêm
Những kẻ đưa ma đi theo sau như đoàn biểu
tình và đang mặc niệm
Mặc niệm xong rồi kẻ lễ khóc than.

— Đó, dung nhan hôm nay thì buồn như thế đó !
Buồn như đám tang, buồn như tiếng kèn thổi
mơ.

Buồn như mấy tấm văn phân ưu mang đi
làm biểu ngữ đấu tranh

Buồn như hơn hai mươi năm ghi lên trên mộ
bia bằng đá

Với những lời : « Mẹ thân yêu này là của cả chúng ta »

Xin đừng ai chịu tang riêng để giành phần hương hỏa ! »

Chiếc linh xa sơn son phết vàng mang những
con rồng vàng ngậm trái hỏa châu

Trái hỏa châu thì phai màu đỏ và những con
rồng vàng cũng đã tróc màu sơn

Đó, dung nhan hôm nay thì buồn như thể đó!
Buồn như cuộc sống bây giờ thôi đã hết vàng son.

NGUYỄN LẤN VIÊM

m a i s a u

Con gà mái đứng trên ổ cục tác ! Cảnh đó, trong hồ rác, anh gà trống vội ngừng lên và lập tức phụ họa. Thật là ồn ào. Tiếng kêu của chúng như xé màn sương sớm. Trời u ám, lác đác mưa. Đường xá lầy lội, vắng người. Mấy luống cải xanh của cậu Tám, sáng nay khỏi phải tưới sớm. Nhưng cậu cũng chẳng sung sướng gì. Bao giờ cũng vậy, mưa tưới cải cho cậu thì đồng thời cái rét mướt như thắt cổ cậu. Bệnh suyễn kinh niên. Nó không cho cậu cưới vợ, bòn rút nhựa sống và vẫn còn đeo đuổi cậu, mặc dù thân xác ấy đã quá gầy còm. Hơi thở vương bên tỏa khắp xóm. Bây giờ chắc cậu ngồi xếp tròn chân trên võng, vòng tay ôm chiếc gối còn lớn hơn cả khổ người, mồm há hoác.

Vậy là tôi vẫn ở đây cho bao nỗi xót xa lên về theo hơi thở của cậu Tám dày vò mình. Phải rồi, tôi không thể đường hoàng yêu Nguyệt, hẹn nàng ngày tôi kiếm được ra tiền, vì sự đồ vớ của gia đình đã ám ảnh tôi mãi mãi, cả trong những giấc mộng đẹp tuyệt vời. Tôi, vừa là chứng nhân vừa là nạn nhân. Nhiều lúc nhìn thoáng qua thân xác gầy còm của ba, khuôn mặt hốc hác của người như khuôn lấp chỉ còn lại chiếc mồm nhô cao, mở toác theo cơn ho dài vô tận. Bao nỗi uất hận của tôi có dịp lắng dịu. Nhưng nó vẫn âm ỉ đốt cháy lòng tôi và nhiều lúc, bùng lên dữ dội. Và

lúc đó thật là xấu số cho thằng Liêm, bạn thân nhất của tôi. Năm học lớp đệ Tam nó yêu con bé đệ Lục. Sang đệ Nhị hai đứa mượn nhà sống chung. Rồi nàng có mang, rồi nó hoảng hốt định cho nàng ăn quả đu đủ non để phá thai! Nhưng mọi việc rồi cũng êm xuôi, đứa trẻ ra đời, bên vợ nó rước mẹ con về, chu cấp cho cả nó nữa. Lúc lòng tôi sôi lên, tôi thật tình khinh bỉ nó. Liêm, mày có nghĩ rằng con mày sẽ là nạn nhân như tao đây này (tôi dấm ngực) vì mày chưa thể là chồng, là cha, mà dám có vợ, có con. Nó ngơ ngác nhìn tôi. Không giận. Nó nói thi đậu sẽ đi cái này, đi cái kia kiếm tiền chớ. Trông mặt nó ngây ra tôi cũng tội.

Lúc tôi lên chín. Một tối tôi đang vắn vợ với lũ em con cô, ba tôi đẩy cửa bước vào. Mắt người lơ lơ như mắt ngủ. Ba tôi rụt rè nói với ông tôi.

— Năm Khá hồng có nhà, cửa đóng. Tôi xô cửa vô hai đứa tụi nó hoảng chạy ra.

Ông tôi mình trần, ngồi uống nước ở bàn tròn đột ngột đứng phắt dậy. Tay ông vung lên :

— Đ. m. đánh ! đánh đi tao.

Tôi chỉ nghe được bao nhiêu đó vì hãi quá không hiểu ông tôi làm bầm gì nữa. Ba tôi lúng túng ra về. Một lát sau tôi nghe tiếng chân, tiếng va chạm và mẹ tôi la lên :

— Trời đất ơi ngó xuống mà coi, nó đánh tui vậy nè !

Có những tiếng ời ời sau cùng như ngen lại trong cổ họng. Tôi run lên bần bật. Một đứa trong lũ con cô tôi nói cậu Ba đánh mợ Ba về coi anh Năm. Tôi vẫn bất động. Theo tiếng chạy thình thịch, hình ảnh hãi hùng sống dậy đột kích tôi. Cách đó không lâu lắm, cũng lúc mới tối anh em ông Hai cãi nhau dữ dội. Đề dọa anh, ông Tư với lấy chiếc chày sành to tướng ném mạnh vào gốc me cạnh đấy. Chày vỡ, một mảnh lớn chém vào mặt ông Hai. Diên me cạnh đấy. Chày vỡ, một mảnh lớn chém vào mặt ông Hai. Diên tiết, ông Hai nhin đau, vào rút chiếc "mác-thông" ra đĩa nước cầm cúi mài. Chiếc mác dài hơn một thước mà ông dùng để đánh nhau với "Bối Ba Cùm" lúc còn đi buôn lúa miệt Hậu-giang. Tím ông Tư. Có lúc hai người chỉ cách nhau đồng rạ bên hông nhà tôi. Nhưng ông Tư thoát được. Đứng giữa ngã tư đường, ông Hai quơ

chiếc mác sáng ngời, luôn mềm chửi rủa. Vì miếng bưng cạnh mép nên giọng ông rất khó nghe, dần chớ sữa ăm lên... Tôi điếng người và ngủ thiếp lại nhà ông nội.

Sáng ra, mẹ tôi ngồi ở vóng cho em bú, mặt đầy những vết bầm thâm tím. Thấy mẹ buồn tôi chẳng dám hỏi gì, thút thít khóc. Mẹ tôi gọi tôi lại bảo con đi lấy bánh ăn đi (hồi ấy nhà tôi bán quán) em nó khóc mà chưa nấu cơm được. Chị tôi đi vắng. Cặp heo đói la dữ dội. Nhà cửa trống trải, bừa bãi. Sau đó mẹ tôi dọn đồ đạc đi, bỏ lại cho cha tôi căn nhà lá trống vắng, xiêu đồ. Tôi theo mẹ vì cha tôi gầy còm, ốm yếu không thể làm được việc gì, ngay khi mẹ tôi còn ở lại. Bao công việc bán buôn gồng gánh chỉ mẹ và chị tôi cáng đáng hết. Hơn nữa ông bà nội tôi, mặc dù khá giả, không nhận nuôi anh em tôi. Nhiều khi say rượu, ông tôi còn la ăm lên :

— Đ.m. gia đình con tao đang dầm ắm mầy lủi đầu vô làm cho chia rẽ. Mấy đứa cháu tao đó mầy phải nuôi.

Tiếp theo là những câu chửi rủa tục tằn và dai dẳng. Dĩ nhiên là chửi dựng tôi rồi, người có họ với bà tôi, vai ông chúng tôi. Mẹ tôi đắp nền ở đầu xóm cất nhà cho bà ngoại, tôi và hai đứa em ở, rồi người đi biển biệt. Chị tôi phải ở lại với ba. Anh tôi ở với nội. Tôi thường về nhà cũ, gần đấy nhà trống vắng xiêu vẹo. Chị tôi thường đi cấy, đi gặt thuê, ba tôi ít khi ở nhà. Một mình, tôi moi móc chân vách tìm những viên đạn, những đồng xu trước đó đánh rơi, ra sau nhà ngồi bên chiếc hào nuôi cá của riêng anh em chúng tôi đào, hoặc trèo lên cây ổi mà tôi đã thuộc lòng cành nào có quả ngon. Có khi tôi rủ hai đứa em chơi trò hú tim, mặc tình phá phách gian nhà trống vắng, không sợ bị đánh. Nhưng sau phút thỏa thích tôi thấy băng khuâng, muốn khóc theo tiếng gà gáy trưa đầu ngõ. Mẹ tôi thỉnh thoảng cũng có về, sắm cho anh em tôi quần áo mới, dép cao-su mới và đưa tiền cho ngoại. Ngoại ra chợ mua đồ về bán lại như trước đó mẹ vẫn làm, nhưng ít hơn. Ba tôi gầy hằn ra, bệnh suyễn định kỳ hành hạ, lúc nào cũng co ro, vòng tay luôn ôm lấy ngực. Nhưng người không bỏ được thuốc lá mà chị tôi thường chỉ chạy đủ gạo ăn. Bà nội tôi thường giấu bao thuốc mỗi khi thấy ba tôi đến. Ba tôi quay sang ông tôi :

— Cho điều thuốc tía.

Ông thường cho nhưng có lúc cũng bảo hết rồi. Tôi thấy thương ba nên thường lấy cặp thuốc của ngoại bán đưa người hút. Em tôi biết được chuyện này, mỗi khi có chuyện gay cấn với tôi đều dọa mét ngoại. Tôi thường đành chịu lép vế. Một bận trước mặt ba tôi, tôi tức quá không dẫn được, tát cho nó mấy cái nên thân. Nó nhào vào cắn tôi túi bụi, rồi khóc ồn ào :

— Tao về mét ngoại cho mày coi. Mày lấy thuốc cho ba.

Nó xưng hô với tôi vậy đó. Mẹ tần tảo, cha không biết đến nên nó cứng đầu, ngồ ngáo. Tôi tưởng cha tôi im lặng chia xẻ nỗi lo lắng với tôi. Nhưng không, người lè nhè nói :

— Nó lấy cho ai chớ hồng có cho tao à...

Tôi ngạc nhiên nhìn người, tức run lên, định nói lấy cho ông chớ cho ai, nhưng cò tôi nghẹn lại. Từ đó tôi ngờ ba tôi lắm. Một bữa ba tôi vừa ở nhà ông Hai ra, mấy người còn ở lại chơi xầm xì, nháy mắt theo ba tôi và cười ầm lên. Lúc tôi bước vào họ nín bật và nói sang chuyện khác, tôi đỏ chín người, lẩn trốn như phạm tội. Mấy tháng trước khi lấy chồng, chị tôi đã học được nghề may. Mẹ tôi cho tiền chị mua bàn máy. Chị đỡ vất vả hơn, đời sống cũng đỡ túng quẫn hơn. Anh rể tôi ở cùng xóm, làm việc trên Sài-gòn. Khi chị tôi đã theo chồng, anh tôi lúc đầu còn đem tiền về cho ba. Sau đó anh đi học thợ máy không lương nên ba tôi sống bám hẳn vào ông bà nội. Bà tôi khinh rẻ ba tôi lắm, nói ba tôi nào là làm biếng, nào là ăn tham... vợ bỏ cũng phải. Có khi gặp tôi bà nói :

— Chú Út mày nó mần nuôi tao với ông nội mày còn hồng đủ, có đâu nuôi luôn ba mày.

Ba tôi thường lẩn tránh bà tôi. Ít ăn cùng mâm. Ít chuyện vãn. Ông tôi cũng nề bà lắm. Có rượu vào ông la lối ầm ĩ, dấm đập phá trước mặt bà. Nhưng lúc tỉnh ông nhin hết, mặc bà tôi cao thấp đủ điều. Ba tôi cũng thường say, về gặp ông tôi đang bị bà dồn nén, hai cha con quay ra cãi nhau. Ông tôi xách lấy khúc cây thật lớn doa đập, ba tôi lủi vào khiêu khích :

— Nè tía đập tui đi, chết tui cũng hồng tiếc mà.

Ông tôi chửi loạn lên, vung cây dữ dằn, bà tôi chen vào giữa gỡ tay ông tíu tit, miệng bảo ba tôi chạy đi Sinh, chạy đi Sinh. Ba tôi vẫn đứng đó mếu máo lập lại lời mình. Cô tôi từ nhà chạy đến :

— Trời ơi ! tía với anh ba làm hồng sợ người ta cười. Rồi cô dác dác đủ điều.

Thỉnh thoảng ba tôi cũng cao hứng đi làm máy cưa. Cuối tuần người mua trà bánh và đem chút ít tiền về. Bà tôi hết xem thường ba tôi, săn sóc này nọ. Lúc rạng đông ông tôi dậy sớm nấu nước pha trà, gọi bà tôi và ba tôi dậy uống. Câu chuyện trào ra. Bà tôi bao giờ cũng nói nhiều nhất, chê ông này, khen bà kia và không quên khen mình. Bà ngắt câu bằng những tiếng ho, rồi khạc nhổ phèo phèo. Ông tôi ho, chạy ra sân nhổ, phịch ! Ba tôi ho nhổ tại chỗ, lấy chân chà chà. Đối với ông tôi, bà tôi vượt hẳn lên vì bên bà có ruộng, miếng ruộng cấy lúa nuôi cả nhà. Ông thì tay trắng, quê quán lại ở xa xôi. Nhưng sau đó ba tôi thôi làm vì đuối sức, lại rút về vị trí cũ, ăn uống lén lút bà tôi. Với đôi vai xuôi, chiếc lưng cong và nhất là cục xương lớn nhô cao dưới gáy, ba tôi sẵn sàng đề chịu đựng. Bây giờ tôi hiểu được rằng sự yếu đuối, bệnh hoạn của ba tôi là do bà tôi mà ra cả. Ông cố tôi suyễn, truyền sang ba tôi. Ba tôi sống sót sau cơn bạo bệnh nên bà tôi yêu lắm, quý lắm và vì lúc đó chưa có chú tôi. Bà tôi nhai cơm cho ba tôi ăn, nếm nước trước khi cho ba tôi uống. Thân thể đã suy nhược sẵn nên ba tôi dễ bị nhiễm suyễn hơn cô, chú tôi. Tôi chắc rằng mình nghi đúng vì thằng Bé con chú tôi cũng được bà tôi yêu như ba tôi hồi nhỏ và bây giờ nó cũng suyễn như ba tôi.

Bao giờ cũng vậy, mỗi khi họp mặt anh em chúng tôi kiêng nói chuyện gia đình. Mỗi lần thằng em tôi vô tình đề cập tới là anh tôi ngăn ngay :

— Nói ích gì, hoàn cảnh của mình, mình biết. Anh tôi thường nói thế và lao đầu vào việc ăn chơi trác táng. Em tôi cũng tập tành hút thuốc. Gia đình tôi hồng. Anh tôi hồng. Em tôi sắp hồng. Cái hồng của anh tôi, em tôi sẽ kéo theo cái hồng cho gia đình mình. Mặc dầu anh tôi chưa vợ, em tôi còn

bé. Nhưng tôi linh cảm vậy và hết sức ngăn cản. Cần phải chặn đứng cấp thời, tôi không đành lòng để các cháu tôi mai sau lại trở thành nạn nhân của cha chúng. Một sự chia rẽ gay gắt giữa anh em tôi. Có đề mặc cho anh tôi làm hư hỏng gan phồi mình ? Đề mặc thằng em noi gương mù đó ? Tôi cô độc và uất ức.

Hôm qua chiếc xe nhà binh chở quan tài ngừng lại trên lộ. Tám chiến sĩ đưa năm xương thành bạn đồng đội về quê, nơi nó cất tiếng khóc chào đời. Thằng Thuận đó. Vợ nó có mang, tay bế đứa bé lên hai. Người mẹ ôm áo quan. Nó sắp giải ngũ, hai năm rưỡi rồi. Tối đến thằng Hòa, du kích xã vác súng lên về. Quỳ bên năm đất nó khóc cho đứa em. Có tiếng động đằng sau, Hòa đứng phắt dậy, lau vội nước mắt, gay gắt quát :

— Tiếc rằng tao không bắn được mày Thuận ơi!...

Xóm nhỏ chịu một cái tang và bà mẹ đã lâu mới thấy khóc. Chúng là anh em sinh đôi mà chẳng hòa thuận như mẹ nó mong ước. Cha chúng mất khi chúng còn bé. Ông nghiện và thiếu thuốc hút. Thà vậy vẫn hơn. Tôi tự hỏi không biết Thuận đã nghĩ gì, cả Hòa nữa, hẳn nghĩ gì. Có ai biết rằng tôi vẫn ở đây cho nỗi xót xa dày vò mình. Một khúc chân của dương tôi bị cắt bỏ. Bao giấc mơ mà mẹ tôi xây đắp. Bao sự nghiệp mà người góp sức tạo nên. Có còn gì không ? Chiếc gánh nặng ấy vẫn nghiêng mãi trên vai gầy mẹ tôi, từ lúc người về làm dâu năm mười sáu tuổi.

NGUYỄN-LẤN-VIỆM

VĂN số 61

ĐỌC VĂN RICHARD WRIGHT

- nhà văn Mỹ da - đen lưu vong ở Âu - châu
- vết nhơ trên lương tâm của dân tộc Hoa - kỳ

albert camus

sa đọa

(truyện-kể)

TRẦN THIÊN-ĐẠO PHIÊN-DỊCH VÀ CHÚ-GIẢI

CHƯƠNG III

Tình thật, tôi rất đổi đội ơn ngài đã tỏ ra chăm chú tò mò. Mà câu chuyện đời tôi nào có gì là phi thường đâu. Ngài đã đề lòng lắng nghe, thì đây, ngài nên biết rằng tôi cũng có nghĩ chút ít tới tràng cười nộ suốt mấy ngày trời, rồi sau đó, tôi quên hẳn. Từng chập tựa hồ như thỉnh thoảng tôi cũng có nghe nó vang dậy đâu đó trong tâm hồn. Nhưng thường thì tôi vẫn nghĩ đến những việc khác mà không phải cố gắng mấy.

Tuy vậy, tôi buộc phải nhìn nhận rằng kể từ buổi ấy, tôi không còn rảo bước dài theo bờ sông ở Paris nữa. Những lần băng ngang qua đó, ngồi trên xe nhà hay trên xe buýt, tôi hằng cảm nghe một thứ lặng im se thắt trong lòng. Tôi rạo rục chờ đợi, hình như vậy. Như khi đã lọt qua bên kia dòng Seine, mà tỉnh

(*) Xem từ VĂN số 55.

không có xảy ra điều gì, tôi thở phào khoan khoái. Dạo ấy tôi còn dùng phải vài chuyện trắc trở về đường sức khỏe. Chẳng có gì rõ rệt cả, cứ gọi là một thứ trạng thái uể oải, cũng được, khiến tôi khó bề tìm thấy lại được tánh khí vui vẻ của mình ngày xưa. Tôi đi coi mạch nhiều lần, uống nhiều thang thuốc bổ lợi sức. Tôi lợi sức, nhưng rồi vẫn xuống dốc trở lại. Cuộc sống càng hóa ra ít dễ dàng cho tôi : khi mà thể xác u buồn thì tâm thần cũng sanh ra ủ dột. Chừng như tôi lãng quên phần nào những điều chẳng hề học hỏi bao giờ, tuy vẫn thuộc nằm lòng, tôi muốn nói : sống (1). Đúng thế, tôi tin chắc là mọi sự đã khơi mào ngay từ chỗ này.

Vả chẳng chiều nay đây, tôi cũng cảm thấy không được khỏe khoắn trong người. Tôi lại còn lúng túng, đặt câu lựa lời một cách khó khăn. Tôi nói ít trôi chảy hơn, có phải vậy không ngài, và lập luận ít vững chắc hơn. Tại thời tiết, chắc thế. Không khi ngột ngạt, nặng nề thiếu điều đề trêu cả buồng ngực. Ngài thấy có điều gì trở ngại không, giá chúng ta bước ra rảo chân một chút trên đường phố ngoài kia ? Đa tạ.

Về chiều, kinh ngài mới đẹp làm sao ! Tôi thích hơi ẩm bốc lên từ chốn sinh lầy, mùi lá cây ngâm nước rửa thúi dưới kinh và mùi tang tóc xông lên từ các ghe tải tràn trề bông hoa (2). Không, không, ngài chớ nên nghĩ rằng đó là một thứ ý thích bệnh hoạn. Mà ngược lại, ở tôi, nó là một định kiến. Chính tôi buộc mình thường ngoạn các con kinh này. Bởi cảnh vật tôi yêu

(1) Xem : Tôi không hề buộc học tập để sống bao giờ. Về điểm này, vừa lọt lòng mẹ, tôi đã biết hết trọn mọi khía cạnh. Có những kẻ mà vấn đề phải giải quyết là tìm cách lẫn tránh loài người, hay ít ra, dàn xếp sao cho thuận. Riêng tôi, sự dàn xếp này đã sẵn. (Chương II. Văn số 57, ngày 1-5-1966).

(2) Ghe tải trên những đường kinh trong thành phố Amsterdam thường được trang hoàng bằng nhiều dây bông trắng trong chậu nhỏ. Trông từ xa, tưởng chừng như những chiếc xe tang phủ bọc nhiều tràng hoa.

Ghe tải : Xem chú thích (25), chương II (Văn số 58, ngày 15-5-1966).

thích hơn hết trên đời, là đảo Sicilia (3), ngài nhận thấy rõ đó, và nhứt là từ trên chót đỉnh Etna (3) nhìn xuống trong ánh sáng chiếu rọi, thấu lấy được trọn hình ảnh hòn đảo và biển cả vây quanh. Và đảo Java (4) nữa, nhưng chỉ vào mùa gió bắc. Vâng, tôi có đến đây thuở thiếu thời. Nói chung thì tôi yêu thích bất luận hòn đảo nào. Dễ ngự trị ở đó hơn.

Ngôi nhà xinh quá, ngài nhỉ ? Hai cái đầu lâu ngài trông thấy đằng kia là đầu lâu mọi da đen nô lệ đó. Biển hàng mà Căn nhà này trước kia của một tên chuyên nghề buôn nô lệ. Thời ấy chẳng ai giấu diếm thực chất của mình cả, còn bây giờ. Họ phồng ngực lên mà rao hàng hoàng : « Đây là cửa hàng của tôi đây, tôi chuyên nghề buôn nô lệ, tôi bán thịt da đen. » Ngài có mừng tượng được một kẻ nào ngày nay dám công khai nhận rằng đó là nghề nghiệp của mình không ? Ý sẽ làm chấn động dư luận như thế nào ! Tôi nghe thấy từ đây các đồng nghiệp ở Paris của mình (5). Bởi chưng họ nhứt quyết bất nhượng về vấn đề này, họ sẽ không ngần ngại gì mà không tung ra hai ba bản tuyên ngôn, biết đâu còn nhiều hơn nữa ! Nghi chín rồi, tôi cũng hạ thêm chữ kí của mình, dưới số chữ kí của họ — Nô lệ, ối chà, không, phải chống mới được chớ ! Buộc lòng thiết lập nó ở trong gia đình hay trong xưởng máy, ừ thì cũng chịu được đi, sự đời nó vậy, nhưng mà lớn tiếng rêu rao cùng với mọi người, thì quả là lỗ lã quá chừng !

Tôi vẫn hiểu rằng con người không tài nào khinh thường việc thống trị hay được cung phụng. Ai cũng cần có kẻ làm tôi đòi cho

(3) *Sicilia*, đảo lớn nhứt, thuộc nước Ý, ở phía Tây biển Địa-trung. Núi lửa *Etna* nằm hướng Đông-Bắc đảo *Sicilia*, cao 3.274 thước. Đứng trên đỉnh, những lúc trời quang đãng, mắt có thể nhìn thấy trọn hòn đảo.

(4) *Java*, một trong những hòn đảo lớn hợp thành quần đảo Nam-dương. Xem chú thích (20), chương I. (Văn số 56, ngày 15-IV-1966).

(5) Âm chỉ những nhà văn khuynh tả, đặc biệt là nhóm *les Temps Modernes*. (Jean-Paul Sartre, Francis-Jeanson, Simone de Beauvoir...)

minh như cần có không khí thanh khiết. Chỉ huy, tức thị là hô hấp đó, ngài có nghĩ như vậy không? Mà kể cả những kẻ xấu số nhút trên thế gian này cũng còn biết hô hấp nữa là. Kể đứng ở nấc cuối cùng bậc thang xã hội cũng vẫn còn có thể chỉ huy cô vợ hay ông chồng, hay con cái. Giá dụ y độc thân, thì là một con chó nào. Chung qui, điều chánh là có thể nổi giận mà cấm tiệt không cho kẻ kia có quyền đối đáp. « Không ai được phép đối đáp lại cha mẹ, » ngài hẳn đã biết thành ngữ vậy. Trên một phương diện nào, kể ra nó cũng lạ lùng. Đối đáp lại ai ở thế cuộc này, nếu không phải là đối đáp lại người mình yêu thương? Trên một phương diện khác, thì nó lập luận cũng vững. Cũng phải có một người thắng cuộc chớ. Không thôi thì bất cứ lí lẽ nào cũng có thể bị một lí lẽ khác đối kháng: làm sao chấm dứt được. Ngược lại, thế lực giải quyết được dứt khoát mọi việc. Chúng ta đã tốn bao nhiêu thời giờ, nhưng chúng ta đã hiểu được điều đó. Chẳng hạn, chắc ngài cũng đã nhận thấy như vậy, châu Âu cồ kính của chúng ta ngày nay đã biết triết lí một cách phải lẽ. Chúng ta không bảo như thuở còn khờ khạo trước kia nữa: « Tôi nghĩ như vậy đây. Ngài có lập luận nào đề bác ý kiến của tôi không? ». Chúng ta đã sáng suốt hơn. Chúng ta dùng thông cáo thay cho đối thoại. Chúng ta bảo: « Chân lí như vậy đây. Ngài hãy cứ phòng gân cổ lên mà cãi đi, chúng tôi chẳng hơi sức đâu mà nghe. Rồi vài năm nữa, sẽ có cảnh sát giảng cho ngài thấy rằng tôi đã nói đúng. » (6)

Chao ôi! Địa cầu thân yêu của chúng ta! Mọi sự trên quả địa cầu của chúng ta ngày nay đều minh bạch rõ ràng. Chúng ta hiểu mình, chúng ta biết mình dám làm tới những việc gì. Tôi đây chẳng hạn, đề đòi thí dụ, hay đúng hơn, đề đòi dễ tài, tôi đây chẳng hạn, thuở nay tôi đều muốn được kẻ khác hầu mình với nụ cười trên môi. Cô ở nào vẻ mặt buồn hiu thì cứ y như là đầu độc tôi cả ngày dài. Hẳn là thị có quyền không vui vẻ nét mặt. Song tôi vẫn cứ thầm nghĩ rằng tốt hơn cho thị là vừa làm việc vừa tươi cười, chớ không nên vừa làm việc vừa khóc lóc. Thật ra thì đó là tốt

(6) Albert Camus nghĩ tới những chế độ độc tài chuyên chế ở khối Đông cũng như ở khối Tây (Liên-xô, Espana v.v...)

hơn cho tôi. Coi vậy mà lập luận này của tôi, tuy chẳng mấy kiêu kì xem ra cũng không đến nỗi hoàn toàn quàng xiên đâu. Cũng hết như trên, tôi một mực từ nan không hề đặt chân vào tiệm ăn nào của người Trung-hoa. Ngài muốn biết tại sao ư? Vì lẽ khi họ im im lặng thinh trước mặt người da trắng, người Á-đông thường lộ vẻ khinh miệt. Và cố nhiên, hầu chúng ta, họ vẫn giữ cái vẻ đó trên nét mặt! Vậy thì hỏi ngài làm sao còn hưởng ngon lành món gà tiềm được nữa, nhứt là làm sao nhìn họ mà vẫn còn nghĩ rằng mình có lí được nữa?

Giữa chúng ta với nhau, tôi có thể bảo nhỏ ngài rằng sự nô lệ, nhứt là sự nô lệ hân hoan, chúng ta không tài nào tránh khỏi nó được. Nhưng chúng ta không được phép nhìn nhận như vậy. Ai không thể sống thiếu nô lệ phục dịch mình, phải chăng tốt hơn cho y là gọi họ là kẻ tự do? Trước hết là vì nguyên tắc rồi sau đó là để cho họ khỏi cảm thấy tuyệt vọng. Họ cũng phải được đền bù chút nào chớ, phải không ngài? Cứ như vậy, họ vẫn sẽ tiếp tục mỉm cười, còn chúng ta thì lương tâm vẫn sẽ được yên ổn. Không vậy, chúng ta ắt sẽ buộc phải dò hỏi lại lòng mình, chúng ta sẽ hóa ra khổ não đến độ phát điên, hoặc khiếm tốn nữa, bất kì điều gì cũng có thể xảy ra đến cho chúng ta được cả. Bởi vậy, đừng có treo biển hàng, mà cái biển hàng nói trên quả là vô lối tệ. Và chẳng, ngài cứ thử nghĩ xem, giả dụ mọi người đều thú nhận tuốt luốt cả ra, cung khai nghề nghiệp thật và chính danh của mình, thì còn có ai biết ra làm sao nữa! Ngài cứ thử tưởng tượng những tấm danh thiếp kiểu này. Ông Dupont (7), triết gia thô đế, hoặc địa chủ ngoan đạo Thiên-chúa (8), hoặc nhân bản gia ngoại tình, ôi thôi đủ thứ, ngài ạ. Nhưng thế thì khác nào là địa ngục! Phải đó,

(7) *Dupont*, tên người rất thông thường ở Pháp — cũng như chúng ta có những tên Ất, tên Giáp. Pháp gọi M. Dupont, M. Durand, cũng như chúng ta nói : ông Ất, ông Giáp.

(8) Đạo Thiên-chúa ngày xưa chia ra nhiều dòng — ở đây, có lẽ Albert Camus nghĩ tới Dòng Hành-khất để làm nổi bật sự nghịch lí giữa hai từ *địa - chủ* và *Thiên - chúa*. Xem thêm chú thích 12, chương II. (Văn số 58, ngày 15-V-1966).

địa ngục hẳn hiện hình như sau đây : những con đường đầy đặc biệt hàng và tịnh không có cách nào giải thích bảo chữa cho mình cả. Chúng ta bị phân hạng một lần, rồi thôi.

Thí dụ như chính ngài cũng vậy, ngài cứ hãy tưởng tượng một chút xem biển hàng của ngài nó như thế nào. Ngài lặng thinh ư ? Ừ, mà thôi, ngài đáp lời tôi sao cũng được. Phần tôi thì tôi biết rõ thực chất biển hàng của mình : một bộ mặt hai bề, một thứ Janus (9) có duyên thầm, và, kẻ dài ở phần trên, cái biểu ngữ của bản hiệu : « Chớ nên tin cậy ». Còn trên danh thiếp thì : « Jean-Baptiste Clamence, Kịch-si. » Này nhé, chẳng bao lâu sau buổi chiều đã thuật lại hầu ngài nọ, tôi chót khám phá ra được một điều. Cứ mỗi lần chia tay kẻ mù lòa nào trên vỉa hè nhờ tôi giúp băng qua đường là y như tôi không lần nào quên dỡ nón chào. Tôi dỡ nón như vậy, ắt hẳn không phải để chào y, y mù mắt không trông thấy được. Vậy thì là để chào ai ? Chào công chúng. Sau vai tuồng, thì đến phiên chào khán giả. Tuyệt đó chớ, ngài ? Một bữa khác, cũng vào đạo ấy, có ông nọ thốt lời cảm ơn tôi đã giúp ông chữa được xe, tôi liền đáp rằng không phải ai cũng sẵn lòng như vậy cả. Cố nhiên, tôi định bảo là ai cũng sẵn lòng như vậy cả. Song le cái câu nói lỡ miệng đó vẫn cứ như canh cánh mãi trong lòng tôi. Về đức khiêm tốn, thì quả tình không ai ăn đứt tôi nổi đâu.

(Còn tiếp.)

ALBERT CAMUS

TRẦN THIÊN-ĐẠO dịch

(9) *Janus* : tục truyền Janus là vua đầu tiên xứ Latium. Thần Saturne bị Ngọc-hoàng đuổi xuống hạ giới được vua Janus tiếp đón niềm nở. Để tạ ơn, thần Saturne hóa phép cho nhà vua trở nên quán thông mọi việc quá khứ và tương lai. Sự kiện này được biểu hiện ở những tượng chạm khắc mà Janus với hai bộ mặt nhìn trước và nhìn sau. Xem thêm chú thích 12, chương I (Văn số 56 ngày 15-4-1966).

thân thể của một người đàn bà đông con

TRẦN-YÊN-THẢO

*Khuôn mặt nàng có rừng nho và những khu vườn tuổi trẻ
cây thật xanh, trời thật trong và biển trầm lặng.*

Nàng thức dậy mỗi sớm mai

cười đùa cùng ý thức

ý thức thì xanh như khu vườn tuổi trẻ.

Nàng thụ thai

để những đứa con dung dị hiền từ

nuôi chúng lớn bằng nhựa cây quả nho và ý thức.

Mùa mưa chợt về cùng cơn bão

cây thật tả tơi, trời thật đen và biển tràn mình.

Nàng thức dậy mỗi buổi chiều

ôm tử hờn và khóc

tiếng khóc thì xa như giấc mơ và gãy như tóc.

Nàng thụ thai

để những đứa con ốm yếu tật nguyền

chúng lớn lên bằng xanh xao lạc lõng và hờn tử của nàng.

Mùa mưa đi qua rồi những cơn nắng hạn

cây thật khô, trời thật thiêu đốt, và biển giận hờn.

Nàng thức dậy, mỗi buổi trưa

ôm tuổi già và nguyên rủa

lời nguyên rủa thì hậm hực như đám cháy.
Nàng thụ thai
để những đứa con bung bít hận thù
lớn lên bằng vỏ cây khô và lửa.

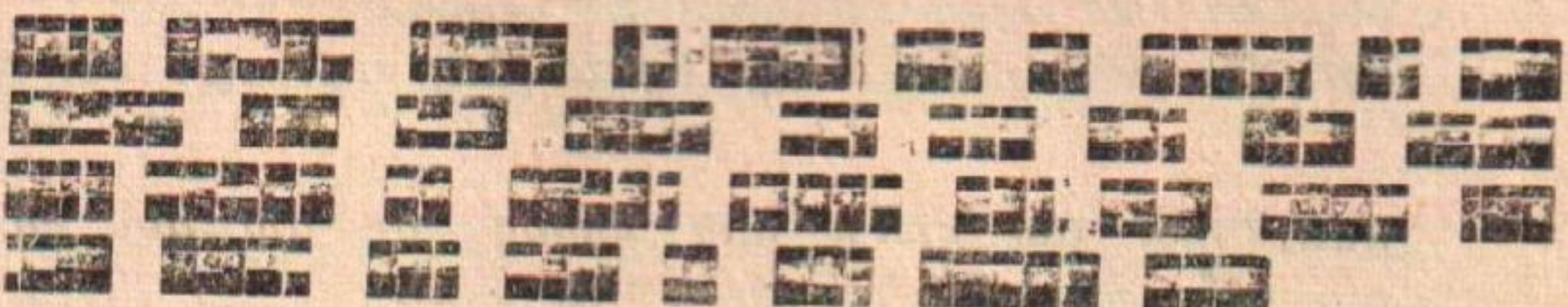
Mùa nắng tiêu khô rồi mùa mưa ừng thủy
Nàng thì sâu như một ngày đông tận
biển cau mặt, trời thâm u và cây mất mùa.
Nàng thức dậy mỗi nửa đêm
nức nở cùng bóng tối
bóng tối thì đen như ý tưởng nàng lúc đó.
Nàng thụ thai
để những đứa con đói khát gầy gò
nuôi chúng lớn bằng những đêm không chăn, những ngày
không gạo.

Cơn bão đi qua rồi mùa hạn tới
trời đầy sương, cây tróc gốc và biển quay cuồng
sớm thật mù, trưa thật khô và chiều buồn thảm.
Dòng sông chảy qua cắt đôi khuôn mặt nàng
Mỗi đứa con mang một chứng bệnh truyền nhiễm
vùng vẫy hai bên bờ
chém thật ngọt
nhớ tiếc thật ám thẳm
nguyên rủa thật cay nghiệt
và yêu thật bao la.
Còn nàng thì tât nguyên
nhưng vẫn sống đó.

TRẦN YÊN THẢO

tình cảnh từ chiến tranh

TRIỀU - VŨ

1. Từ buổi chàng ra đi
 Nàng phải đóng hai vai trong vở kịch
 Chồng và vợ
 Lo cho đàn con từng lời dạy dỗ
 Lo cho đàn con từng giấc ngủ
 Lo cho đàn con từng miếng ăn
 Lo cho đàn con đừng hiểu gì đừng nghĩ gì
 đến chiến tranh
 Khi chúng thương nhắc bố
2. Chàng là diễn viên chánh trong gia đình luôn
 vắng mặt để đóng vai phụ ở một vở kịch khác
 Không biết đứng chỗ nào nơi đám đông
3. Đàn con là bầy chim sẻ nhỏ
 Riu rít vui buổi sáng
 Liu lo hót ban chiều
 Chúng được mẹ tập tành cho quên lãng
 Ôi những nụ cười
4. Nhưng rồi chàng trở về với đôi chân nặng gổ
 Nàng cúi đầu
 Lúc đàn con thấy mình chợt lớn
5. 

triển lãm

MUỜNG - MẮN

anh sẽ mở một phòng triển lãm
trưng bày vốn liếng của một đời người
nhưng người ta thường trưng bày những tác phẩm nghệ thuật
những chiến lợi phẩm chiến tranh

tình yêu em sẽ được lồng trong khung kính
treo bên cạnh tuổi thiếu niên anh như một lá bùa thiêng
bên cạnh nỗi cô đơn và một thanh kiếm rỉ
di tích của giòng giống ta oai hùng
bên cạnh dĩ vãng quá khứ như những chiếc bội tinh
gắn đầy trên chiếc áo nạt nhàu của đời sống
còn tương lai anh đem nặn thành bức tượng khỏa thân
bức tượng chỉ có một tay
một tay vừa đủ để cầm một con dao
găm bản cáo trạng vào giữa ngực
bản cáo trạng kể tội chiến tranh
và ghi tên những đứa bạn chết ở Plei-me, Đức-cơ, Ba-lòng
với lời hứa : tao sẽ trả thù cho chúng mày... (bản cáo trạng
viết bằng máu và nước mắt)

còn rất nhiều thứ nữa sẽ được trưng bày
nhưng bây giờ chưa tiện kể ra
anh sẽ mở cửa phòng triển lãm
hoặc mai hoặc một hoặc một ngày rất xa
nhưng dù sao thì phòng triển lãm của anh cũng sẽ mở cửa
ngay giữa phố — giữa rừng
hay có thể ngay cả giữa tim anh
đại để giữa chốn đông người hay một nơi rất vắng vẻ

dưới mỗi tác phẩm anh không cần ghi giá cả
mà chỉ cần ghi hai chữ cho thuê.



« CHƯỞNG VẤN »

Ngẫm xem trong xóm làng ta
 Thường khi đoàn kết bằng ba xóm người
 Từng phen « rửa mặt » nhau rồi
 Gặp nhau chỉ một tiếng cười là xong
 Viết thì chọc miệng đâm hông
 Mà tâm địa : một ký bóng nhẹ tòm
 Nhiều pha cụp lạc om xòm
 Tưởng chừng giở chưởng vung đòn tặng nhau
 O' hơ nào có gì đâu ?
 Chẳng qua hai họ lâu lâu muốn... xài
 Có chê nhau kẻ bất tài
 Chính là khen ngược : nhất đời... là anh
 Có « vờ » nổi trận tam bành
 Cũng vì cho vọt mới thành... kẻ yêu
 Có lời nhau giảng « chín điều »
 Là tô cho cái xóm nghèo thêm... duyên

★

Trận giặc bút vốn hiền quá xá
 Bốn nghìn năm văn hóa nhà Nam
 Vững bền do những tay gàn
 Lâu lâu lại ngã ra bàn mổ nhau.

XUÂN-HIỂN

tin văn... văn

thật đúng là có cái rốp

Trong Văn số trước, nhân loan tin Đặng Tiến đi Thụy-sĩ, tôi đã cho là ban biên tập Văn có cái rốp chỉ làm việc có 4 người. Cái rốp này coi bộ « dữ thần » lắm, nên mới đây, lại tới phiên Bửu Ý khăn gói gió đưa trở về quê hương gỗ đầu tre. Ban biên tập Văn như vậy lại còn có đúng 4 người.

Quê hương của Bửu Ý là Huế. Huế đang quận mình trong cơn sốt chính trị. Chắc cũng còn lâu bạn đọc mới gặp lại Bửu Ý trên Văn.

Bây giờ đây mới là tháng Sáu. Vậy chắc cũng còn lâu lắm, anh bạn thư ký tòa soạn mới tìm được hai nhân viên khác để bổ xung vào ban biên tập, thay thế cho hai người nay đã đi xa.

nhà thơ thành-tôn cưới vợ

Thành-Tôn, họ Lê, người thường có thơ đăng trên các tạp chí *Bách-khoa*, *Văn*, *Giữ thơm quê mẹ*... sắp làm lễ cưới cô Phan-thị Trinh, tại Tam-kỳ, vào ngày 16-6-1966.

Thay mặt tập san Văn, Thư-Trung xin cầu chúc nhà thơ Thành-Tôn lấy được vợ hiền.

Nhận được hồng thiếp, nhà thơ Hoài-Khanh rất muốn bay ra ngoài Trung làm phù rề, nhưng tính lại thấy một tấm giấy máy bay trị giá bằng nhuận bút của cả mấy chục bài thơ, nên lại đành thôi. Được biết, Hoài Khanh đã bỏ chân thư ký tòa soạn tập san *Giữ thơm quê mẹ*, lui về Biên-hòa ở ẩn, làm thơ và trồng bưởi. Và, cho tới nay, bưởi của Hoài-Khanh, tuy được tưới bón rất siêng năng, cây lớn rất mau, nhưng lại vẫn... chưa có trái.

quảng cáo đây : mọi vô !

Bay đêm, truyện của Saint-Exupéry, xếp hàng đầu bảng 10 cuốn sách bán chạy nhất (best-seller) trong mười năm qua. Số bán lên tới hàng triệu cuốn.

Bay đêm, bản dịch của Lê Huy Oanh, do tập san *Văn* xuất bản, bán giá rẻ (20đ.) đã sắp hết kỳ in lần đầu. Hiện nay tòa soạn *Văn* còn ít chục cuốn. Bạn đọc nào chưa kịp mua hãy đặt mua ngay kẻo hết. *Thư-Trung* rao hàng cam đoan đây là văn chương thứ thiệt chứ không phải dầu cù là đầu ! Lại cũng cam đoan là còn lâu sách mới được in lại. Bạn yêu văn đừng đợi lúc sách đã tuyệt bản rồi mới viết thư về trách nhà xuất bản sao lại... in ít thế !

nhà thơ kiệt-tấn in thơ

Nghe đồn nhà thơ Kiệt-Tấn, một tác giả quen thuộc, đang sửa soạn cho in tập thơ đầu tay của anh, nhan *Điệp khúc tình yêu và trái phá*.

Có lẽ vì không có "duyên" với độc giả của *Văn* nên trong bài thơ đầu gửi cho *Văn*, bài *Thành phố anh đến đặng* trong số này, đã được bà kiểm chiếu cổ, tô điểm cho vài đường kẻ lông mày điểm dứa lấm.

Mong rằng toàn tập *Điệp khúc tình yêu và trái phá* sẽ ra mắt độc giả với đầy đủ mọi lời ca, êm đềm cũng như chát chúa.

còn thơm mùi giấy mực

Nhà văn Nguyễn Mạnh-Côn đã giao cho cơ sở xuất bản Giao-diềm tập bản thảo cuốn *Tân Trung-dung* mà anh vừa viết xong dòng cuối.

Tác giả còn có ý định xem kỹ lại bản thảo rồi mới giao cho nhà in sắp chữ. Mong bạn đọc đừng nóng lòng vì việc *lập thuyết* nào cũng thường đòi hỏi nhiều công phu suy tư thận trọng.

Trong khi chờ đợi *Tân Trung-dung*, bạn đọc yêu văn Nguyễn Mạnh - Côn có thể đón coi khoảng hạ tuần tháng sáu này, cuốn

Lạc đường vào lịch sử, truyện dài mới nhất và rất được nhà văn họ Nguyễn lấy làm ưng ý.

đêm nghe và ngày... chờ

Đêm nghe tiếng đại bác là nhan truyện dài đầu tay của nữ sĩ Nhã-Ca. Cứ nghe đài phát thanh thì « Tuần-báo Nghệ-thuật Truyền-thanh » đã loan tin rất nhiều lần là cuốn sách này đang được in tới những trang chót. Không biết tại cuốn sách dày quá hay tại nhà in trục trặc sao đó mà đợi hoài vẫn chưa thấy sách được phát hành. Thứ tư này rồi thứ tư sau, thứ tư sau nữa, sách vẫn còn đang được in những trang chót. Bạn đọc yêu văn Nhã-Ca chỉ còn nước đêm nghe và ngày... chờ, vậy thôi !

Ông đài phát thanh ôi ! thôi đừng đùa ác nữa : bắt độc giả nóng lòng chờ đợi mãi sao đang !

nhà văn Nguyễn-đình toàn cầm bút lại

Bút nói đây là bút đề sáng tác. Chớ còn ngày nào mà Nguyễn-đình Toàn không phải múa bút viết năm, bảy bài cho đài phát thanh, đăng kiểm ăn.

Theo tin của tập san Văn-học thì, sau sáu tháng nghỉ dưỡng sức, nhà văn Nguyễn-đình Toàn sẽ sắp khởi viết một thiên truyện dài, và thiên truyện này sẽ được đặc biệt dành cho độc giả của Văn-học.

Nghe tin trên, anh em trong làng ai nấy đều lấy làm mừng. Không phải mừng cho báo Văn-học sẽ tăng thêm số bán, mà là mừng cho Nguyễn-đình Toàn đã có đủ sức khỏe và hứng thú để cầm bút sáng tác trở lại sau khi đã nghỉ viết một thời gian.

Về phía độc giả yêu văn Nguyễn-đình Toàn, họ đang nóng lòng chờ đợi tập truyện ngắn mới nhất của ông — tác phẩm mà ông đã ký hợp đồng cho xuất bản cách đây ít tháng.

thơ minh - dũng

• bài kinh chiều của mẹ

Mẹ đơm chén cơm gạo mới
 so đôi dừa mun và đuôi đàn ruồi xanh,
 đã nhiều lần mẹ nhớ mặt con trong buổi về
 phép cuối cùng.

Hôm nay cánh đồng đã chín
 và con tàu trở lại một mình nhả khói đen
 trên vùng cỏ ẩm.

Mẹ đơm chén cơm này thật đầy
 so đôi dừa mun và đuôi đàn ruồi xanh
 hôm nay cuối tháng, còn sống con sẽ lãnh lương,
 sẽ đi phố, hút thuốc và gửi bưu thiếp về nhà.

Mẹ đơm chén cơm gạo mới
 nhìn đôi dừa và dừa con con ngủ thiếp
 dừa trẻ ngoan như hòn đá cuội
 nó đã nửa năm nhưng chưa có tên.

Hôm nay là ngày kỷ niệm
vợ con bỗng đứng ôm đầu ngồi khóc
bảo rằng con chết đang lúc tuổi xanh.

Mẹ đem chén cơm gạo mới
ngồi nhìn dấu thu lá đường đã rơi
đứa bé trong nôi chợt cười nhìn mẹ.
Mẹ so đôi đứa mun và đuôi đàn ruồi xanh
và chùi những hàng nước mắt.

● nói với người tình phụ

Anh đã nói cảm ơn nhiều lần
cảm ơn em và những người con gái khác
đã sống rộn ràng như tiếng chuông
đã sống hiem nghèo như thác nước.
Anh đã nói cảm ơn nhiều lần
khi đóm lửa này vừa đốt lên giữa vùng trí nhớ,
những con sâu róm bỏ chiếc lá xanh
bỏ miền sương mù buồn rầu của núi
cho nó được khóc một lần bất ngờ trong đời
hồi tình yêu của một ngày đã mới.



GIẢI ĐÁP THẮC MẮC BẠN ĐỌC

LÊ NGỌC-TRỤ

● Bạn Nguyễn Bút, Quảng-ngãi, hỏi :

1. Ngày xưa, người ta học chữ Hán, họ phải dịch sang quốc-âm để đọc chữ Hán. Vậy dựa vào đâu mà người ta có thể dịch được từ chữ Hán sang quốc-âm được ? Thí-dụ chữ Thiên (âm).

TRẢ LỜI :

Chữ Hán là lối chữ biểu-ý, không thể "đánh vần" mà đọc, như lối chữ tiêu-âm của chữ Việt.

Và cùng một chữ Hán, ngay trong xứ Trung-hoa, cũng tùy từng tỉnh từng vùng phát âm, mà kết quả thành mỗi giọng khác nhau, như giọng Quảng-đông, giọng Phước-kiến, giọng quan-thoại, v.v. ; còn khi người Việt phát-âm chữ Hán ấy, thì kết quả là tiếng Hán-Việt ngày nay. Kết-quả mỗi giọng, tùy từng tỉnh từng xứ mà khác biệt nhau, nhưng phương pháp căn bản dùng để dựa vào đó mà phát âm thì vẫn một : ấy là phương pháp « *phiên thiết* », đã ghi trong tự điển Trung-hoa.

Lối phiên-thiết hơi giống lối « *nói lái* » của tiếng ta, nhưng có quy củ hơn. Muốn ghi một chữ Hán phải phát âm như thế nào, người ta dùng hai chữ Hán khác để phiên-thiết, nghĩa là khi đọc nó, phải cắt đôi mỗi chữ dùng phiên-thiết ấy ra làm hai phần : âm khởi đầu và vận, rồi đọc ráp liền âm khởi đầu của chữ thứ nhất với vận của chữ thứ nhì, thì được kết quả. Xin giải thích bằng giọng Hán-Việt những thí dụ dưới đây.

Như chữ thiên, Khang-Hi tự-diễn ghi : « *tha, niên thiết* ». Cắt đôi hai chữ này, thì chữ *tha* cho âm khởi đầu là *th* và vận *a* ; chữ *niên*, cho âm khởi đầu là *n* và vận *iên*. Đọc ráp liền âm khởi đầu của chữ thứ nhất là *th* với vận *iên* của chữ thứ nhì thì được kết quả : *thiên*. Lối này giống như lối « *nói lái* » : « *tha niên* » nói lái là « *thiên na* ».

Nhưng *Khang-Hi tự-diễn* lại còn dùng hai chữ « *tha tiên* » để phiên-thiết cho chữ « *thiên* » nữa. Nếu nói lái hai tiếng này thì là « *thiên-tà* » hoặc « *thiền ta* ». Còn nếu cắt đôi nó ra, thì chữ thứ nhất cho âm khởi đầu *th*, chữ thứ nhì cho vận *iên*, đọc ráp liền lại, *th + iên* là *thiền*; như vậy kết quả là *thiền*, chớ đâu phải *thiên*?

Song ta phải đọc là *thiên* mới đúng, vì, như trên đã nói, phiên thiết là « *lỗi nói lái có quy củ hơn* », nghĩa là đã theo một nguyên tắc nhất định.

Nguyên tắc phiên thiết là như vậy. Mỗi chữ dùng phiên thiết có hai phận sự :

I.— chữ thứ nhất cho :

- 1) âm khởi-đầu
- 2) và định bậc thanh

II.— chữ thứ nhì cho :

- 1) vận
- 2) và định loại thanh.

Muốn hiểu nguyên tắc này, xin tóm lược *thanh* của tiếng Hán-Việt. Nó có bốn loại *thanh* : *bình thanh*, *thượng thanh*, *khứ thanh* và *nhập thanh*. Mỗi loại có hai bậc : bậc bằng gọi là « *thanh* » hoặc « *thượng* » ; bậc trầm gọi là « *trọc* » hoặc « *hạ* ». Nếu đối chiếu với dấu giọng của tiếng Việt, thì tóm lược thành bảng như sau :

BẬC THANH

LOẠI THANH

	Bình	Thượng	Khứ	Nhập
thanh hoặc thượng	ngang	hỏi	sắc	sắc
trọc hoặc hạ	huyền ngang (những tiếng Hán-Việt khởi đầu bằng <i>d, l, m, n, ng,</i> <i>nh, v.</i>	ngã (nặng, số ít)	nặng (ngã : số ít)	nặng

Nhờ chữ Việt có dấu giọng nên dễ phân biệt *bực thính* của mỗi tiếng. Trừ những tiếng Hán-Việt khởi đầu bằng *d, l, m, n, ng, nh, v*, có giọng ngang, thay vì *huyền*, ở hạ *bình thính*, tất cả tiếng Hán-Việt có giọng ngang, *hỏi*, sắc thuộc *bực thanh thính*, có giọng *huyền*, *ngã*, nặng thuộc *bực trọc thính*. Và những tiếng Hán-Việt có giọng ngang và *huyền* thuộc loại *bình thính*, *hỏi* và *ngã* thuộc loại *thượng thính*, sắc và nặng thuộc loại *khứ thính*, sắc và nặng có *c, ch, p, t*, cuối, thuộc loại *nhập thính*.

Theo nguyên tắc này, trở lại thí dụ phiên thiết bằng hai chữ *tha* tiền, ta thấy chữ thứ nhất *tha* cho âm khởi đầu *th* và thuộc *bực thanh thính*, vì là tiếng không dấu (*ngang*); tiếng thứ nhì tiền cho vận *iên* và thuộc loại *bình thính* vì mang giọng *huyền*. Nhưng vì tiếng kết quả phải tùy thuộc tiếng thứ nhất, mà tiếng thứ nhất thuộc *bực thanh thính*, thì tiếng kết quả phải là *thanh bình thính*, là giọng ngang, như thế phải đọc *thiên*, chứ không đọc *thiền* được.

Thí dụ về chữ *thiên* là tiếng có dấu *huyền*, thuộc *trọc bình thính*. *Khang-Hi tự-diễn* ghi: « *thị-liên* thiết ». Tiếng thứ nhất *thị* là tiếng có dấu nặng nên thuộc *bực trọc thính*, vì vậy, tuy tiếng thứ nhì *liên* có giọng ngang, nhưng tiếng kết quả phải tùy tiếng thứ nhất mà ở *trọc bình thính* là *huyền*, đọc là *thiên* vậy.

Tra chữ *kiến* là « *thấy* », ta cũng thấy rõ nguyên tắc này. *Khang-Hi tự-diễn* ghi « *cồ điện* thiết » chữ thứ nhất *cồ* cho âm khởi đầu *K* và thuộc *bực thanh thính* vì là giọng *hỏi*; tiếng thứ nhì *điện* cho vận *iên* và thuộc loại *khứ thính* vì là giọng nặng, nhưng kết quả phải đọc *K+iên sắc = kiến*, vì phải tùy tiếng thứ nhất, nó thuộc *bực thanh thính*, mà *bực thanh* của loại *khứ thính* là giọng sắc.

Trên đây là thí dụ cách đọc những chữ Hán khởi đầu bằng phụ-âm. Về những chữ Hán khởi đầu bằng nguyên-âm, như: *an, ăm, ầu, ác...*, thì *Khang-hi tự-diễn* ghi: *an = u + hàn*; *ăm = u + cãm*; *ầu = y + mậu*; *ác = ô + các*. Ta thấy những chữ thứ nhứt: *u, ư, y, ô* đều là tiếng khởi đầu bằng nguyên-âm. Vậy nói ngược lại, nếu tự-diễn Tàu ghi tiếng thứ nhất là tiếng khởi đầu bằng nguyên-âm, thì tiếng kết-quả phải khởi đầu bằng nguyên-âm. Mà điều nên đề ý là nguyên-âm của tiếng kết-quả không phải là nguyên-âm

của tiếng thứ nhất, mà là nguyên âm của vận tiếng thứ nhì. Trong mấy thí dụ dẫn trên, nguyên-âm của vận *ân* (của *hàn*) là *a*, của vận *âm* (của *cầm*) là *â*, của vận *âu* (của *mậu*) là *â*, của vận *ác* (của *các*) là *a*. Vận tiếng kết quả của tiếng khởi đầu bằng nguyên-âm là vận của tiếng thứ nhì dùng phiên thiết, nhưng ở bậc thanh *thanh*, vì tất cả tiếng Hán-Việt khởi đầu bằng nguyên-âm đều thuộc bậc *thanh* *thinh*, nghĩa là tiếng giọng *ngang* *hỏi* hoặc *sắc* (Ta thấy tiếng Hán-Việt có : *an, án, âm, ầm, ẩm...* mà không có *àn, ạn, ằm, ẳm, ậm...*) Thành ra, *ân* thuộc *trọc bình* *thinh* (giọng *huyền*) mà phải đọc ra *an* thuộc *thanh bình* *thinh* (giọng *ngang*) ; *âu*, giọng *nặng* thuộc *trọc khứ* *thinh* mà phải đọc *ấu*, giọng *sắc* thuộc *thanh khứ* *thinh*.

Nguyên tắc phiên thiết ghi trong tự-điền Trung-hoa để phát âm chữ Hán là như thế ; hai chữ dùng để phiên thiết không nhất thiết phải giống nhau. Như bộ *Từ-hải* dùng hai chữ phiên-thiết không giống với hai chữ phiên-thiết của *Khang-hi* tự-điền. *Từ-hải* ghi : *thiên = thế-yên* ; *kiến an = a + can* ; *ầm = ỷ + cầm* ; *ác = a + các v.v...*

Khi xưa các cụ học chữ Hán, ngoài cách vịn theo các lối ghi của tự-điền Trung-hoa là « *độc* *nhược* », « *âm* », « *phiên-thiết* », còn dựa vào cách phát-âm « *quen* *dùng* » của Việt-nam. Cách này, do kiêng-húy hoặc do lẽ gì khác, cho ra kết quả không phù hợp với âm ghi chú trong tự-điền Tàu. Như giọng Hán-Việt *quen* *độc* là *nhất* (*nhứt*), *khiêu*, *tất*, v.v... trong khi *Khang-hi* tự-điền ghi : « *ư + tất* *thiết = ất* », « *thồ + điều* *thiết = thiêu* », « *bích-cát* *thiết = bát* ».

Số chữ *độc* khác với lối ghi âm của tự-điền Tàu tương đối không nhiều. Vậy với phương pháp *phiên-thiết* của tự-điền Trung-hoa ta « *đọc* » được tất cả chữ Hán, theo âm-hệ Việt-nam, thành tiếng Hán-Việt.

II HỎI : Cùng một bài thơ Đường-luật viết bằng Hán-Việt nếu *đọc* theo quan thoại thì cách gieo vần có hòa hợp không ?

TRẢ LỜI :

Ít vận non tiếng Hán-Việt, tiếng quan-thoại không có vận có *m* cuối ; những vận có *m* cuối của tiếng Hán-Việt thì tiếng quan-thoại

phát âm thành vận có *n* cuối, như *lâm*, *giam* thì thành *lin*, *kien*. Thành ra, những tiếng *tâm*, *tân*, *tín* thì đọc *sin*, *sin*, *sín*; những tiếng *giâm*, *gián*, *kiếm*, *kiện*, *kiến* đều đọc có một âm là « *kién* ».

Tiếng quan-thoại cũng không có loại *nhập thính*, nghĩa là những tiếng có *c*, *ch*, *p*, *t* cuối. Những tiếng *nhập thính* của Hán-Việt thì phát âm thành một tiếng *vận tron* mà gần mạnh, như : *bắc* = *pái* ; *bích* = *pí* ; *lập* = *lì* ; *bất* = *pú*...

Vận đã không phù hợp, mà *thính* cũng không phù hợp giữa hai tiếng quan-thoại và Hán-Việt. Những giọng *hạ bình thính* của Hán-Việt (giọng *huyền*), và *ngang* khi tiếng Hán-Việt khởi đầu bằng *d*, *l*, *m*, *n*, *ng*, *nh* và *v*) thì tiếng quan-thoại gọi là *đương bình thính* và phát-âm nghe gần như giọng *hỏi* của ta. Trái lại, những tiếng Hán-Việt thuộc loại *thượng thính* (có giọng *hỏi* và *ngã*) thì tiếng quan-thoại cũng gọi *thượng thính*, nhưng phát-âm nghe gần giọng *huyền* của ta, và giọng *sắc*, khi những tiếng Hán-Việt đầu *ngã* khởi đầu bằng *b*, *d*, *k* (*c*, *qu*)...

Như vậy, nếu vận và *thính* giữa hai tiếng quan-thoại và Hán-Việt không phù-hợp nhau, thì một bài thơ Đường-luật, đọc theo quan-thoại, không thể gieo vần hòa-hợp được.

● bạn Viên-Nhạn, Nha-trang hỏi :

1 Trong hai chữ « *Trả đũa* » (các báo thường dùng) và chữ « *Trả nũa* » (ông Hồ Hữu Tường viết trên tờ Hòa Đồng) thì chữ nào đúng chữ nào sai ?

2 Tên các vị vua đời nhà Lê chẳng hạn, thì ta dùng Lê thái Tôn, Lê nhân Tôn, Lê thánh Tôn hay Lê thái Tông, Lê nhân Tông, Lê thánh Tông như một vài tờ báo có viết ?

— TRẢ LỜI :

1) Trong Đại-nam quốc-âm tự-vị của Paulus Hình Tịnh Của, chú giải như sau :

— *Nũa* : oán hận, chống báng

— Trả nửa : trả oán, trả hờn

— Mắng trả nửa : mắng trả lại, mắng tay hai.

Theo tôi, tiếng *nửa*, có lẽ do tiếng (Hán) *nộ* : giận hờn, biến trại.

2) Kể về thời gian lịch sử đời vua Lê, viết Lê Thái Tông, Lê Nhân Tông đúng hơn, vì vào thời đó chưa có húy tiếng *Tông*.

Đến đời Thiệu-Trị (1841-1847), vua Thiệu-Trị tên đọc là *Miên Tông*, tiếng *Tông* bị trọng húy, nên phải đọc trệch là *Tôn*.

LÊ NGỌC-TRỤ

SỬA LẠI CHO ĐÚNG :

Văn số 56 : *Thi văn tập thành*, chớ không phải *Thi văn tập thành*.

Ông Thuần-Phong Ngô-văn-Phát bút hiệu *Tổ-Phang* (in sai là *Tổ Phong*). Bút hiệu *Tổ-Phang* là kết quả sắp xếp của hai tiếng *NGÔ* (văn) *PHÁT*, cũng như *Khái-Hưng* là kết quả sắp xếp của hai tiếng (Trần) *KHÁNH-GIƯ*.

Xin quý vị độc giả, nhứt là thi sĩ *Tổ-Phang* vui lòng thứ lỗi cho. Đa tạ.

LÊ NGỌC-TRỤ

ĐÓN ĐỌC :

N H A N S Ắ C

truyện DƯƠNG NGHIÊM MẬU



Tòa soạn *VĂN* vừa nhận được những tác phẩm mới do tác giả hoặc nhà xuất bản gửi tặng. Xin chân thành cảm ơn người tặng sách và trân trọng giới thiệu cùng bạn đọc:

★ **KHOA HỌC VÀ ĐỨC TIN**, khảo luận của Trần Văn Ái do Nam-Chi từng thư xuất bản. Sách dày hơn trăm trang, giá 60 đồng.

Giới thiệu tư tưởng của Teilhard de Chardin. Xin đón coi bài phê bình tác phẩm này trong mục « đọc sách mới » của *VĂN*.

● **XÂY DỰNG HẠNH PHÚC**, Laura Anchera Huxley, Nguyễn Hiến Lê dịch, Tao Đàn xuất bản. Sách dày 328 trang, giá 90 đồng.

Dịch cuốn « You are not the target ». Sách thuộc loại « Học làm người » giúp cho người đọc xây dựng một cuộc sống vui tươi, nhân ái.

★ **BÓNG TỐI**, truyện dài của Vũ Mai Anh do Thái Lai xuất bản. Sách dày 214 trang, giá 60 đồng.

Tác phẩm thứ năm của Vũ Mai Anh — một cây bút quen thuộc với độc giả Bắc-hà trước 1954 — là một

truyện tình hấp dẫn, có nhiều màu sắc xã hội.

● **LỤC BÁT**, thơ Anh hoa do Tác giả xuất bản. Sách dày 116 trang, giá 80 đồng.

Thi phẩm thứ ba của Anh Hoa là một thi phẩm gồm khoảng 100 bài lục bát. Sách do Diên Nghị và Kim Tuấn vào đề.

★ **HẠ TRẮNG**, thơ Uyên Châu và Thiên Thêm do Sao Trưa xuất bản. 8 trang nhỏ in trên bìa cứng, không ghi giá bán.

8 bài thơ của 2 bạn trẻ.

● **ĐƠN SƠ**, thơ Bích Nga và Minh Quân, do Xây Dựng xuất bản. Sách dày 120 trang, giá 50 đồng.

Thi phẩm gồm khoảng 60 bài thơ của hai tác giả.

★ **TUỔI THƠ**, tập truyện của Lương Thế Nam, do Sáng Tạo xuất bản. Trọn bộ gồm hai cuốn, dày 272 trang + XII. Bản đặc biệt, không ghi giá.

Tác phẩm đầu tay của Lương Thế Nam gồm 12 đoản thiên và một phụ lục về « một lối viết quốc ngữ rút ngắn và bỏ dấu ».

● **CẢNH TƯỢNG ĐÊM NAY**, tập truyện của Viên Linh do Thời Mới xuất bản. Sách dày 196 trang, giá 68 đồng.

Tác phẩm thứ hai của nhà thơ Viên-Linh là một tập truyện gồm 10 đoản thiên.

✱ HIỆN DIỆN MỚI, 24 trang, giá 10 đồng.

Tập thơ văn của một nhóm gồm khoảng 10 cây bút trẻ.

✱ CUỘC SỐNG CHUNG VÀ MÂY TRẮNG, thơ Nguyễn Công Tịnh do Đại-Nam Văn hiến xuất bản. Sách dày 50 trang, giá 20 đồng.

Tập di cảo của nhà thơ quá cố Nguyễn Công Tịnh (1923-1949) gồm 34 bài thơ sáng tác trong thời gian từ 1939 tới 1947.

● TẬP SAN SỬ ĐỊA, số 2 : 120 trang, giá 20 đồng.

Tập san sưu tầm, khảo cứu, giáo khoa, cần thiết cho học giới.

✱ SỬ MẠNG, bản nguyệt san của sinh viên Học-viện Quốc-gia Hành-chánh. Số 5 và 6, 64 trang, giá 15 đồng.

THƯ ĐI *Trên lại*

✱ Quý bạn gửi bài và thư :

Để tránh thất lạc, mong quý bạn, nhất là từ miền Trung và Cao-nguyên, gửi thư và bài về tòa soạn VĂN bằng máy bay. Bạn nào yêu cầu trả lời bằng thư riêng, xin nhớ gửi đủ tem trả lời bằng máy bay.

● bạn Minh Lan, Sài-gòn.

1) Cách chấm câu và bỏ dấu cổ điển (học đường) đã không còn được

một số nhà văn trẻ dùng nữa. Ở ngoại quốc trước, và bên nước ta, mấy năm gần đây. 2) Khi nào bạn có một trình độ thẩm mỹ cao (hơn bây giờ) thì bạn sẽ hiểu và thích thú truyện đó.

✱ bạn Đoàn Phong, Sài-gòn.

1) Còn có Tổng-thư-viện, Thư-viện Hoa-kỳ, Pháp... Phải tuân theo quy luật của các thư viện đó. 2) Hỏi tại trung tâm văn hóa Đức và các trường đại-học. 3) Lập hội phải xin phép bộ Nội-vụ. 4) In bất cứ loại ấn loát phẩm nào cũng phải xin phép bộ Thông-tin. 5) Rất tiếc không thể trả lời những câu hỏi khác, ngoài phạm vi văn chương.

● bạn Nguyễn-văn Lyên, Quảng-nam.

Bạn không muốn đăng lên báo lại không cho địa chỉ (và bưu phí) thì làm sao chúng tôi có thể trả lời thư bạn ?

✱ bạn P.N.H., Tân-an.

Sao bạn mâu thuẫn quá thế. Câu thứ 7 « không giới tuyến » mà và câu thứ 10 thì lại « bên kia giới tuyến » ?

● bạn Lê Quang Thông, Đà-nẵng.

1) Văn số 29 đã hết. 30 và 51 còn, bạn gửi 40 đồng tem thư. 2) Phải. 3) Chưa, nhưng sẽ ra.

● bạn Châu-văn Hiền, Huế.

1) Còn đầy đủ. Gửi 200 đồng bằng bưu phiếu. Nhớ nhắc lại 14 số bạn cần. 2) Sẽ làm một ngày gần đây.

● bạn Nguyễn Đạo Thái, Huế.

Cám ơn bạn đã viết cho chúng tôi, Sau, xin bạn cho biết rõ hơn:

- 1) Ai vất bạc ngàn qua cửa sổ (để chúng tôi tìm lượm: mười đồng đổi với chúng tôi cũng « to » lắm chứ!)
- 2) Xin cho biết sự khinh thường mà bạn nói đó nó ở đâu? ra sao?

★ Phan-thị Kim-Chi, Huế.

Văn tập I đã hết. Chỉ còn 5 số rồi: 1, 2, 4, 5 và 6 (thiếu số 3). Gửi 70 đồng tem.

● bạn Nguyễn Đức Phương, Phong-dinh.

VĂN số 37 còn. Gửi 15 đồng tem thư.

★ bạn Mạc Tử Huyền, Phong-dinh.

1) Có báo biểu. 2) Bạn cần trau dồi thêm, trước hết, về kỹ thuật làm thơ: chữ « đông » cuối câu sáu chữ không thể hợp vần với « tôi » chữ thứ sáu trong câu tám - chữ được. Hãy nắm vững kỹ thuật trước đã rồi hãy bàn đến những truyện khác, còn quá cách xa đối với tầm tay vói của bạn.

● bạn Trần Đình Chi, Qui-nhơn.

Văn 1 đến 30, giá 450 đồng, cả cước phí.

★ Phương Ái, Sài-gòn.

Văn số 37 còn, giá 15 đồng.

● bạn Nguyễn Hữu Linh, Huế.

Văn số 5, 7, 9 còn. Gửi 40 đồng tem thư.

★ bạn Nguyễn Hồng Thi, Kbc. 3469.

Truyện của bạn nên gửi đăng trên báo quân đội thì thích hợp hơn.

● bạn Lý Minh Giang, Kiên-giang.

Văn số 17 đã hết.

★ Quý bạn Đình Phùng Thiện, Ly Me, Sài-gòn.

1) Thơ đăng có báo biểu, văn có nhuận bút — kể từ bài thứ hai được chọn đăng — ít nhiều tùy theo giá trị của bài. 2) Văn số 3, 29 đã hết. Cả tòa soạn cũng không còn số nào.

● bạn Nguyễn Kỳ Phương, Phụng-hiệp.

1) Xin viết hỏi bộ Văn - hóa, 2) Nguyễn Kim Dũng. Châu N. L. 3) Đúng, ở Tuy-hóa.

★ bạn Đặng-văn Linh, Biên - hòa.

1) Văn 22 hết, 25 còn. Gửi 20 đồng tem thư. 2) Đúng là một người.

● Một nhóm sinh viên Đại - học Văn-khoa Sài-gòn.

1) Vì phần lớn độc giả của Văn không phải là sinh viên Văn - khoa nên chúng tôi rất tiếc không thể chiều theo đề nghị của quý bạn. 2) Số « chính thức » sẽ làm khi nào có dịp thuận tiện. Chúng tôi chưa muốn trở lại nhà văn đó vì muốn tránh tiếng (oan) làm-văn-chương - hiện - sinh (!) mà thiên hạ thường gán cho chúng tôi. 3) Sẽ có những số về những tác giả mà quý bạn mong đợi. Có điều này xin lưu

ý quý bạn: tòa soạn định làm một số về Hoàng - Đạo từ hơn một năm nay mà vẫn chưa thu thập đủ bài vở đó, không « dễ » như quý bạn nghĩ đâu ! 4) Cảm ơn những ý kiến xây dựng và mong sẽ còn nhận được thư khác của quý bạn.

★ bạn Ngô Nguyên Nghiễm.

Bạn nên gửi tiếp bài khác. (BTĐTP).

CẦN MUA SÁCH XƯA :

Tòa soạn VĂN cần mua lại, theo giá quý bạn định, cuốn *Việt-nam Tự-diễn* (Khai-tri Tiến-đức) sơ-bản hoặc tái-bản (1954) cũng được.

Bạn nào có mà dư dùng, xin nhượng lại, chúng tôi rất đổi cảm ơn.

VỀ CUỘC CHƠI VUI :

Vi thư từ vận chuyển chậm trễ, chúng tôi xin hoãn cuộc chơi vui đặt chủ đề cho VĂN số 58 thêm một kỳ báo nữa. Như vậy kết quả sẽ được công bố vào ngày 15-7-1966.

Nhiều tặng phẩm văn nghệ nhỏ sẽ được gửi tặng những bạn nào tìm ra các chủ đề gần với ý của tòa soạn VĂN nhất.

Mong quý bạn tham dự cho thêm phần đông đảo.

● THƠ VĂN ĐÃ CHỌN :

Ban Tuyên-đọc Tác-phẩm VĂN đã chọn những tác phẩm sau đây và giao cho tòa soạn lựa đăng dần :

Đấy, Yên-Giang. Lời xin tội của đứa học trò, Lê Thanh Xuân.

Trong khi chờ đợi VĂN đăng tải, yêu cầu quý bạn đừng gửi những tác phẩm kể trên cho các báo khác. Trân trọng cảm ơn.

CẦN MUA LẠI BÁO CŨ :

Ty trị sự Văn cần mua lại nhiều báo Văn số 3, số 14 và số 29, theo đúng giá bán. Bạn đọc dư dùng mà không muốn bán lại, có thể đổi 1 tập VĂN số 3 hoặc 2 tập 14 và 29 lấy một cuốn sách *Bầy thỏ ngày sinh nhật*. Ở Sài-gòn, xin liên lạc thẳng với tòa báo. Ở xa, xin gửi nhà bưu điện.



★ BÀI ĐÃ
NHẬN ĐƯỢC

* Văn :

Quý bạn : Nguyên Dũng. mđ. phương. Huỳnh Cẩm (fh.). Phương Ái. Mai Ngân Sao. Nguyễn Hồng Thi.

* Thơ :

Quý bạn : Hoài Phong. Vũ Tâm. Phương Thuận. Mạc Tử Huyền.

Triệu Phiên Ngung. Hoa Huyền Dung. Lê Văn Huy. Ly Hương Dạ (fh). Vân H. P.N.H., Vũ Đ. Phương. Hoàng Bích. Hà Nguyên Hải. An Đoàn. Tô Hùng. Trần Mộng Châu. Huỳnh Cẩm (fh). Hoang Liêu. Phạm-vũ Hoài-triệu. Đậu Tuzest Les. Trần-văn Duận. Hoài Bảo. Mạc Bằng Tâm. Thanh Uyên. Chinh Phu. Trương Dù Kiên. Nguyễn Hà. Mạc Tử Huyền. Phạm Mạc Kệ. Tô Thùy. Trầm Giang. Phạm Liên Hương. Trình Nh—, Nguyễn Phú. Liêu Khê. Dũng. Vinh Hồ. Trần Khanh. Trần-văn Duận. Lãnh Vu. Ngọc Nữ. Ly Me. Phùng Khắc Tuấn. Vương Triều Hân. Hồng Minh Ngọc. Lê-dinh Phạm-Phú. Nguyễn khởi Phiên. Nguyễn Lãng. Đặng Kim Côn. Thy Uyên. Mạc Phú. Từ Hoài

Tấn. Nguyễn Đình. Lê Luân. Minh Liên. Ngô Nguyên Nghiễm. Triều Vũ. Nguyễn-do Nghy vũ. Mây Viên Xứ. Thân-thùy Uyên-Nghyễm. Uyên Nghiễm. Lê-thị Hạnh-vân.

Minh Dũng. Nguyễn-mạnh Song-ka (2). Mường Mán. Lưu Vân. Mai Xuân Thảo. Phạm Nhã Uyên (2). Đa Đa. Nguyễn Nhưong Nghiệm. Ngô Tuấn. Hoài Tuyết Trang. Trần Yên Thảo.

— Ban tuyên đọc tác phẩm của VĂN đã đọc những tác phẩm của quý bạn và rất tiếc không thể chọn đăng. Xin chân thành cảm ơn và mong quý bạn vui lòng gửi cho VĂN những tác phẩm khác.

BẠN ĐÃ ĐỌC 2 TÁC PHẨM MỚI NHẤT
NÀY CỦA HỒ - HỮU - TƯỜNG CHƯA ?

LUẬN LÂM, I & KỂ CHUYỆN

để rõ con người-dùng-văn họ Hồ vượt biệן chứng pháp ra sao và quan niệm kể chuyện như thế nào. Và mời bạn chờ :

GÁI NƯỚC NAM LÀM GÌ ?

SÁCH HAY • IN ĐẸP • BÁN RẺ

ĐÃ PHÁT HÀNH

5/66

viên đạn đồng chữ nổi
TRUYỆN DÀI MAI-THẢO

ĐÓN COI

6/66

chân dung Nhật-Linh
HỒI-KÝ CỦA BẦY TÁC-GIẢ

TẬP - SAN



XUẤT-BẢN